



Aus4Reform Program



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU ĐỀ ÁN

BIẾN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ KHU VỰC VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	4
1. Bối cảnh và tính cấp thiết của đề án.....	4
2. Mục tiêu của Đề án.....	6
3. Phạm vi nghiên cứu	6
4. Cách tiếp cận và phương pháp	7
5. Kết cấu.....	7
PHẦN I: NHẬN DẠNG CÁC BIẾN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM	9
I. SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC	9
1. 1.1. Chiến lược “Vành đai con đường” và kết nối khu vực	9
2. 1.2. Chiến lược vươn ra toàn cầu -“China Going Global”	11
3. 1.3. Chiến lược “Made in China 2025”	13
4. 1.4. Đẩy mạnh quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ	18
5. 1.5. Cường quốc biển và gia tăng xung đột khu vực	20
6. 1.6. Chiến lược mới sau Đại hội 19.....	20
II. XU HƯỚNG GIA TĂNG BIẾN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ	23
7. 2.1. Chuyên hướng chính sách đối ngoại của Mỹ.....	23
2.2. Luật thuế mới của Mỹ.....	25
2.3. Bảo hộ thương mại và chiến tranh thương mại	25
2.4. FTA song phương và khu vực thay thế cho các khuôn khổ đa phương.....	31
8. 2.5. Biến động ảnh hưởng đến giá dầu thế giới	32
PHẦN II: TÁC ĐỘNG KINH TẾ CỦA CÁC SỰ KIỆN ĐỊA CHÍNH TRỊ	33
I. CHIẾN LƯỢC MADE IN CHINA 2025 – MIC 2025	33
1.1. Thách thức đối với doanh nghiệp nước ngoài.....	33
1.2. Gây ảnh hưởng xấu đến doanh nghiệp FDI	35
1.3. Tạo áp lực lên các nước công nghiệp	36
II. CHIẾN LƯỢC VÀNH ĐAI VÀ CON ĐƯỜNG – BRI	38

2.1. Thay thế và đối trọng với vai trò đầu tàu của Mỹ	38
2.2. Tăng mức độ phụ thuộc kinh tế	38
III. LUẬT THUẾ CẢI CÁCH THUẾ ĐẾN MỸ VÀ THẾ GIỚI	40
3.1. Tác động tới tăng trưởng và thương mại thế giới.....	44
3.3. Tác động tới kinh tế Mỹ.....	46
3.4. Tác động đến EU.....	52
3.5. Tác động đến Nhật Bản.....	54
3.6. Tác động đến Hàn Quốc.....	56
3.7. Tác động đến Trung Quốc.....	57
IV. TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI.....	60
4.1. Tác động tới toàn cầu	60
4.2. Đánh giá tác động đến kinh tế Mỹ	63
4.3. Tác động đối với kinh tế Trung Quốc	65
PHẦN III TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NGỤ Ý CHÍNH SÁCH	68
I. BR và tác động đến Việt Nam.....	68
II. MIC 2025 và ảnh hưởng đến Việt Nam	70
III. Luật thuế của Mỹ và ảnh hưởng đến Việt Nam.....	71
IV. Tác động của chiến tranh thương mại tới Việt Nam	77

PHẦN GIỚI THIỆU

1. Bối cảnh và tính cấp thiết của đề án

Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi, bờ biển dài, giáp với các thị trường lớn và là cửa ngõ của khu vực ASEAN có nền kinh tế năng động. Vị trí địa lý này góp phần rất lớn trong hoạt động kinh tế, mở cửa với bên ngoài, tuy nhiên đây cũng là nơi nhạy cảm với các biến động địa chính trị khu vực và thế giới.

Thương mại, đầu tư và tài chính quốc tế có quan hệ mật thiết với các biến động kinh tế địa chính trị khu vực và toàn cầu. Các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm hiện nay đều đã chứng minh về mối quan hệ chặt chẽ và hai chiều giữa kinh tế và các vấn đề địa chính trị. Cũng như các vấn đề kinh tế, một đặc điểm khá quan trọng của các biến động địa chính trị là tính phản ứng dây chuyền của các sự kiện, điều này tạo lên sự phức tạp, nhiều chiều, nhiều chủ thể trong mối quan hệ kinh tế với địa chính trị.

Địa chính trị khu vực và thế giới trong thời gian gần đây đang có nhiều biến động, nhanh và ngày càng khó lường. Sự phục hồi của kinh tế Nga làm tăng vai trò của Nga trong các vấn đề quốc tế, tăng tính đa cực trong quan hệ địa chính trị, tuy nhiên cũng là tăng khả năng xung đột địa chính trị, kinh tế giữa Nga với các nước thuộc NATO. Tương tự như vậy, sự trỗi dậy về kinh tế và chính trị của Trung Quốc kéo theo nhiều biến động trong khu vực, làm thay đổi chiến lược và chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia. Với những chiến lược như Vành đai và con đường, Quốc tế hóa đồng nhân dân tệ... Trung Quốc đang nổi lên là một cường quốc đầy tham vọng trong việc tăng tầm ảnh hưởng tới khu vực và quốc tế. Đối phó với sự trỗi dậy này, Chiến lược Xoay trục sang Châu Á - Thái Bình Dương và sau này là Xoay trục Châu Á - Ấn Độ Dương của Mỹ càng làm cho khu vực Châu Á Thái Bình Dương và Đông Nam Á nói riêng trở thành địa bàn tranh giành ảnh hưởng của các cường quốc.

Trực tiếp hơn với Việt Nam, tranh chấp trên Biển đông đang là vấn đề nóng, đặc biệt bất lợi hơn cho Việt Nam sau khi Philipine thay đổi về quan điểm giải quyết tranh chấp mặc dù phán quyết tại tòa quốc tế là có lợi cho họ. Điều này tạo thuận lợi lớn cho Trung Quốc trong việc tạo sức ép lên Việt Nam trong các vấn đề tranh chấp, gần đây nhất là việc trì hoãn các dự án khoan dầu của Việt Nam trên Biển Đông.

Thay đổi đột ngột trong chính sách thương mại và đối ngoại của Mỹ kể từ sau bầu cử Mỹ đầu năm 2017 góp phần lớn vào tính bất định trong các vấn đề kinh tế, địa chính trị thế giới và khu vực. Mỹ càng trở lên cứng rắn và thực dụng hơn. Với quan điểm “nước Mỹ trên hết” chính quyền Trump đã thi hành một loạt những thay đổi trong quan hệ với các đối tác và đồng minh thông qua việc rút khỏi TPP, đàm phán lại NAFTA, tăng cường chủ nghĩa bảo hộ và gần đây nhất là áp thuế nhập khẩu với một số mặt hàng, đe dọa chiến tranh thương mại với Trung Quốc. Quan trọng hơn là những chính sách đó được công bố, điều chỉnh một cách rất khó đoán định.

Ngoài những vấn đề lớn kể trên, địa chính trị thế giới cũng chứng kiến sự phục hồi và vai trò đang tăng lên của Nhật Bản và Hàn Quốc trong định hình quan hệ địa chính trị và kinh tế của khu vực. Nhật Bản đóng vai trò chủ chốt trong phục hồi TPP, tham gia tích cực trong tăng cường cơ sở hạ tầng và kết nối khu vực của ASEAN. Tương tự như thế, Hàn Quốc cũng đang gia tăng tầm ảnh hưởng về kinh tế tới ASEAN thông qua Chính sách hướng nam trong đó sử dụng Việt Nam và Indonesia như hai bàn đạp chính tiếp cận vào khối này.

Bản thân các nước ASEAN, với việc hình thành cộng đồng kinh tế AEC cũng đang tăng cường hợp tác khu vực. Mặc dù vậy với đặc điểm khá biệt về mức độ phát triển, văn hóa và thể chế chính trị, nhiều ý kiến vẫn cho rằng đây là một định chế có hiệu quả thấp, và các nền kinh tế AEC vẫn bị điều khiển bởi các cường quốc bên ngoài. Các nước ASEAN luôn lựa chọn cân bằng với các nước lớn, thông qua kết nối với Trung Quốc, nhưng đồng thời cũng thắt chặt qua hệ với các đối tác khác như Mỹ và EU, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Không chỉ Châu Á, với việc trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy và bảo hộ, sự kiện BREXIT với việc Anh ra khỏi EU cho thấy sự suy yếu và bất đồng trong nội bộ của EU khiến cho các hiệp định hợp tác giữa EU và các nước bị ảnh hưởng.

Mặc dù mỗi sự kiện địa chính trị có những đặc điểm khác nhau từ đó có ảnh hưởng khác nhau tới kinh tế, tác động của những sự kiện địa chính trị trong thời gian qua tới kinh tế Việt Nam có thể kể đến.

Thứ nhất đó là làm tăng tính bất ổn và làm ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế chung toàn cầu. Với một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam đã và đang chịu ảnh hưởng ngày càng lớn từ mức tăng trưởng toàn cầu, điều này cũng đồng nghĩa Việt Nam sẽ càng nhạy cảm hơn với các biến động địa chính trị.

Thứ hai: Rất nhiều các khu vực bất ổn địa chính trị hiện là những địa bàn xuất khẩu hoặc đối tác đầu tư lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Trung Quốc và Đông Nam Á. Thay đổi địa chính trị tại những khu vực này làm ảnh hưởng trực tiếp tới

xuất khẩu của Việt Nam đồng thời cũng làm cho các nhà đầu tư từ các nước này có tâm lý trì hoãn hoặc chuyển hướng đầu tư.

Thứ ba: Những bất ổn địa chính trị làm ảnh hưởng tới tỷ giá các đồng tiền, làm biến động về giá dầu... từ đó làm thay đổi luồng tài chính cũng như thương mại và đầu tư tới các nước trong đó có Việt Nam.

Các nghiên cứu về địa chính trị, địa kinh tế ở Việt Nam không nhiều và thường do một số nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị thực hiện. Hầu hết các nghiên cứu này dựa trên các phân tích địa chính trị, địa kinh tế hơn là gắn được trực tiếp với các nghiên cứu về đầu tư và thương mại cũng như thị trường tài chính. Các nghiên cứu này cũng thường sử dụng các phân tích định lượng hơn là kết hợp định tính và định lượng. Hầu hết các nghiên cứu cũng tập trung vào các vấn đề đơn lẻ, hơn là hệ thống hóa và liên kết được các sự kiện cũng như giữa thương mại, đầu tư, tài chính và biến động địa chính trị. Đề án này được nghiên cứu nhằm khắc phục những điểm yếu kể trên.

2. Mục tiêu của Đề án

1. Phân tích, nhận dạng những biến động địa chính trị trong thời gian gần đây có ảnh hưởng tới Việt Nam;
2. Đánh giá ảnh hưởng của các biến động địa chính trị tới thương mại, đầu tư và một số vấn đề tài chính – tiền tệ ở cấp vĩ mô liên quan đến khu vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam;
3. Đề xuất những giải pháp, điều chỉnh chính sách cần thiết để tận dụng những tác động tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực tới Việt Nam.

3. Phạm vi nghiên cứu

Đánh giá tác động của các sự kiện địa kinh tế, địa chính trị là một vấn đề hết sức phức tạp do sự đan xen các chiều cạnh của sự kiện địa chính trị với các vấn đề kinh tế, liên quan đến rất nhiều các chủ trương và chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, Đề án tập trung vào 03 nhóm vấn đề chủ yếu sau:

1. Các biến động địa chính trị, địa kinh tế do sự nổi lên của Trung Quốc; sự cạnh tranh giữa Trung Quốc với các cường quốc khác, chủ yếu là Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc; các phương thức ứng xử của các quốc gia ASEAN và các biến động có ảnh hưởng đến giá dầu thô;
2. Các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam được nghiên cứu bao gồm các dòng vốn đầu tư và các dòng thương mại chịu ảnh hưởng trực tiếp của các sự kiện địa chính trị, địa kinh tế, cụ thể là các dòng vốn FDI, FII, ODA, xuất khẩu và

nhập khẩu và một số vấn đề tài chính – tiền tệ ở cấp vĩ mô có liên quan đến khu vực kinh tế đối ngoại;

3. Các chính sách trong phạm vi nghiên cứu của Đề án: chính sách đối ngoại, chính sách kinh tế đối ngoại và chính sách công nghiệp.

4. Cách tiếp cận và phương pháp

Với các mục tiêu và phạm vi nghiên cứu nêu trên, nghiên cứu này lựa chọn cách tiếp cận và các phương pháp như sau:

1. Cách tiếp cận nghiên cứu: Về tổng thể, kết hợp các phương pháp định tính và các phương pháp định lượng để xây dựng các kịch bản dự báo tác động các sự kiện địa chính trị đến kinh tế Việt Nam; Tập trung phân tích hai đặc trưng quan trọng của các sự kiện địa chính trị đang diễn ra trong khu vực hiện nay là cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực bằng tăng cường kết nối với các quốc gia thành viên ASEAN;
2. Đối với các dòng vốn đầu tư: Phân tích định tính kết hợp với một số phân tích thống kê - kinh tế lượng bằng các mô hình kích cỡ nhỏ dạng SVAR và VECM để đánh giá ảnh hưởng của các sự kiện địa chính trị đến của môi trường đầu tư nói chung; các dòng vốn đầu tư; những thay đổi trong khả năng cạnh tranh của các nước trong thu hút đầu tư của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới. Ngoài ra, các kết quả định lượng về tác động của thực hiện các FTA đến dòng vốn FDI của các nghiên cứu đã công bố cũng sẽ được sử dụng;
3. Đối với các hoạt động ngoại thương: Phân tích định tính kết hợp với một số độ đo định lượng về thương mại quốc tế và ứng dụng mô hình trọng lực thương mại không gian để phân tích tác động của các sự kiện địa chính trị;
4. Đối với vấn đề tài chính ở cấp vĩ mô liên quan đến khu vực kinh tế đối ngoại: Phân tích các biến động tỉ giá và lãi suất bằng mô hình kinh tế lượng toàn cầu NiGEM. Phân tích khả năng huy động tài chính cho các dự án xây dựng hạ tầng theo các phương thức cho vay.

5. Kết cấu

Ngoài phần giới thiệu và kết luận, báo cáo gồm 3 phần chính. Phần I tập trung phân tích nhận diện các vấn đề địa chính trị toàn cầu và khu vực trong thời gian qua, xác định các vấn đề trọng tâm có tầm ảnh hưởng lớn tới Việt Nam. Phần II, tập trung đánh giá cả định tính và định lượng tác động của các sự kiện này, trong đó tập trung vào một số sự kiện cơ bản như sự trỗi dậy của Trung Quốc, xu hướng thay đổi trong chính sách đối ngoại và kinh tế của Mỹ thể hiện qua cuộc chiến

thương mại gần đây với Trung quốc và việc giảm thuế thu nhập trong nước. Phần III của báo cáo tập trung làm rõ về tác động của các biến động nói trên tới kinh tế Việt Nam và đưa ra những ngụ ý chính sách cho Việt Nam.

PHẦN I: NHẬN DẠNG CÁC BIẾN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM

I. SỰ TRỞ DẬY CỦA TRUNG QUỐC

1.1. Chiến lược “Vành đai con đường” và kết nối khu vực

Năm 2013, Trung Quốc công bố “Sáng kiến Vành đai, Con đường” (BRI), nhằm vào thúc đẩy 5 lĩnh vực hợp tác: kết nối chính sách, kết nối hạ tầng, hợp tác đầu tư và thương mại, liên kết tài chính và kết nối người dân giữa các quốc gia. Các học giả trên thế giới đánh giá chiến lược BRI về bản chất là quyết sách kinh tế chính trị và đối ngoại của Trung Quốc với tham vọng trở thành cường quốc số 1 về kinh tế. Việc triển khai chiến lược BRI là cơ sở để Trung Quốc thắt chặt quan hệ đối ngoại và kinh tế đối ngoại với các nước trên thế giới thông qua các thỏa thuận hợp tác, các dự án trong khuôn khổ chiến lược này.

Với Trung Quốc, BRI đặt ra 7 mục tiêu lớn, bao gồm: thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền Tây và kinh tế biển; đầu tư ra bên ngoài do dư thừa ngoại tệ trong nền kinh tế; tạo các cơ hội đầu tư và kinh doanh cho các doanh nghiệp Trung Quốc; giải quyết tình trạng dư thừa năng lực sản xuất, đặc biệt trong các ngành thép, xây dựng,...; phát triển hạ tầng kết nối Trung Quốc với các quốc gia Châu Á và Châu Âu; tái cấu trúc thương mại toàn cầu theo hướng tăng cường vị thế các nước đang phát triển, đặc biệt là Trung Quốc; đẩy mạnh quá trình quốc tế hóa đồng nhân dân tệ (NDT).

Chiến lược BRI được triển khai theo cơ chế chính sách top-down với sự tham gia cả chính quyền Trung ương và địa phương. Cơ chế tài chính do các ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty tài chính nhưng chủ yếu là AIIB, SRF, CDB và CHEXIM. Một số dự án phối hợp với Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Tính đến năm 2017, Trung Quốc đã ký Biên bản ghi nhớ (MOU) với hơn 40 nước về các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ chiến lược BRI và 75 nước đã cam kết tham gia các dự án BRI. Trung Quốc đã triển khai nhiều dự án thuộc 06 hành lang kinh tế (trong đó có hành lang Trung Quốc – Bán đảo Đông Dương).

Về nguồn vốn, các ngân hàng thương mại của Trung Quốc đã đầu tư 250 tỉ USD vào các dự án liên quan đến BRI. Khoảng 70% dự án do Trung Quốc cấp vốn có sử dụng doanh nghiệp và nhà thầu Trung Quốc, lãi suất 2-2,5%/năm, tập trung vào hạ tầng và năng lượng. Quy mô vốn đầu tư dự kiến được Trung Quốc tuyên bố

là 1.300 tỷ USD, gấp 7 lần kế hoạch Marshall¹. Chiến lược BRI được xem là sáng kiến phát triển cơ sở hạ tầng quy mô toàn cầu lớn nhất, đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng rất lớn của thế giới, kết nối hạ tầng của hàng chục quốc gia trên lục địa Á – Âu². Trung Quốc đã và đang triển khai nhiều dự án thuộc 06 hành lang kinh tế, trong đó có Hành lang Kinh tế Trung Quốc – Bán đảo Đông dương. Các số liệu thống kê chính xác về quy mô vốn đầu tư đã triển khai trong khuôn khổ chiến lược BRI còn rất thiếu và tản mát nhưng một số nghiên cứu cho rằng Trung Quốc có thể đã đầu tư khoảng 50 – 100 tỷ USD/năm cho các dự án BRI ở các nước tham gia chiến lược này.

Nhìn chung các nước EU ủng hộ BRI do lợi ích về thương mại và xây dựng hạ tầng, đặc biệt Anh, Đức và các nước ở Trung và Đông Âu. EU thành lập Diễn đàn kết nối EU - Trung Quốc (ECCP) để trao đổi thông tin, chính sách. Khu vực ASEAN giữ vị trí quan trọng trong chiến lược BRI do tập trung nhiều Hoa kiều, cửa ngõ xuống phía Nam của Trung Quốc, nơi tranh giành ảnh hưởng với Mỹ và Nhật Bản. Các dự án lớn ở khu vực ASEAN như tuyến đường sắt Vientiane - Côn Minh trị giá 7,2 tỉ USD ở Lào, Malaysia (tiếp nhận nhiều dự án quy mô hàng tỉ USD xây hạ tầng, trong đó dự án Gateway Malacca), Thái Lan (đường sắt Bangkok - Nakhon trị giá 13,8 tỉ USD) và Myanmar tích cực tham gia, đã hình thành một số tuyến đường, các nước ASEAN khác tham gia có lựa chọn hoặc chỉ thận trọng quan sát, ví dụ Việt Nam.

Chiến lược BRI được đánh giá sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tăng dòng vốn FDI từ Trung Quốc cũng như gia tăng nguồn cung cấp tín dụng vay ưu đãi. Hệ quả tiếp theo là gia tăng trao đổi thương mại trên toàn cầu khi các kết nối kinh tế ngày càng được tăng cường giữa Trung Quốc và các quốc gia tham gia chiến lược BRI. Đối với các doanh nghiệp, gia tăng cơ hội đầu tư, kinh doanh, dự kiến khoảng 70% dự án của BRI xây dựng thuộc về Trung Quốc nhưng cơ hội cho doanh nghiệp của các nước khác vẫn rất lớn. Triển khai chiến lược BRI, Trung Quốc sẽ xuất khẩu dự án sang các quốc gia khác do các doanh nghiệp Trung Quốc là thường đối tác lớn nhất thực hiện các dự án. Các lĩnh vực được tập trung nhiều dự án nhất là nhiệt điện, thủy điện, đường ống dẫn dầu-khí, điện mặt trời, xây dựng khu công nghiệp, đường cao tốc, cảng biển, đường sắt... Hiện nay, các dự án BRI được triển khai rất mạnh ở Pakistan, Malaysia, Lào, Sri Lanka, Indonesia, Campuchia.

¹ Kế hoạch Mỹ hỗ trợ tái thiết Châu Âu sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ II.

² Tính đến năm 2018, Trung Quốc đã ký MOU với hơn 40 nước và 75 nước cam kết tham gia BRI.

1.2. Chiến lược vươn ra toàn cầu - “China Going Global”

“Trung Quốc vươn ra toàn cầu” được chính quyền Trung Quốc công bố vào năm 1999 với mục tiêu tận dụng thương mại thế giới đang bùng nổ để đầu tư vào thị trường toàn cầu. Chiến lược này là một sự khởi đầu về tư tưởng cũng như kinh tế, phản ánh những tham vọng của Trung Quốc trở thành một đối tác lớn trong hợp tác toàn cầu, đồng thời phản ánh mục tiêu trong nước là chuyển từ nền kinh tế dẫn dắt bởi đầu tư sang nền kinh tế khoa học công nghệ.

Chiến lược này được chia làm hai giai đoạn. Chiến lược “Trung Quốc vươn ra toàn cầu 1.0” được thực hiện trong giai đoạn 2002 – 2012. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 – 2010 với vai trò quan trọng của Trung Quốc trong dẫn dắt tăng trưởng kinh tế thế giới trong giai đoạn này đã đưa tới một chuyển biến mạnh mẽ trong quan điểm của chính quyền Trung Quốc, đó là chuyển từ nước hội nhập sau sang nước đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề cho các nước khác. Chiến lược “Trung Quốc vươn ra toàn cầu 1.0” đưa ra một khuôn khổ định hướng cho các doanh nghiệp Trung Quốc tìm kiếm nguồn lực và thị trường ở nước ngoài.

Năm 2013, Trung Quốc công bố triển khai thực hiện Chiến lược “Trung Quốc vươn ra toàn cầu 2.0”. Đây là một bước đi quan trọng để Trung Quốc xây dựng được ngành công nghệ chế tạo hàng đầu thế giới. Sau khi công bố chiến lược BRI, đầu tư FDI và các chương trình “Hợp tác năng lực” (Capacity Cooperation) trở thành một kênh chủ đạo để thực hiện là chiến lược BRI. Ngoài ra, một số dự án đầu tư FDI đã gắn kết với chính sách quốc tế hóa đồng NDT.

Để thực hiện chiến lược, Trung Quốc khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài. Các mục tiêu cụ thể của biện pháp này là: (i) di chuyển các ngành nghề tiêu hao năng lượng, có công nghệ lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường ra nước ngoài để tiếp nhận công nghệ có trình độ cao hơn; (ii) Tăng cường hoạt động M&A để gia tăng năng lực cạnh tranh quốc tế và tiếp cận với công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý và mạng lưới phân phối của các MNEs; (iii) tăng cường OFDI để đảm bảo nguồn cung cấp tài nguyên thiếu hụt trong nước ổn định và lâu dài; (iv) tăng cường các dự án tổng thầu ở nước ngoài giúp tạo công ăn việc làm cho người lao động. Do đó, thủ tục phê duyệt và quản lý ngoại hối tiếp tục được nới lỏng và trao quyền cho các địa phương. Đồng thời, chính sách “Vươn ra toàn cầu” cũng phải gắn với quá trình quốc tế hóa đồng NDT.

Những năm gần đây, đầu tư ra nước ngoài (ODI) của Trung Quốc đã gia tăng mạnh mẽ, Trung Quốc hiện tại là một trong hai nhà đầu tư hàng đầu thế giới khi

xét đến các dòng vốn OFDI, chỉ sau Mỹ. Năm 2015, lần đầu tiên vốn ODI của Trung Quốc đã vượt vốn FDI vào Trung Quốc, đạt 145,7 tỷ USD so với 135,6 tỷ USD. Năm 2016, theo Bộ Thương mại Trung Quốc, là năm vốn ODI Trung Quốc cao kỉ lục, đạt 196,1 tỷ USD, trong đó luồng vốn ODI phi tài chính tăng 44,1%, đạt 170 tỷ USD. Tỷ trọng vốn ODI của Trung Quốc trong tổng vốn ODI toàn cầu cũng tăng mạnh, từ 9,0% năm 2015 lên 13,3% năm 2016. Giá trị các thỏa thuận M&A xuyên biên giới của Trung Quốc cũng tăng kỷ lục 266% so với năm trước đó, tương đương 209 tỷ USD, chiếm vị trí thứ hai thế giới về thu tóm doanh nghiệp ở nước ngoài chỉ sau Mỹ.

Mặc dù vốn ODI của Trung Quốc giảm mạnh năm 2017, còn 143 tỉ USD, nhưng theo đánh giá của nhiều chuyên gia, điều này cũng không ảnh hưởng đến xu hướng tương lai của dòng vốn này. Tỷ lệ vốn lũy kế ODI trên GDP của Trung Quốc năm 2016 rất thấp, chỉ 10,9% và thấp hơn nhiều so với các nước phát triển khác như Mỹ (28,9%), Nhật Bản (27,6%) và Đức (57%)... Điều này cho thấy vốn ODI Trung Quốc vẫn còn tiềm năng để tăng lên trong tương lai. Hơn nữa, những động lực dẫn dắt Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài là mong muốn chiếm lĩnh thị trường, công nghệ, thương hiệu và nguồn tài nguyên vẫn là những mục tiêu theo đuổi của Trung Quốc. Bên cạnh đó, việc triển khai chiến lược BRI cũng tạo động lực thêm cho OFDI từ Trung Quốc.

Dòng vốn FDI từ Trung Quốc tập trung nhiều vào lĩnh vực sản xuất hàng hóa và năng lượng (khoảng 49,4% tổng vốn năm 2017). Đáng chú ý là các doanh nghiệp Trung Quốc đang chuyển hướng đầu tư nông nghiệp xanh, sạch để xuất khẩu thực phẩm sạch vào Trung Quốc. Ngoài ra, thực hiện BRI nên OFDI vào hạ tầng giao thông và các dịch vụ logistic chiếm tỉ trọng cao (khoảng 19,0% tổng vốn). Trung Quốc nỗ lực mua sắm công nghệ thông qua dòng vốn FDI do chính phủ thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp, xu hướng này có thể ảnh hưởng đến vị thế thống trị của các nước công nghiệp. Sự gia tăng nhanh chóng của OFDI Trung Quốc vào các nước phát triển vừa tác động tích cực đến nước tiếp nhận vừa mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp các nước này tiếp cận thị trường Trung Quốc tuy nhiên họ phải chia sẻ công nghệ với Trung Quốc. Các công ty đa quốc gia (MNEs) của Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài và cạnh tranh với các công ty MNEs từ các nước phát triển làm gia tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế đang dư thừa công suất. Sự hỗ trợ của Chính phủ Trung Quốc dẫn đến cạnh tranh không công bằng, gây ra những rủi ro tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư.

Về cơ cấu vốn FDI theo các quốc gia, các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư

nhiều vào các nước công nghiệp phát triển để tiếp cận công nghệ hiện đại như Mỹ, Anh, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore. Trung Quốc đầu tư nhiều vào các nước EU, chiếm khoảng 53,4% tổng vốn OFDI năm 2017 do một số giao dịch M&A cực lớn như ChemChina mua lại Tập đoàn Syngenta của Thụy Sĩ trị giá 45,4 tỉ USD. Trung Quốc đầu tư nhiều vào Anh quốc, năm 2016 đạt 11 tỉ USD, năm 2017 đạt 19 tỉ USD. Ở khu vực Châu Á, Trung Quốc đầu tư FDI nhiều vào các nước Châu Á như Singapore, Nhật Bản, Malaysia và một số nước BRI, trong đó đầu tư vào Singapore là lớn nhất. Ngoài ra, dòng vốn OFDI Trung Quốc vào các nước BRI đang tăng lên, đặc biệt là các nước Malaysia, Thái Lan, Iran, Pakistan và Sri Lanka. Nhìn chung, các nước châu Á tham gia BRI tích cực đón nhận vốn FDI của Trung Quốc. Dòng vốn OFDI của Trung Quốc vào Mỹ đang bị ảnh hưởng do chính sách bảo hộ của nước này (Chính quyền Donald Trump tăng cường hoạt động của Ủy ban Đầu tư nước ngoài (CFIUS) để hạn chế OFDI Trung Quốc) nhưng Mỹ vẫn là thị trường đầu tư đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp Trung Quốc, bao gồm cả FDI và M&A. Đầu tư FDI Trung Quốc vào các quốc gia có trọng điểm theo lĩnh vực: nông nghiệp (Thụy Sĩ), dầu khí (Nga) và tự động hóa (Hy Lạp và Anh), nông nghiệp (Brazil) và thủy điện (Brazil và Peru), sản xuất hàng hóa (các nước EU).

Các nước Pháp, Đức và Ý đã công bố các cơ chế quản lý cho toàn Châu Âu để sàng lọc các dòng vốn FDI trong các lĩnh vực chiến lược và doanh nghiệp công nghệ. Pháp bổ sung một số lĩnh vực liên quan đến Big Data và AI vào danh sách những lĩnh vực trọng điểm cần giấy phép để mở cửa cho FDI. Các nước phát triển khác như Nhật Bản, Canada, Úc cũng đã có các cơ chế kiểm soát vốn FDI (investment screening mechanisms). Úc đang thắt chặt các quy định về FDI trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng điện và đất nông nghiệp để hạn chế FDI từ Trung Quốc.

1.3. Chiến lược “Made in China 2025”

Trung Quốc đã trở thành nước sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp lớn trên thế giới. Sản lượng và khối lượng xuất khẩu của hơn 200 loại sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc đang đứng số một thế giới, trong đó tỷ trọng hàng chục sản phẩm công nghiệp xuất khẩu của Trung Quốc đã chiếm trên 70% tổng lượng xuất khẩu toàn cầu. Tuy là nước lớn về chế tạo, nhưng khi nhắc đến sản phẩm của Trung Quốc, đa phần các nước trên thế giới đều đặt nghi vấn về chất lượng, và Trung Quốc chưa được công nhận là “cường quốc chế tạo”. Ngoài ra, ngành chế tạo của Trung Quốc phụ thuộc rất lớn vào thiết bị và nhân công kỹ thuật nước ngoài vì ngành chế tạo của Trung Quốc chủ yếu theo loại hình sao chép và

thuê chuyên gia nước ngoài, cho nên năng lực sáng tạo, chất lượng sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc luôn ở mức thấp trên thế giới và nước này chưa có được hệ thống ngành chế tạo tự chủ, không khép kín, luôn đứng trước rủi ro của các đòn trừng phạt kinh tế của nước ngoài. Trong bối cảnh này, Trung Quốc công bố chiến lược “Trung Quốc chế tạo 2025”, viết tiếng Anh là “Made in China 2025” vào tháng 5/2015, để giải quyết các vấn đề nói trên, với kỳ vọng đưa Trung Quốc tiến mạnh thành “cường quốc chế tạo” trong 10 năm tới, thực hiện theo phương châm “Lấy sáng tạo để thúc đẩy, chất lượng là hàng đầu, phát triển xanh, cải thiện kết cấu, coi nhân tài là cơ bản”.

Các chiến lược như “Trung Quốc chế tạo 2025” hay các Kế hoạch 5 năm của các ngành kinh tế có mục tiêu tổng quát là phát triển một nền kinh tế mới dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới, dịch vụ và tiêu dùng, đưa Trung Quốc tiến lên nấc thang mới trong chuỗi giá trị để tránh rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” và “sự trì trệ kinh tế kiểu Nhật Bản”. Mục tiêu cụ thể là tăng cường cạnh tranh nhờ nâng cao chất lượng ở các lĩnh vực có ưu thế, tiến tới toàn bộ ngành chế tạo đạt trình độ thế giới, một số lĩnh vực có khả năng dẫn đầu; nâng cao hiệu suất lao động một cách rõ rệt, nâng cao vị trí trong GVC và mạng sản xuất toàn cầu, thích ứng với những biến đổi do Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mang đến, đầu tư tìm kiếm công nghệ cao và hình thành một tập hợp các công ty và các ngành sản xuất có sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế.

Chiến lược “Trung Quốc chế tạo 2025” đề 04 nhóm chỉ tiêu: Năng lực sáng tạo, Hiệu suất chất lượng, dung hợp chế tạo hóa và thông tin hóa, phát triển xanh. Các chỉ tiêu này nhằm đánh giá sự phát triển của các ngành kinh tế cũng như tổng thể nền kinh tế. Trung Quốc xác định 10 ngành trọng điểm phải có bước đột phá khi triển khai chiến lược này, bao gồm: công nghệ thông tin mới; thiết bị điều khiển số cao cấp; trang thiết bị hàng không vũ trụ; trang thiết bị cơ khí đại dương và tàu thuyền công nghệ cao; trang thiết bị đường sắt tiên tiến; ô tô tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng mới; trang thiết bị điện; các vật liệu mới; dược phẩm sinh học và các thiết bị y tế có tính năng cao; và máy nông nghiệp.

Thực tế triển khai cho thấy 10 ngành trọng điểm tập trung đột phá; thực hiện 9 nhiệm vụ ưu tiên; triển khai 5 đại dự án; triển khai 226 dự án ứng dụng tiêu chuẩn hóa chế tạo thông minh, đã có Trung tâm sáng tạo điện động lực quốc gia, Trung tâm sáng tạo chế tạo (in 3D). Số hóa, mạng hóa, thông minh hóa đang được triển khai rõ rệt; Tiêu hao nguyên vật liệu và xả thải giảm mạnh ở một số đơn vị công nghiệp trọng điểm; Tăng trưởng sản xuất công nghiệp cải thiện, sản lượng

robot công nghiệp và ô tô năng lượng tăng mạnh. Trung Quốc đã trở thành nước dẫn đầu trong một số ngành như phương tiện giao thông điện (electric vehicles – EVs) công nghệ tài chính (fintech) và năng lượng tái tạo (pin mặt trời).

Để thực hiện thành công chiến lược, Trung Quốc rất coi trọng yếu tố nước ngoài. Do đó, Chính phủ Trung Quốc đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào thị trường nội địa, ở các ngành điện tử, thiết bị y học, thiết bị viễn thông, máy tính, sản phẩm hóa học và nền kinh tế số). Dòng vốn FDI vào các ngành này đạt 40 tỉ USD năm 2017, tăng 62% so với năm 2016.

Đến nay, các đánh giá sơ bộ ban đầu cho thấy các dự án trọng điểm đã đạt kết quả ban đầu và triển khai có hiệu quả cao, giá trị gia tăng ngành chế tạo công nghệ cao, sản lượng robot, ô tô năng lượng mới tăng. Nhưng thiết bị và công nghệ then chốt vẫn phụ thuộc nước ngoài; vẫn ở vị trí thấp và trung bình của GVC, bị “chặn trước - đuổi sau”, cụ thể là:

(i) 5 đại dự án của chiến lược đều đã đạt được những kết quả ban đầu. Triển khai 226 dự án ứng dụng mô hình mới và thử nghiệm tiêu chuẩn hóa tổng hợp ngành chế tạo thông minh, chọn ra 109 dự án thí điểm chế tạo thông minh, xây dựng 19 kênh phục vụ công cộng nền tảng kỹ thuật. Trung tâm sáng tạo điện động lực quốc gia đã chính thức làm việc, trung tâm sáng tạo chế tạo AM (hay còn gọi là in 3D) đang trong quá trình xây dựng.

(ii) Trong số 15 dự án quan trọng tiêu biểu hàng năm, 7 dự án đã hoàn toàn thực hiện, 4 dự án cơ bản hoàn thành, những dự án còn lại đang tiếp tục được thúc đẩy. Một số dự án đạt được tiến triển đột phá, ví dụ như: nghiên cứu phát triển thành công robot công nghiệp phức hợp linh hoạt đầu tiên, đồng thời cũng đã có khả năng cung cấp mặt hàng này với số lượng ít; thực hiện sản xuất hàng loạt đối với máy giả tốc RV và cũng đã có đơn đặt hàng của nước ngoài; máy bay cỡ lớn C919 thành công trong thử nghiệm bay; Kho ADN lớn nhất trên thế giới được đưa vào vận hành; kính viễn vọng vô tuyến đơn lớn nhất thế giới được hoàn thành xây dựng và lắp ráp.

(iii) Tích cực thúc đẩy việc thành lập các thành phố thí điểm và các nhóm thành phố thí điểm. Đã phê duyệt 8 thành phố thí điểm, bao gồm: Ninh Ba, Tuyên Châu, Thẩm Dương, Trường Xuân, Vũ Hán, Ngô Trung, Thanh Đảo, Thành Đô; và 3 nhóm thành phố thí điểm, bao gồm: 5 thành phố Tô Nam (Trần Giang, Nam Kinh, Thường Châu, Vô Tích và Tô Châu), nhóm các thành phố Tây Nam Châu Giang (Chu Hải, Phạt Sơn, Trung Sơn, Giang Môn, Dương Giang, Đinh Hồ, Đại

Vượng, Cao Yếu, Tứ Hội), nhóm các thành phố Trường Chu Đàm thuộc tỉnh Hồ Nam (Trường Sa, Chu Châu, Tương Đàm). Hiện nay, các thành phố và các nhóm thành phố này đều đã tiến hành thí điểm toàn diện căn cứ theo yêu cầu của phương án thực hiện và tập trung vào việc xây dựng nâng cấp công nghiệp, đổi mới công nghệ, hỗ trợ chính sách, đào tạo nhân lực, tích cực chủ động tìm hiểu tìm kiếm mô hình mới và con đường phát triển mới trong việc nâng cấp chuyên đổi ngành chế tạo, tạo ra những kinh nghiệm có thể sao chép, có thể áp dụng trên diện rộng.

Theo thống kê, tính đến hết năm 2017, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành chế tạo công nghệ cao đạt 13,4 phần trăm, nhanh hơn 6,8% so với tốc độ tăng trưởng của toàn bộ nền công nghiệp; tăng trưởng trong ngành chế tạo điện tử đạt 13,8%, tốc độ tăng trưởng ngành chế tạo thiết bị đạt 10,7%. Trong đó, sản lượng robot công nghiệp tăng 68,1% so với năm 2016, sản lượng ô tô năng lượng mới tăng 51,1% so với năm 2016. Mặc dù "Trung Quốc chế tạo 2025" đã đạt được những kết quả đáng kể, nhưng vẫn có ba cục diện chưa thay đổi: Thứ nhất, thiết bị và công nghệ then chốt vẫn còn phụ thuộc vào nước ngoài, thứ hai vị trí của Trung Quốc vẫn nằm mức thấp và trung bình trong phân công chuỗi sản xuất toàn cầu; thứ ba là cục diện hoàn cảnh bên ngoài khó khăn - "trước chặn sau đuổi" (những nước có công nghiệp tiên tiến hơn Trung Quốc tìm cách hạn chế sự phát triển công nghiệp chế tạo của Trung Quốc, những nước đi sau Trung Quốc tìm cách đuổi theo và bắt kịp mức độ phát triển của Trung Quốc) vẫn chưa thay đổi.

Một số tổ chức quốc tế đã dự báo khả năng trong tương lai của chiến lược "Trung Quốc chế tạo 2025" như sau: (i) Nếu chiến lược thành công, các doanh nghiệp Trung Quốc sẽ cạnh tranh với các nước phát triển trên thị trường thế giới, giảm đáng kể thị phần của các nước này; (ii) Nếu chiến lược không thành công, thị phần về chế tạo của Trung Quốc sẽ vẫn tăng và chính phủ sẽ can thiệp dẫn đến cạnh tranh thiếu công bằng trên thị trường Trung Quốc. Các dự báo chi tiết như sau:

Cách tiếp cận chính sách công nghiệp của Trung Quốc theo cách truyền thống nhưng hoàn thiện các biện pháp và chính sách phù hợp với sản xuất thông minh, là thách thức lớn với doanh nghiệp nước ngoài, cụ thể: (i) Bảo vệ doanh nghiệp nội địa đối với cạnh tranh quốc tế, thậm chí gạt bỏ hoàn toàn doanh nghiệp nước ngoài; (ii) Hạn chế doanh nghiệp nước ngoài tiếp cận thị trường, sử dụng các tiêu chuẩn của Trung Quốc; (iii) Sử dụng các biện pháp trợ cấp và mua sắm công để hỗ trợ để thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ cao nội địa; (iv) Kiểm soát việc tạo, truyền tải và lưu trữ dữ liệu cho sản xuất và kinh doanh thông minh.

Trung Quốc mua lại các doanh nghiệp công nghệ cao và đầu tư FDI vào Châu Âu và Hoa Kỳ, dẫn đến:

(i) Các quốc gia nhận được vốn dồi dào do các giao dịch M&A với các doanh nghiệp Trung Quốc, được tạo điều kiện kinh doanh tại Trung Quốc ít nhất đến năm 2020 (nhiều doanh nghiệp công nghệ cao tiếp tục đầu tư vào Trung Quốc như Samsung đầu tư 7,2 tỉ USD sản xuất chip bộ nhớ, Soft Bank và một vài công ty khác đầu tư 5,5 tỉ USD sản xuất nền tảng cho vận tải thông minh);

(ii) Hòa hòa nhiều tiêu chuẩn công nghệ của Trung Quốc với quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tiếp cận thị trường Trung Quốc;

(iii) Chính phủ chỉ đạo thực hiện các M&A công nghệ dẫn đến can thiệp vào hoạt động doanh nghiệp đã tiến hành M&A, ảnh hưởng đến các đối tác nước ngoài;

(iv) Hấp thụ công nghệ trên diện rộng của Trung Quốc làm xói mòn vị thế dẫn đầu của các nước công nghiệp, đặc biệt là chính sách hấp thụ này được Chính phủ Trung Quốc chỉ đạo sát sao, ví dụ năm 2017 cấm các M&A vào lĩnh vực dịch vụ để tập trung vào M&A công nghiệp chế tạo; (v) Doanh nghiệp nước ngoài chế tạo thông minh gặp rất nhiều khó khăn do những biện pháp kiểm soát dữ liệu của chính quyền;

(vi) Các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực robot và máy công cụ cao cấp (đang được khuyến khích) sẽ gặp rào cản khi Trung Quốc thu hẹp được khoảng cách công nghệ, ví dụ như tạo ra các tiêu chuẩn nội địa và yêu cầu trả phí bản quyền. Như vậy, các doanh nghiệp nước ngoài sẽ gặp rủi ro trong dài hạn khi đầu tư vào những lĩnh vực công nghệ cao ở Trung Quốc;

(vii) Trung Quốc gia tăng sức ép đối với các tiêu chuẩn quốc tế về chế tạo và công nghệ theo tiêu chuẩn Trung Quốc để dễ dàng xuất khẩu công nghệ và giảm phí bản quyền, dẫn đến cạnh tranh tiêu chuẩn công nghệ, công nghiệp sẽ tăng.

Về tổng thể, kết cục nói chung của Chiến lược “Made in China 2025” sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp công nghệ và sản xuất thông minh:

(i) Chiến lược “Made in China 2025” sẽ có những đóng góp tích cực cho Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nhiều khả năng Trung Quốc sẽ cung cấp sản lượng lớn các sản phẩm, công nghệ thông minh nhưng giá rất rẻ, có khả năng cạnh tranh rất cao.

(ii) Mục tiêu của chính sách công nghiệp chế tạo của Trung Quốc tác động

trực tiếp đến các ngành công nghiệp của các nước phát triển, ảnh hưởng đến tăng trưởng, việc làm và khả năng cạnh tranh của các nước này.

(iii) Khả năng cạnh tranh của Trung Quốc cao hơn trong lĩnh vực chế tạo, sản xuất thông minh trên cả thị trường nội địa và quốc tế.

(vi) Cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài giảm xuống do sự can thiệp vào thị trường của chính quyền.

(v) Tạo ra sự cạnh tranh không công bằng giữa doanh nghiệp Trung Quốc và nước ngoài.

1.4. Đẩy mạnh quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ

Từ những năm 90 của thế kỷ 20, đồng NDT đã được thanh toán trong một số dịch vụ biên giới tại Bắc Kinh, Quảng Tây, Vân Nam, Cáp Nhĩ Tân. Khi đó, đồng NDT được thanh toán bằng tiền mặt tại các giao dịch buôn bán tự phát giữa các thương nhân Trung Quốc với thương nhân nước ngoài. Bắt đầu từ năm 2009, sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, quốc tế hóa đồng NDT mới được thực sự chính thức đẩy mạnh bởi chính phủ Trung Quốc. Ngân hàng Nhân Dân Trung Quốc liên tục ban hành các chính sách và văn bản liên quan tương ứng, trong nỗ lực thúc đẩy quốc tế hóa đồng NDT. Tuy nhiên, đến năm 2011, các biện pháp được thực hiện mới thực sự có kết quả thực chất. Chính vì vậy, năm 2011 được Trung Quốc coi là năm bắt đầu của tiến trình quốc tế hóa đồng NDT.

Trung Quốc xác định cần một chu kỳ dài 30 năm kể từ năm 2011 mới có thể bước đầu thực hiện quốc tế hóa NDT. Trong khoảng thời gian 30 năm sắp tới, Trung Quốc sẽ thực hiện 2 cái “3 bước”: “*láng giềng hóa - khu vực hóa - quốc tế hóa*” và “*thanh toán hóa - đầu tư hóa - dự trữ hóa*”. “3 bước” số một xác định mục tiêu về phạm vi sử dụng đồng nhân dân tệ, bao gồm: trong 10 năm đầu tiên thực hiện “láng giềng hóa”, tức là hoàn thành việc sử dụng đồng NDT tại các quốc gia và khu vực láng giềng; 10 năm thứ hai là “khu vực hóa”, biến đồng NDT trở thành đồng tiền mang tính khu vực của toàn bộ khu vực Châu Á; 10 năm thứ ba là “Quốc tế hóa”, NDT trở thành đồng tiền quan trọng trên phạm vi toàn cầu. “3 bước” số hai xác định mục tiêu về chức năng sử dụng đồng NDT, bao gồm: 10 năm đầu tiên thực hiện “thanh toán hóa thương mại”, đồng NDT trở thành đồng tiền thanh toán quốc tế trong thanh toán thương mại; 10 năm thứ hai thực hiện “đầu tư hóa tiền tệ”, NDT trở thành đồng tiền đầu tư trong lĩnh vực đầu tư quốc tế; 10 năm thứ ba thực hiện “dự trữ hóa quốc tế”, NDT trở thành đồng tiền dự trữ quan trọng nhất trên thế giới. Trung Quốc chủ trương thực hiện quốc tế hóa NDT theo phương châm “phát

triển trong ổn định”, thực hiện tuần tự và chắc chắn.

Để thực hiện các bước đi kể trên, Trung Quốc đã thực hiện rất nhiều biện pháp, kết hợp giữa chỉ đạo của Chính phủ, vai trò chủ động hưởng ứng của các doanh nghiệp Trung Quốc, việc thực hiện “thí điểm - nhân rộng” với việc kiểm soát chặt chẽ rủi ro bởi Chính phủ, chủ yếu bao gồm những biện pháp như sau: (i) Ký kết các hiệp định hoán đổi tiền tệ song phương với các đối tác; (ii) Phát triển thị trường giao dịch NDT trên phạm vi quốc tế; (iii) ký kết các hiệp định thanh toán song phương bằng đồng NDT (ban đầu là đối với các nước láng giềng, và tiếp đó là các nước đối tác; (iv) Khuyến khích đầu tư nước ngoài bằng đồng NDT; (v) Kiểm soát dòng lưu chuyển vốn bằng NDT vào và ra khỏi Trung Quốc; (vi) Cải cách đối với lĩnh vực tài chính và tỷ giá, đặc biệt là những nỗ lực từng bước trong việc thả nổi lãi suất và giảm dần sự áp chế tài chính trong nước.

Khi đánh giá mức độ quốc tế hóa của đồng NDT, chủ yếu đánh giá qua mức độ lưu thông của đồng NDT bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc, cụ thể thể hiện ở mức độ phổ biến của NDT trong vai trò là đồng tiền định giá, đồng tiền thanh toán và đồng tiền dự trữ trên thế giới. Đánh giá từ ba chức năng chính của tiền tệ quốc tế, sự phát triển của quốc tế hóa NDT là mất cân bằng tương đối. Chức năng của đồng NDT như một đồng tiền thanh toán thương mại nổi trội hơn hẳn, nhưng chức năng là đơn vị ghi hóa đơn thương mại và công cụ dự trữ giá trị vẫn còn chưa mạnh, và vẫn còn nhiều không gian để phát triển. Hơn 60 quốc gia và khu vực đã tiến hành dự trữ đồng NDT. Tính đến hết năm 2017, lượng đồng NDT được dự trữ trên thế giới đã lên đến 122,8 tỷ USD, tỷ trọng NDT trong dự trữ ngoại hối trên thế giới đạt 1,23% (theo số liệu công bố mới của IMF tháng 12/2017).

Về thanh toán quốc tế, đồng NDT đã trở thành đồng tiền thanh toán lớn thứ năm trên thế giới nói chung. Theo thống kê của Hiệp hội viễn thông liên ngân hàng và tài chính quốc tế (SWIFT), tính đến tháng 12/2017, đồng đô la Mỹ vẫn là đồng tiền thanh toán lớn nhất trong lĩnh vực thương mại, chiếm 39,9% thị phần thanh toán toàn cầu. Tỷ trọng đồng euro đã tăng lên trong những năm gần đây, từ 29,4% vào cuối năm 2015 lên 35,7% vào cuối năm 2017. Tiếp theo là bảng Anh và đồng yên, tỷ trọng này tương đối nhỏ, tương ứng là 7,1% và 2,9%. Đồng NDT hiện là đồng tiền thanh toán lớn thứ năm trên thế giới, với tỷ lệ 1,6%. Nhìn chung, vị thế đồng NDT trong hệ thống tiền tệ quốc tế rõ ràng là không tương thích với vai trò của Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới. Năm 2016, GDP của Hoa Kỳ chiếm khoảng 25% GDP của thế giới, trong khi tỷ trọng của đồng đô la Mỹ trong thanh toán quốc tế chiếm gần 40%. Nền kinh tế của Trung Quốc chiếm khoảng 15% nền

kinh tế thế giới, nhưng tỷ lệ việc sử dụng đồng NDT như là công cụ thanh toán toàn cầu ít hơn 2%. Việc sử dụng NDT trong đầu tư quốc tế và các giao dịch tài chính phái sinh vẫn còn trong giai đoạn đầu.

1.5. Cường quốc biển và gia tăng xung đột khu vực

To be continued

1.6. Chiến lược mới sau Đại hội 19

Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc lần thứ 19 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đang có biến đổi sâu sắc, phức tạp, chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc bước vào một thời đại mới, có nhiều triển vọng nhưng cũng đối mặt nhiều thách thức. Nền kinh tế Trung Quốc đối mặt với nhiều biến đổi sâu sắc khi đã bước vào “*trạng thái bình thường mới*” với ba đặc trưng chính: (i) tốc độ tăng trưởng từ tăng trưởng cao chuyển thành tăng trưởng trung bình, (ii) kết cấu nền kinh tế không ngừng được cải thiện, (iii) động lực tăng trưởng kinh tế chuyển từ “đầu tư” sang “sáng tạo”.

Mâu thuẫn lớn nhất hiện nay trong xã hội Trung Quốc Quốc đã chuyển hóa thành mâu thuẫn giữa nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân về một đời sống tốt đẹp với sự phát triển không cân bằng, không đầy đủ. Trong bối cảnh tình hình mới, Đại hội Đảng 19 đã đưa ra “*tư tưởng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới*” và bố trí chiến lược cụ thể cho sự phát triển của Trung Quốc trong thời đại mới. Ngoài ra, Đại hội 19 cũng đã đưa ra đường lối phát triển kinh tế, đối ngoại và quốc phòng trong 5 năm tới.

a. Bố trí chiến lược

Khi tiến hành cải cách mở cửa, tại đại hội Đảng lần thứ 13 (năm 1978), Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã đưa ra bố trí chiến lược cho việc xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại, đề ra mục tiêu chiến lược “*Ba bước đi*”. Hiện nay, Trung Quốc đã hoàn thành trước thời hạn 2 mục tiêu là giải quyết vấn đề cơm no áo ấm cho nhân dân và đời sống nhân dân về tổng thể đạt mức khá giả, và đang trong giai đoạn tiếp theo thực hiện mục tiêu chiến lược thứ 3 – đến giữa thế kỷ 21 cơ bản thực hiện hiện đại hóa đất nước, GDP bình quân đầu người đạt trình độ của các quốc gia đã phát triển tầm trung trên thế giới, đời sống nhân dân giàu có. Đến đại hội Đảng lần thứ 15 (năm 1997), Đảng Cộng Sản Trung Quốc lần đầu tiên đề ra “*Hai mục tiêu phát triển 100 năm*” - hoàn thành xây dựng xã hội khá giả vào dịp 100 năm thành lập Đảng (năm 2021), sau đó phấn đấu tiếp thêm 30 năm, cơ bản

thực hiện hiện đại hóa, xây dựng Trung Quốc thành nước xã hội chủ nghĩa hiện đại vào dịp 100 năm ngày thành lập nước CHND Trung Hoa (năm 2049). Kể từ Đại hội Đảng 18 (2012), “Hai mục tiêu 100 năm” đã xuất hiện hơn 100 lần trong các bài phát biểu của tổng bí thư chủ tịch nước TQ Tập Cận Bình. “Hai mục tiêu 100 năm” cùng với “Giấc mộng Trung Hoa” đã trở thành định hướng dẫn dắt Trung Quốc phát triển đi lên.

Trên cơ sở đó, Đại hội Đảng 19 của Trung Quốc đã đưa ra bố trí chiến lược cụ thể cho sự phát triển của Trung Quốc với lộ trình là: đến năm 2020, hoàn thành việc xây dựng xã hội khá giả, tiếp đó, phân theo hai giai đoạn. Giai đoạn 1, từ 2020 đến 2035, thực hiện cơ bản hiện đại hóa. Giai đoạn 2, từ năm 2035 đến giữa thế kỷ này, xây dựng Trung Quốc thành cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại, giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa và tươi đẹp.

b. Chính sách về kinh tế

Đại hội 19 đã xác định mục tiêu chiến lược của Trung Quốc trong phát triển là phải xây dựng nền kinh tế hiện đại hóa mà trong đó chú trọng vào 3 điểm sau: (i) Kiên trì chất lượng, ưu tiên hiệu quả, lấy cải cách kết cấu trọng cung là tuyến chính, thúc đẩy phát triển theo hướng chất lượng thay đổi, hiệu quả thay đổi, động lực thay đổi, từ đó nâng cao năng suất của các yếu tố; (ii) Tập trung đẩy nhanh xây dựng hệ thống sản nghiệp của kinh tế thực, sáng tạo khoa học công nghệ, ngành Tài chính tiền tệ hiện đại, phát triển hài hòa nguồn nhân lực; (iii) Coi trọng xây dựng thể chế kinh tế theo hướng cơ chế thị trường có hiệu lực, chủ thể vi mô có sức sống, điều tiết vĩ mô có mức độ; không ngừng tăng cường sức sáng tạo và sức cạnh tranh của kinh tế Trung Quốc.

Từ những quan điểm nêu trên, báo cáo Đại hội 19 đã nêu lên 6 giải pháp chính: (1) Đi sâu cải cách kết cấu trọng cung; (2) đẩy nhanh xây dựng mô hình nhà nước sáng tạo; (3) thực thi chiến lược chấn hưng xã thôn; (4) thực hiện chiến lược phát triển hài hòa giữa các vùng miền; (5) nhanh chóng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN; (6) thúc đẩy hình thành bộ cục mới mở cửa toàn diện.

Tóm lại, nội hàm định hướng chính sách kinh tế của Trung Quốc trong 5 năm tới có thể gói gọn lại là: một yêu cầu chủ chốt, một nhiệm vụ trọng yếu và 3 vấn đề căn bản cần giải quyết. Theo đó, yêu cầu chủ chốt là chuyển đổi nền kinh tế từ giai đoạn tăng trưởng nhanh sang phát triển chất lượng. Nhiệm vụ cấp bách cần thực hiện là cải cách cơ cấu nguồn cung, giảm tình trạng sản xuất dư thừa. 3 vấn đề căn bản cần giải quyết được Trung Quốc xác định là ngăn chặn rủi ro, giảm đói nghèo

và kiểm soát ô nhiễm. (Theo phát biểu của ông Lưu Hạc - Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ nhiệm Văn phòng Tổ chỉ đạo Trung ương Trung Quốc về công tác kinh tế và tài chính tại Diễn đàn kinh tế thế giới Davos (Thụy Sĩ)).

c. Chính sách về quốc phòng

Đại hội 19 đã vạch ra lộ trình hiện đại hóa quốc phòng và quân đội đến giữa thế kỷ 21, trong đó, xác định đến năm 2020 đạt được những tiến triển quan trọng cơ bản thực hiện cơ giới hóa và tin học hóa, năng lực chiến lược có bước tiến lớn; phấn đấu đến 2035, cơ bản thực hiện hiện đại hóa quốc phòng và quân đội; đến giữa thế kỷ 21, xây dựng quân đội Trung Quốc trở thành lực lượng quân đội hàng đầu thế giới.

Để thực hiện lộ trình như trên, Trung Quốc xác định: (1) Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quân đội. (2) Thực hiện 5 chú trọng hơn: Chú trọng hơn về thực chiến hóa, chú trọng hơn vào việc lấy sáng tạo làm động lực, chú trọng hơn vào việc xây dựng thể chế, chú trọng hơn vào việc tăng cường hiệu quả, chú trọng hơn vào việc phối hợp giữa quân và dân. (3) Tăng cường xây dựng Đảng trong quân đội, thông qua cải cách và khoa học kỹ thuật khiến quân đội trở nên hùng mạnh, đồng thời cũng tăng cường pháp trị.

d. Chính sách đối ngoại

Về đối ngoại tập trung vào ba trục chính: “xây dựng quan hệ quốc tế kiểu mới”, thiết lập “Cộng đồng vận mệnh chung nhân loại” và đẩy mạnh triển khai “Vành đai và Con đường”. ĐCS Trung Quốc khẳng định “kết bạn chứ không liên kết đồng minh” và tái cam kết “Trung Quốc không bao giờ xưng bá, không bao giờ bành trướng”.

Trong ba năm cầm quyền vừa qua, tại các trường hợp ngoại giao quan trọng song phương và đa phương, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã nhiều lần nhấn mạnh tạo dựng ý thức Cộng đồng cùng chung vận mệnh của nhân loại, nêu ra cùng thành lập Cộng đồng cùng chung vận mệnh Trung Quốc-ASEAN, Cộng đồng cùng chung vận mệnh Trung Quốc-Pa-ki-xtan, Cộng đồng cùng chung vận mệnh châu Á, Cộng đồng cùng chung vận mệnh Trung Quốc-Mỹ La-tinh, Cộng đồng cùng chung vận mệnh Trung Quốc-châu Phi v.v..., bày tỏ cùng các nước trên thế giới dốc sức cho hòa bình, ổn định, phồn thịnh và tiến bộ của thế giới.

Cộng đồng cùng chung vận mệnh nhân loại bao gồm những nội hàm như sau:

- Trước hết là thiết lập quan hệ đối tác đối xử bình đẳng, thương thảo và thông cảm lẫn nhau. Chủ tịch Tập Cận Bình nêu rõ, sự cùng tồn tại giữa các nước lớn, là phải không xung đột, không đối đầu, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng thắng. Sự cùng tồn tại giữa nước lớn với nước nhỏ, là phải đối xử bình đẳng, thi hành quan niệm đạo đức và lợi ích đúng đắn, chú trọng cả đạo đức và lợi ích, đạo đức quan trọng hơn lợi ích.

Trung Quốc đề xướng giải quyết tranh chấp qua đối thoại, giải quyết bất đồng qua hiệp thương, khiến hiệp thương trở thành biện pháp quan trọng trong quản trị quốc tế hiện đại. Trung Quốc dốc sức xây dựng quan hệ đối tác trong bình diện quốc tế và khu vực, đi lên một con đường mới giao lưu giữa các nước "đối thoại chứ không đối đầu, đối tác chứ không phải đồng minh".

- Hai là, tạo dựng bố cục an ninh công bằng chính nghĩa, cùng xây dựng cùng hưởng. Chủ tịch Tập Cận Bình nói, "chúng ta phải vứt bỏ tư duy Chiến tranh Lạnh dưới mọi hình thức, tạo dựng quan niệm an ninh mới chung, tổng hợp, hợp tác và bền vững".

- Ba là, mưu cầu triển vọng phát triển mở cửa sáng tạo, bao dung cùng có lợi. Chủ tịch Tập Cận Bình nói, "mọi người cùng phát triển mới là phát triển thực sự, phát triển bền vững mới là phát triển tốt. Muốn thực hiện mục tiêu này, thì cần phải thể theo tinh thần cởi mở, thúc đẩy giúp đỡ tương trợ lẫn nhau, cùng ưu đãi cùng có lợi".

- Bốn là, thúc đẩy giao lưu giữa các nền văn minh hòa nhi không đồng, gồm đủ mọi mặt. Chủ tịch Tập Cận Bình nêu rõ: "Nền văn minh khác nhau gắn kết trí tuệ và đóng góp của dân tộc khác nhau, không phân biệt cao thấp, cũng không phân biệt tốt xấu. Giữa các nền văn minh phải đối thoại, chứ không bài xích; phải giao lưu chứ không thay thế".

- Năm là, tạo dựng hệ sinh thái tôn trọng tự nhiên, phát triển xanh. Xây dựng văn minh sinh thái liên quan đến tương lai nhân loại. Cộng đồng quốc tế cần tay trong tay đồng hành, cùng mưu cầu xây dựng văn minh sinh thái toàn cầu, tạo dựng vững chắc ý thức tôn trọng tự nhiên, thuận theo tự nhiên, bảo vệ tự nhiên, kiên trì đi con đường phát triển các-bon thấp, tuần hoàn và bền vững.

II. XU HƯỚNG GIA TĂNG BIẾN ĐỘNG ĐỊA CHÍNH TRỊ

2.1. Chuyển hướng chính sách đối ngoại của Mỹ

Cùng với sự trỗi dậy của Trung Quốc, năm 2017 đã chứng kiến sự chuyển

biển, thậm chí đảo ngược, trong nhiều chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ. Chính sách "Nước Mỹ trên hết" của tổng thống Mỹ Donald Trump đã có những bước đi quyết liệt và gây tranh cãi, nhưng cũng rất thực dụng, theo hướng đảo ngược chính sách so với chính phủ tiền nhiệm cả về đối nội và đối ngoại, miễn sao mang lại lợi ích cho nước Mỹ. Chính ông Trump đã khẳng định Mỹ "sẽ đứng lên vì chính mình", và thể hiện điều này bằng các hành động đơn phương hoặc quay lưng với những bên khác trong các vấn đề như thương mại, biến đổi khí hậu, biên giới hay nhập cư.

Về đối ngoại, Tổng thống Donald Trump trong năm đầu nhiệm kỳ đã thực hiện đúng những cam kết tranh cử với hàng loạt điều chỉnh quan trọng theo hướng giảm bớt các cam kết đa phương, giảm mức đóng góp cho các tổ chức quốc tế, thay vào đó là nhấn mạnh các mối quan hệ song phương. Điển hình là ông Trump đã đưa Mỹ rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Paris về chống biến đổi khí hậu hay Tổ chức Văn hóa, Giáo dục và Khoa học Liên hợp quốc (UNESCO), công kích thỏa thuận hạt nhân Iran, ban hành lệnh cấm đi lại với công dân các nước có đa số người Hồi giáo, đàm phán lại các thỏa thuận thương mại đa phương như Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc...

Dưới tác động của chiến lược mới mà Mỹ triển khai, nhiều mối quan hệ quốc tế cũng có những chuyển động mới. Quan hệ của Mỹ với hai đồng minh truyền thống ở Đông Bắc Á là Hàn Quốc và Nhật Bản ấm hơn sau khi hai nước này cam kết nâng mức đóng góp nhằm san sẻ gánh nặng chi phí đảm bảo an ninh, trong bối cảnh mối đe dọa từ Triều Tiên càng trở nên nguy cấp sau hàng loạt vụ thử tên lửa và hạt nhân của Bình Nhưỡng. Tuy nhiên, quan hệ Mỹ-Trung rơi vào căng thẳng do những lệnh áp thuế cao với hàng hóa Trung Quốc nhập khẩu vào Mỹ. Quan hệ Mỹ-Nga, mặc dù đầu năm có những thuận lợi khi ông Trump công khai bày tỏ mong muốn cải thiện, nhưng rốt cuộc vẫn rơi xuống mức thấp nhất kể từ thời Chiến tranh Lạnh khi hai bên liên tục có các biện pháp trả đũa ngoại giao nhằm vào nhau, bắt nguồn từ cáo buộc Nga can thiệp bầu cử Mỹ. Quan hệ song phương Mỹ-Cuba bị đảo ngược, thụt lùi so với thời cựu Tổng thống Barack Obama.

Quan hệ giữa Mỹ với hai nước láng giềng gần gũi Canada và Mexico vẫn trong trạng thái "nửa nọ, nửa kia" liên quan đến những tranh cãi trong đàm phán lại NAFTA. Quan hệ hai bờ Đại Tây Dương, giữa Mỹ với các đồng minh trong Liên minh châu Âu (EU) và Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) cũng bị sút mẻ. Kinh tế Mỹ trong thời gian gần đây đã được cải thiện rất nhiều so với 2 năm

trước. Điều này đã chứng minh những điểm đúng đắn trong chính sách “Nước Mỹ trên hết” của ông Trump.

Tất cả những khó khăn trên khiến ông Trump trở thành vị Tổng thống Mỹ có mức uy tín thấp kỷ lục trong năm cầm quyền đầu tiên khi có khoảng 60% người Mỹ không hài lòng về cung cách ông điều hành công việc. Thách thức lớn nhất mà Tổng thống Trump phải đối mặt là mở rộng thành phần ủng hộ để có thể lật ngược tình thế, nếu không muốn theo chân hai tổng thống tiền nhiệm là George W. Bush và Barack Obama, những người đều bị đánh bại trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ. Chỉ có con đường giành chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 2018, ông Trump mới có thể viết tiếp giấc mơ "Đưa nước Mỹ vĩ đại trở lại".

2.2. Luật thuế mới của Mỹ

2.3. Bảo hộ thương mại và chiến tranh thương mại

3.2.1. Bảo hộ thương mại

Xu hướng chống toàn cầu hóa đã gia tăng trong vài năm gần đây, tiêu biểu là sự thay đổi chính sách thương mại của Mỹ, Anh rời liên minh châu Âu (Brexit) và sự gia tăng chủ nghĩa dân tộc tại châu Âu cũng như các nơi khác trên thế giới. Trong mỗi sự kiện, chính người dân đã bỏ phiếu để chống lại toàn cầu hóa kinh tế, chính trị và văn hóa. Sự ủng hộ cho Brexit phần lớn đến từ những người lo lắng về vấn đề mất việc làm do người nhập cư. Tương tự, tại vùng Trung Tây của Hoa Kỳ - khu vực trung tâm có nền công nghiệp bị tổn thương do cạnh tranh toàn cầu – cũng là nguyên nhân chính dẫn tới chiến thắng của Donald Trump.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến xu hướng chống lại toàn cầu hóa: Thứ nhất, các tầng lớp chính trị và kinh tế ở phương Tây cho rằng thương mại tự do, các thị trường toàn cầu và các dây chuyền sản xuất di chuyển giữa biên giới các quốc gia sẽ giúp nâng cao mức sống chung. Nhưng do không có kịch bản đối lập để so sánh, nhiều người hoài nghi về lợi ích của toàn cầu hóa. Hiện nay, phản ứng đối với toàn cầu hóa kinh tế được thể hiện nhiều nhất ở những quốc gia như Hoa Kỳ, nơi xảy ra những xáo trộn về kinh tế và mạng lưới an sinh xã hội yếu cũng như mức đầu tư thấp của chính phủ trong y tế, đào tạo nghề hoặc giáo dục thường xuyên.

Thứ hai, lo ngại về pha trộn văn hóa cũng là nguyên nhân dẫn đến chủ nghĩa dân túy, chống toàn cầu hóa ở nhiều nơi trên thế giới. Thế giới phẳng hơn cho phép đa dạng hóa văn hóa về ẩm thực, phim ảnh, giá trị và lối sống. Chủ nghĩa quốc tế đã được nhiều người trong giới tinh hoa chấp nhận, nhưng lại bị những người khác

lo sợ. Ở châu Âu, người nước ngoài đã trở thành một đối tượng của sự sợ hãi và oán giận, dù là người nhập cư, nhập khẩu văn hóa hay các hình thức khác. Bằng chứng về phản ứng dữ dội đối với toàn cầu hóa văn hóa cũng tồn tại ở các nước như Ấn Độ, nơi chủ nghĩa tôn giáo được kết hợp với chủ nghĩa dân tộc chính trị. Ngoài ra, chủ nghĩa dân tộc còn gia tăng trên khắp châu Âu từ Bulgaria đến Ba Lan và Vương quốc Anh, những nước coi văn hóa của họ như sự thuần khiết và cần được bảo vệ. Nỗi sợ nhập cư đã dẫn đến phản ứng dữ dội chống lại những ảnh hưởng của toàn cầu hóa, nâng cao bản sắc dân tộc và chủng tộc, thể hiện qua chiến dịch của Trump cũng như các nước Tây Âu khác.

Do vậy, mặc dù toàn cầu hóa đem lại những lợi ích rõ ràng về kinh tế, thương mại quốc tế, đa dạng văn hóa và mức sống, nhưng những mặt trái mà nó đem lại đã dẫn đến xu hướng chống toàn cầu hóa mạnh mẽ trong những năm gần đây và dự báo sẽ còn tiếp diễn trong những năm tới, đặc biệt là khi các đảng chính trị theo chủ nghĩa dân tộc ngày càng nắm được nhiều vị trí quan trọng. Chủ nghĩa toàn cầu hóa chỉ được ủng hộ nếu như có một chiến lược để khắc phục mặt trái của toàn cầu hóa, bao gồm sự bình đẳng lớn hơn về cơ hội và thu nhập, thay thế sự pha trộn về văn hóa bằng sự kết nối văn hóa trong khi vẫn duy trì những giá trị truyền thống.

Xu hướng chống toàn cầu hóa còn thể hiện ở sự thiếu tin tưởng của các nền kinh tế đang phát triển vào các thể chế quốc tế đa phương như WB, WTO và IMF. Trước khi diễn ra xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, hầu hết các quyết định hoạch định chính sách đều được thực hiện bởi các cơ quan cấp quốc gia. Các tổ chức này được kiểm soát bởi những chính phủ được bầu ra, nhưng trên thực tế Hoa Kỳ luôn được hưởng quyền phủ quyết, và việc phân bổ quyền lực giữa các thành viên khác phần lớn phản ánh vị thế tương ứng của họ sau chiến tranh. Nhiều biện pháp cải cách các thể chế đa phương đã được đưa ra, nhưng cho tới nay vẫn chưa có nhiều tiến bộ trong quản trị toàn cầu. Quyền bầu cử tại Ngân hàng Thế giới đã được điều chỉnh phần nào, nhưng Hoa Kỳ vẫn có quyền phủ quyết tất cả các quyết định, cũng như đặc quyền bổ nhiệm chủ tịch 5 năm một lần. Trong khi đó, cải cách quản trị tại IMF thậm chí còn chậm hơn, và điều này đã thúc đẩy các nền kinh tế mới nổi thành lập các tổ chức của riêng họ, như Ngân hàng đầu tư AsianInfrastructure (AIIB) và Ngân hàng Phát triển mới (NDB). AIIB hiện đang tạo ra các làn sóng mới trong lĩnh vực quản trị đa phương. Các cổ đông của ngân hàng này, trong đó có Trung Quốc, đã quyết định bãi bỏ hội đồng quản trị thường trú, trao thêm quyền quyết định về quản lý của ngân hàng đồng thời thúc đẩy nhiều liên hệ trực tiếp hơn với các chính phủ tham gia góp cổ phần. Thông qua AIIB, các nước mới nổi đã

chứng minh rằng họ hoàn toàn có khả năng đưa ra các tổ chức đa phương hiện đại của riêng mình. Trong tương lai, các cải cách đối với các cấu trúc quản trị toàn cầu phải được kết hợp với những nỗ lực để thúc đẩy khả năng các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển được quyết định tương lai của chính họ.

3.2.1. *Chiến tranh thương mại*

Thương mại Mỹ-Trung tăng nhanh sau khi hai nước tái lập quan hệ ngoại giao vào tháng 01/1979, ký thỏa thuận thương mại song phương vào tháng 07/1979 và đưa ra quy tắc đối xử tối huệ quốc (MFN), bắt đầu từ năm 1980. Tại thời điểm đó, tổng kim ngạch thương mại Mỹ - Trung Quốc là khoảng 4 tỷ USD. Trung Quốc được xếp hạng là đối tác thương mại lớn thứ 24 của Mỹ, thị trường xuất khẩu lớn thứ 16 và là nguồn nhập khẩu lớn thứ 36. Tới năm 2017, tình hình đã thay đổi căn bản, tổng thương mại hàng hóa của Mỹ với Trung Quốc là 636 tỷ USD và Trung Quốc trở thành một trong đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ.

Những căng thẳng của thương mại hai nước bắt đầu vào ngày 20/04/2017, khi Tổng thống Mỹ Donald Trump yêu cầu tiến hành điều tra nhằm xác định thép do Trung Quốc và các nước khác sản xuất có đe dọa an ninh quốc gia Mỹ hay không, qua đó làm tăng khả năng Washington sẽ áp đặt các mức thuế mới và làm tăng giá cổ phiếu ngành thép của Mỹ. Đến ngày, ngày 08/03/2018, Tổng thống Donald Trump đã ký sắc lệnh công bố áp mức thuế suất mới, 25% đối với mặt hàng thép và 10% đối với mặt hàng nhôm nhập khẩu. Căng thẳng gia tăng vào tháng 04/2018, khi Tổng thống Donald Trump tuyên bố kế hoạch tăng thuế lên mức 25% với 1.300 mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Ông Trump cũng yêu cầu Trung Quốc cắt giảm 100 tỷ USD thặng dư thương mại với Mỹ trong năm 2018. Ở chiều ngược lại, Bộ Thương mại Trung Quốc cũng tuyên bố sẽ tăng thuế lên mức 25% với 128 mặt hàng nhập khẩu từ Mỹ. Những phản ứng qua lại của 2 cường quốc càng ngày càng mạnh lên sau tuyên bố áp thuế nhập khẩu 25% của chính quyền ông Donald Trump với các mặt hàng từ Trung Quốc, trong đó 90% mặt hàng này là nguyên liệu sản xuất.

Cho đến 10/2018, chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ đã qua nhiều giai đoạn và hiện nay đang khá căng thẳng. Sau một thời gian đe dọa và áp thuế với nhôm và thép nhập khẩu từ Trung Quốc, ngày 6/7/2018 Mỹ chính thức áp thuế đợt 1 với 34 tỷ USD hàng hoá nhập khẩu từ Trung quốc. Trong đợt 2, mức áp thuế được nâng lên thành 50 tỷ USD với thuế nhập khẩu 25% vào ngày 23/8. Ngày 24/9 Mỹ tiếp tục áp thuế đợt ba với thuế suất 10% lên 200 tỷ USD và đe dọa

sẽ tiếp tục áp thuế với 267 tỷ USD còn lại trong tổng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Mỹ. Lý do cho các đợt áp thuế này là ngăn chặn những về hành vi thương mại không công bằng và trộm cắp tài sản trí tuệ của Trung Quốc (theo điều 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974 của Mỹ). Đáp lại hành động của Mỹ, trong hai đợt áp thuế đầu, Trung quốc đã áp mức thuế tương đương với 50 tỷ USD hàng nhập khẩu từ Mỹ trong hai đợt đầu, và tuyên bố áp thuế với 60 tỷ USD ở đợt thứ 3.

Các sản phẩm áp thuế cho đến hiện nay là khá đa dạng. Với danh mục của Mỹ, trong hai đợt đầu danh mục áp thuế của Mỹ bao gồm 1.102 sản phẩm tập chung vào nhóm trang thiết bị, máy móc đầu vào và linh kiện đặc biệt là nhóm liên quan đến Chiến lược “Made in China 2025” như sản phẩm công nghệ thông tin và robot. Tuy nhiên, danh mục trong đợt thứ 3 đã mở rộng hơn rất nhiều sang nhóm ngành tiêu dùng, nhiều sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản, dệt may. Với Trung quốc, danh mục áp thuế hai đợt đầu nhằm vào một số nhóm ngành như nông nghiệp (đậu tương, sản phẩm thịt) linh kiện máy móc, hàng không.

Bảng 1: Diễn biến chính của Chiến tranh thương mại

	Phản ứng của Mỹ	Phản ứng của Trung Quốc
20/04/2017	Tiến hành điều tra xác định liệu thép nhập khẩu từ Trung Quốc và các nước khác có đe dọa an ninh quốc gia hay không. Áp thuế 30% với tấm pin mặt trời, 20% với máy giặt nhập khẩu. Hai mặt hàng này phần lớn nhập từ Trung Quốc.	Phản ứng khá yếu ớt, chủ yếu là một số tuyên bố không rõ ràng.
16/02/2018 - 22/03/2018	Công bố áp mức thuế 25% đối với thép và 10% với nhôm. Sau đó điều chỉnh không áp dụng với EU, Hàn Quốc và một số đồng minh.	2/4/2018: Áp thuế với 128 sản phẩm từ Mỹ. Theo đó, 120 mặt hàng (có trái cây) sẽ chịu mức 15%, 8 sản khác áp thuế 25%.
03/04/2018	Cáo buộc Trung Quốc đánh cắp bí mật thương mại và công nghệ trong các lĩnh vực thông tin, hàng không vũ trụ, dược phẩm, thiết bị y tế; Công bố danh sách 1300 mặt hàng với tổng kim ngạch 50 tỷ USD từ	4/4/2018: công bố danh sách các sản phẩm nhập khẩu từ Mỹ (50 tỷ USD) bị áp thuế 25%, trong đó có đậu tương, máy bay, ô tô và hóa chất. Thời điểm áp thuế phụ thuộc

	Trung Quốc bị áp mức thuế 25% ³ . Dự định bắt đầu vào 8/2018.	vào thời điểm Mỹ áp mức thuế.
03/05/2018	Bắt đầu đàm phán nhượng bộ lẫn nhau tại Trung Quốc, tuy nhiên không đạt được những kết quả mong muốn.	19/5/2018, Trung Quốc đồng ý mua thêm hàng hóa từ Mỹ đổi lại việc trì hoãn áp dụng thuế quan lên tới 150 tỷ USD xuất khẩu từ Trung Quốc.
06/06/2018	Trump đồng ý dỡ bỏ lệnh cấm đối với công ty ZTE, cho phép được mua các linh kiện từ các nhà cung ứng Hòa Kỳ.	31/05/2018, công bố sẽ cắt giảm thuế đối với hàng hoá nhập khẩu từ Mỹ gồm thực phẩm và hàng hóa giá trị thấp.
15/06/2018	Cáo buộc Trung Quốc vi phạm sở hữu trí tuệ, công bố danh sách bị áp thuế 25% (50 tỷ USD kể từ ngày 7/6)	Công bố áp thuế bổ sung 25% đối với hơn 600 mặt hàng của Mỹ, tổng trị giá 50 tỷ USD.
18/06/2018	Trump thông báo đã yêu cầu đại diện thương mại Mỹ đưa ra một danh sách các mặt hàng của Trung Quốc sẽ bị áp thuế 10% với tổng trị giá 200 tỷ USD.	
11/07/2018	Mỹ liệt kê 6000 hàng hoá với tổng giá trị nhập khẩu 200 tỷ USD từ Trung Quốc có thể bị áp thuế 10% vào 9/2018.	Trung Quốc tuyên bố có những đáp trả toàn diện, tuy nhiên không đưa ra các biện pháp cụ thể. Mặc dù không có những tuyên bố phá giá đồng NDT chính thức, giá NDT đã xuống thấp, ở mức 6.6918 NTD/USD, tiến gần đến mức thấp nhất trong 11 tháng gần đây (6.7344 NTD/USD vào ngày 3/7.
07/08/2018	Công bố danh sách 279 mặt hàng	Bộ thương mại Trung Quốc áp

³<https://ustr.gov/sites/default/files/files/Press/Releases/301FRN.pdf>

	nhập khẩu từ Trung Quốc với tổng trị giá 16 tỷ USD sẽ bị áp thuế từ ngày 23/08	thuế 25% lên 16 tỷ USD hàng hóa Mỹ từ ngày 23/08.
23/8	Hai bên đang đàm phán lần 2, đồng thời Mỹ tuyên bố áp thuế với 16 tỷ USD nhập khẩu từ Trung Quốc	Đáp trả với khối lượng và mức thuế tương tự
18/9	Tuyên bố áp thuế 10% với 200 tỷ USD nhập khẩu từ Trung Quốc	Tuyên bố áp thuế 10% với 60 tỷ nhập khẩu từ Mỹ
Nay	Tiếp tục tuyên bố sẽ áp thuế với 270 tỷ USD trong thời gian tới	Chưa có phản ứng rõ

Các sản phẩm áp thuế cho đến hiện nay là khá đa dạng. Với danh mục của Mỹ, trong hai đợt đầu danh mục áp thuế của Mỹ bao gồm 1.102 sản phẩm tập chung vào nhóm trang thiết bị, máy móc đầu vào và linh kiện đặc biệt là nhóm liên quan đến Chiến lược “Made in China 2025” như sản phẩm công nghệ thông tin và robot. Tuy nhiên, danh mục trong đợt thứ 3 đã mở rộng hơn rất nhiều sang nhóm ngành tiêu dùng, nhiều sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản, dệt may. Với Trung quốc, danh mục áp thuế hai đợt đầu nhằm vào một số nhóm ngành như nông nghiệp (đậu tương, sản phẩm thịt) linh kiện máy móc, hàng không. Về phía Trung Quốc, bắt đầu áp đặt mức thuế 25% cho 545 loại sản phẩm của Mỹ trị giá 34 tỷ USD bao gồm đậu tương, thịt bò, rượu whisky và xe off-road kể từ ngày 6 tháng 7/2018. Với 16 tỷ USD xuất khẩu của Mỹ bị đánh thuế trong đợt 2 Trung Quốc, nhắm vào hàng hóa năng lượng như than đá và dầu thô. Xét theo giá trị, các mặt hàng bị ảnh hưởng nặng nề nhất là xe cộ, máy bay (27,6 tỷ USD), rau củ (13,7 tỷ USD) và nhựa và cao su (3,5 tỷ USD).

Đồng thời với động thái với Trung Quốc, Mỹ tuyên bố áp dụng thuế nhập khẩu 25% với thép và 10% với nhôm đối với một số đồng minh là Canada, Mexico và EU từ 1/6/2018 (mặc dù trước đó đã đưa vào danh sách loại trừ). Các quốc gia này cũng đã có động thái đáp trả. Mexico tuyên bố tăng thuế 25% đối với các sản phẩm bơ, thép và rượu whiskey và 20% đối với thịt lợn, táo và khoai tây nhập khẩu từ Mỹ (giá trị 3 tỉ USD) vào tháng 6/2018. Canada sẽ áp thuế từ 10%-25% đối với 12,8 tỉ USD hàng nhập khẩu từ Mỹ, bắt đầu từ 1/7/2018. EU đáp trả bằng cách áp thuế 25% đối với 200 sản phẩm nhập khẩu từ Mỹ, tổng giá trị lên tới 3,3 tỉ USD vào cuối tháng 6/2018.

2.4. FTA song phương và khu vực thay thế cho các khuôn khổ đa phương

Trong xu hướng toàn cầu hóa, liên kết song phương, đa phương, chính phủ và người dân của các quốc gia đều có nhận thức về các tác động của quá trình toàn cầu hóa. Các diễn đàn đa phương ở cấp khu vực, châu lục và thế giới như APEC, ASEM, G7, G20, Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF)... đã được hình thành để cùng giải quyết các vấn đề chung của khu vực và toàn cầu từ hợp tác kinh tế, tự do hóa thương mại và đầu tư, chủ nghĩa bảo hộ đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu... Gần đây nhất là Hội nghị lần APEC thứ 25 tổ chức tại Việt Nam đã thúc đẩy thành công ký kết Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CP-TPP) thay thế cho Hiệp định TPP. Các nỗ lực giải quyết các vấn đề chủ nghĩa bảo hộ, sự chia rẽ trong xã hội của các quốc gia... đã được thảo luận tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos 2018 với chủ đề “Tạo dựng tương lai chung trong thế giới bị chia tách”. Nhìn chung, các tổ chức quốc tế, các diễn đàn đa phương ngày càng có vai trò quan trọng hơn trong giải quyết các vấn đề chung của toàn cầu, khu vực hay của các quốc gia.

Trước sự bế tắc của các vòng đàm phán Doha về thương mại toàn cầu, nhiều phương thức hội nhập khác nhau đã được các quốc gia thực hiện để các nền kinh tế liên kết mạnh mẽ hơn, trong đó các hiệp định thương mại tự do khu vực (FTAs) được xem là xu hướng đặc biệt quan trọng. Theo thống kê của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hiện có 287 FTAs về trao đổi thương mại (hàng hóa và dịch vụ) đã có hiệu lực, 39 FTA loại này đang trong quá trình đàm phán⁴. Hơn nữa, các FTAs thậm chí có xu hướng hợp nhất thành các FTA bao quát hơn, có quy mô lớn nhất có thể được nhằm đem đến lợi ích tối đa cho các nước thành viên⁵. Xu hướng mới xuất hiện những năm gần đây là các thỏa thuận trong khuôn khổ các FTAs đã vượt ra ngoài phạm vi tự do hóa thương mại với những cam kết liên quan đến các tiêu chuẩn lao động, môi trường và pháp lý⁶ hay còn gọi là các thỏa thuận “phía sau đường biên giới”. Các FTAs thế hệ mới được đánh giá là cơ sở tạo ra sự gắn kết sâu sắc hơn về mặt pháp lý giữa các thành viên tham gia FTA.

Các hiệp định FTAs luôn đi cùng với các thỏa thuận về tự do hóa lưu chuyển

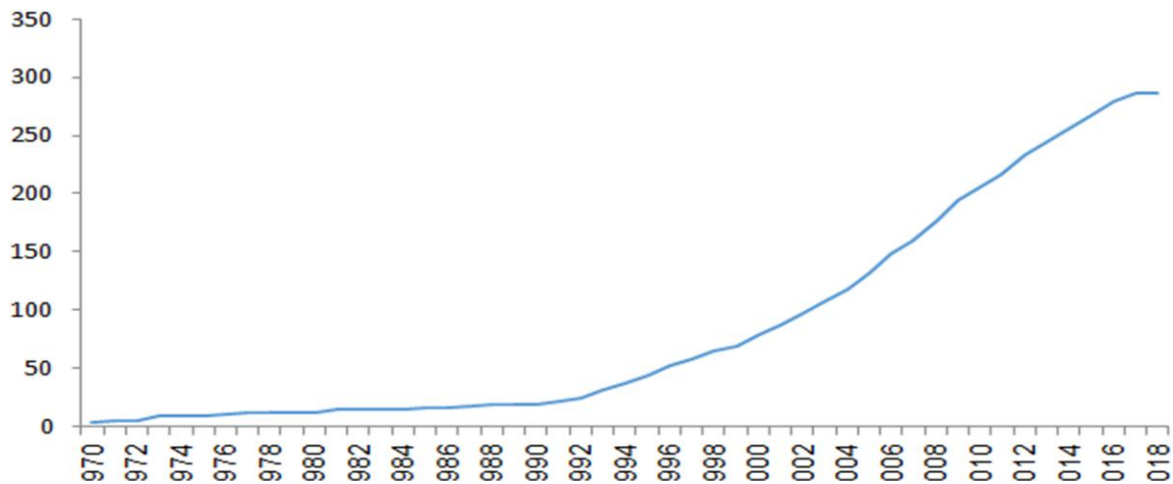
⁴ Số lượng các FTAs trao đổi thương mại đã tăng rất nhanh trong khoảng 20 năm gần đây. Năm 1990, thế giới chỉ có 19 FTAs có hiệu lực nhưng năm 2005 đã có 131 FTAs có hiệu lực, sau năm 2005 số lượng các FTA đã tăng nhanh hơn nữa, lên đến 287 FTA vào năm 2017. Nếu tính tất cả các loại FTAs thì thế giới có 459 FTAs đang có hiệu lực.

⁵ Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) có thể được xem là bản nâng cấp của Hiệp định thương mại tự do ASEAN+Trung Quốc. Hiệp định Khu vực thương mại tự do Châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP) đang được xây dựng trên cơ sở các Hiệp định TPP (nay là CP-TPP) và các sáng kiến tự do hóa thương mại khác như Hiệp định RCEP.

⁶ Các FTAs thế hệ mới đòi hỏi các thỏa thuận ngoài lĩnh vực thương mại như các thể chế của thị trường lao động, bảo vệ môi trường, quan hệ giữa doanh nghiệp và nhà nước, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ,...

dòng đầu tư, xúc tiến đầu tư, giảm các rào cản đối với đầu tư trong các lĩnh vực đã được cam kết hợp tác, ví dụ như đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, các thủ tục thuế, tăng cường các cơ chế thông tin để tạo thuận lợi cho đầu tư nước ngoài, bảo đảm quyền sở hữu, môi trường cạnh tranh công bằng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, các FTAs tạo ra cơ hội tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp của quốc gia thành viên tham gia FTA, nên các công ty đa quốc gia luôn có xu hướng đầu tư vào các quốc gia đang tham gia các FTAs.

Hình 1.: Sự gia tăng số lượng các FTA trên thế giới



Nguồn: Thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (2018).

2.5. Biến động ảnh hưởng đến giá dầu thế giới

Giá dầu có mức lan toả tác động rất lớn tới hầu hết các nền kinh tế và các ngành khác nhau. Những vấn đề địa chính trị liên quan đến giá dầu có thể kể đến sự bất ổn ở khu vực Trung Đông, mối quan hệ Nga-Mỹ sau khi Trump thắng cử và sự can thiệp của cả Mỹ và Nga vào khu vực Trung đông. Việc sản xuất dầu đá phiến của Mỹ cũng góp phần làm thay đổi cung cầu về dầu từ đó làm giá dầu biến động.

PHẦN II: TÁC ĐỘNG KINH TẾ CỦA CÁC SỰ KIỆN ĐỊA CHÍNH TRỊ

I. Chiến lược Made in China 2025 – MIC 2025

1.1. Thách thức đối với doanh nghiệp nước ngoài

Chính sách công nghiệp của Trung Quốc sử dụng một loạt các công cụ truyền thống để bảo vệ các công ty Trung Quốc khỏi sự cạnh tranh quốc tế, bao gồm các hạn chế tiếp cận thị trường đối với các công ty quốc tế, các biện pháp trợ cấp và hỗ trợ mua sắm công cho các doanh nghiệp Trung Quốc. Những công cụ này ngày càng hoàn thiện bởi một loạt các biện pháp và chính sách phù hợp với các chi tiết kỹ thuật và quy định của sản xuất thông minh. Bốn loại can thiệp về chính sách đang tạo ra các thách thức lớn cho các doanh nghiệp nước ngoài và chính phủ nước ngoài, bao gồm: ODI (đầu tư trực tiếp ra nước ngoài) của các doanh nghiệp TQ trong ngành công nghiệp công nghệ cao được thúc đẩy bởi chính phủ TQ, các luồng dữ liệu do chính phủ TQ kiểm soát, hạn chế tiếp cận thị trường đối với các doanh nghiệp nước ngoài và chiến lược của TQ trong sử dụng tiêu chuẩn hóa.

Thách thức 1: TQ lấy công nghệ thông qua dòng vốn FDI do chính phủ TQ thúc đẩy, gây ảnh hưởng đến vị thế thống trị của các nước công nghiệp

Dòng vốn FDI của Trung Quốc đổ vào châu Âu và Hoa Kỳ nhanh chóng gia tăng, tạo ảnh hưởng rộng rãi tích cực đối với nước sở tại. Nhiều doanh nghiệp được Trung Quốc mua lại đã được hưởng lợi đáng kể từ các dòng vốn và đón nhận cơ hội tiềm năng nhằm thúc đẩy kinh doanh tốt hơn tại Trung Quốc. Tại các công ty này, các nhà quản lý doanh nghiệp vẫn có quyền ra quyết định độc lập. Tuy nhiên, xuất hiện một xu thế mới nổi trội: những dòng vốn FDI tìm kiếm công nghệ chiến lược được chỉ đạo và ủng hộ bởi chính phủ TQ.

Người Trung Quốc tích cực thúc đẩy đầu tư vào các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài hàng đầu với mục tiêu mua lại một cách có hệ thống công nghệ tiên tiến hàng đầu và thực hiện chuyển giao công nghệ trên diện rộng. Việc “hấp thụ” công nghệ trên diện rộng của Trung Quốc không ngừng làm xói mòn vị thế lãnh đạo dẫn đầu của các nước công nghiệp. Chính sách “đi ra” của Trung Quốc nhấn mạnh đầu tư quốc tế như một bước đi quan trọng trong việc tạo ra ngành chế tạo dẫn đầu thế giới, nâng cao tầm ảnh hưởng của TQ đến toàn cầu. MIC 2025 có thể được coi như một chiến lược lớn cho đầu tư tìm kiếm công nghệ.

Thách thức 2: Quy định về dữ liệu và mạng tạo rủi ro trong việc bảo quản dữ liệu của nhà chế tạo nước ngoài

Chế tạo thông minh dựa chủ yếu vào việc tạo, truyền tải và lưu trữ dữ liệu sản xuất và kinh doanh. Tính toàn vẹn và an toàn của luồng dữ liệu là chìa khóa cho việc vận hành quy trình chế tạo thông minh. Tuy nhiên, chính phủ TQ lại cung cấp một môi trường số không có lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài. Chính phủ Trung Quốc kiểm soát chặt chẽ không gian mạng, gây ảnh hưởng đến việc sử dụng các ứng dụng kinh doanh kỹ thuật số, gây cản trở việc chuyển dữ liệu và khiến cho các dữ liệu này bị tiết lộ với chính phủ TQ. Trung Quốc có những quy định và các biện pháp cứng nhắc bằng văn bản và bất thành văn trong quản trị mạng. Chính phủ coi việc kiểm soát dữ liệu như một công cụ quan trọng để bảo vệ vai trò chính trị chủ yếu của Đảng. Hệ thống kiểm duyệt khổng lồ rộng rãi lọc tất cả các thông tin liên lạc kỹ thuật số. Chính phủ TQ tìm cách kiểm soát chặt chẽ các phương pháp mã hóa và buộc các công ty phải cho biết mật mã với các nhà chức trách. Việc sử dụng hoặc bán các dịch vụ mã hóa của các doanh nghiệp nước ngoài đều phải được cho phép bởi Văn phòng Quản lý Mật mã Thương mại Nhà nước (OSCCA). Những hạn chế về việc sử dụng các thiết bị mã hóa đã rất khó khăn đối với các công ty nước ngoài, trong thực tế, rất khó cho các doanh nghiệp nước ngoài có được những giấy phép này.

Thông tin cá nhân của nhà nước sắp thâm nhập mọi khía cạnh của đời sống xã hội và kinh tế. Ví dụ, tất cả các xe điện ở Trung Quốc đã có để truyền thông tin vị trí cho các cơ quan chính phủ Trung Quốc mỗi vài giây. Sự thâm nhập của ngành công nghiệp tăng cường bởi các ứng dụng kỹ thuật số và dữ liệu có sẵn cũng rất có khả năng thúc đẩy sự gia tăng trong việc thu thập các loại dữ liệu sản xuất khác nhau của các cơ quan nhà nước. Các quy định và biện pháp này rất có hại cho các doanh nghiệp nước ngoài chế tạo thông minh.

Thách thức 3: Hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà cung cấp công nghệ nước ngoài. Ở thời điểm hiện tại, TQ vẫn mở cửa thị trường cho các nhà cung cấp công nghệ nước ngoài. Chính phủ TQ khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực như robot công nghiệp hoặc máy công cụ cao cấp. Mở cửa thị trường để thu hút công nghệ nước ngoài, thúc đẩy tiến bộ công nghệ và tạo điều kiện học tập từ các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, khi TQ đã thu hẹp được khoảng cách về công nghệ, chính phủ TQ sẽ tạo ra các rào cản đối với các doanh nghiệp nước ngoài, khiến các nhà cung cấp nước ngoài gặp rủi ro dài hạn.

Thách thức 4: tiêu chuẩn nội địa TQ, gây hạn chế tiếp cận thị trường đối với các doanh nghiệp nước ngoài

Trung Quốc nói chung là sẵn sàng để hài hòa các tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế. Điều này sẽ tạo điều kiện tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nước ngoài. Các cải cách liên tục của hệ thống tiêu chuẩn và việc rà soát các điểm Luật Tiêu chuẩn được thực hiện nhằm tự do hóa và quốc tế hóa. Khu vực tư nhân được khuyến khích để thiết lập tiêu chuẩn công nghiệp và các nhà quản lý được khuyến khích cộng tác với các đối tác quốc tế.

Tương tự như các nước khác, Trung Quốc đang tăng cường những nỗ lực của mình để gây ảnh hưởng và thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế để hỗ trợ xuất khẩu công nghệ Trung Quốc và giảm gánh nặng phí bản quyền đối với bằng sáng chế quốc tế. Đồng thời, Trung Quốc thỉnh thoảng thiết lập các tiêu chuẩn quốc gia trong các ngành công nghiệp chiến lược mà có tình hình khác với tiêu chuẩn quốc tế nhằm hạn chế tiếp cận thị trường cho công nghệ nước ngoài và ủng hộ công nghệ của Trung Quốc trên thị trường trong nước. Ví dụ về các tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc là những tiêu chuẩn FDD-LTE cho Mạng di động 4G, tiêu chuẩn WAPI cho mạng không dây và tiêu chuẩn độc lập cho trạm sạc xe điện. Trong trường hợp xấu nhất, TQ sẽ gạt bỏ hoàn toàn các nhà chế tạo nước ngoài và các nhà phát triển phần mềm từ thị trường Trung Quốc trong một số công nghệ chiến lược quan trọng. Ngoài ra, các doanh nghiệp này sẽ phải sử dụng các tiêu chuẩn Trung Quốc và trả phí bản quyền cho việc cung cấp các sản phẩm bằng cách sử dụng tiêu chuẩn của Trung Quốc trong đặt hàng để duy trì sự hiện diện tại thị trường Trung Quốc.

1.2. Gây ảnh hưởng xấu đến doanh nghiệp FDI

Sau giai đoạn vàng cao điểm hiện tại, chương trình công nghiệp của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng xấu đến các nhà cung cấp công nghệ nước ngoài và các nhà sản xuất trong những năm tới, không phụ thuộc vào mức độ thành công cuối cùng của chiến lược. Mức độ tác động tiêu cực khác nhau đáng kể giữa các công nghệ và các ngành công nghiệp khác nhau, và phụ thuộc vào tốc độ và hiệu quả của việc thực hiện MIC 2025. Cuối cùng, bất kỳ kịch bản nào cho chiến lược MIC 2025 đều sẽ dẫn đến kết quả: khả năng cạnh tranh của TQ tăng cao, và cơ hội kinh doanh của các công ty nước ngoài sụt giảm.

Đối với nhà cung cấp công nghệ

Trong giai đoạn đầu tiên, chính sách hỗ trợ sản xuất thông minh của TQ tạo thêm nhiều cơ hội kinh doanh và tạo ra thời điểm tốt cho các nhà cung cấp công nghệ nước ngoài. Tuy nhiên, trong giai đoạn thứ hai - từ năm 2020 trở đi, khi các doanh nghiệp TQ với các sản phẩm nội địa đã có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, chính phủ TQ sẽ từng bước can thiệp thị trường, hạn chế sự doanh nghiệp nước ngoài tiếp cận thị trường, tìm cách loại bỏ các đối thủ cạnh tranh nước ngoài. Nếu thành công, điều này sẽ dẫn đến một giai đoạn thứ ba sau năm 2025, trong đó các công ty Trung Quốc trở thành đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ ở Trung Quốc và trên thị trường toàn cầu. Nếu các công ty Trung Quốc thất bại trong việc bắt kịp công nghệ, các nhà cung cấp công nghệ nước ngoài sẽ tiếp tục có cơ hội tại thị trường Trung Quốc nhưng họ sẽ phải đối mặt với sự can thiệp chính trị và một môi trường thị trường không công bằng.

Đối với nhà chế tạo, sản xuất

Từ nay cho đến năm 2020, các nhà chế tạo, sản xuất nước ngoài sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ ưu thế to lớn của họ trong chế tạo thông minh. Chỉ có một số ít doanh nghiệp hàng đầu Trung Quốc sẽ bắt đầu có khả năng thách thức với các doanh nghiệp và tập đoàn nước ngoài, dẫn đến một sự thay đổi chậm chạp trong cơ cấu thị trường. Do chính sách của Trung Quốc dần trở nên hiệu quả trong giai đoạn thứ hai sau năm 2020, với việc Trung Quốc sẽ sử dụng công nghệ tiên tiến, doanh nghiệp TQ đủ sức để cạnh tranh với các đối tác quốc tế của họ trên thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, trên thế giới, các nhà sản xuất nước ngoài vẫn sẽ duy trì vị trí hàng đầu. Nếu chiến lược MIC 2025 thành công, doanh nghiệp TQ sẽ trở thành các đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ ngay cả trên thị trường TQ và trên toàn thế giới. Điều này sẽ làm giảm đáng kể thị phần của các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế. Còn nếu không thành công, tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế sẽ gặp ít thách thức hơn, và mặc dù thị phần của các công ty Trung Quốc ngày càng tăng, nhưng các nhà chế tạo sản xuất nước ngoài sẽ vẫn có thể duy trì vai trò thống trị của họ trong nhiều ngành công nghiệp.

1.3. Tạo áp lực lên các nước công nghiệp

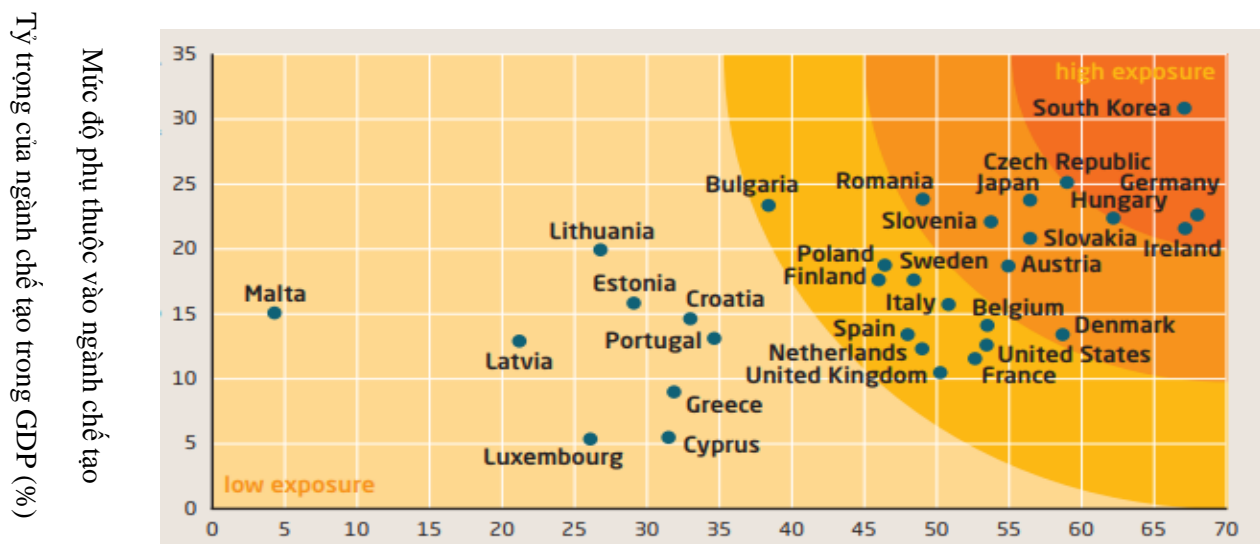
Chính sách về công nghiệp chế tạo của Trung Quốc sẽ tạo ra ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ nền kinh tế của các nhiều nước công nghiệp. Các mục tiêu của chính sách công nghiệp chế tạo của Trung Quốc nhằm vào các ngành công nghiệp có tầm quan trọng cơ bản cho sự phát triển kinh tế của nhiều nước công nghiệp.

Nếu chính sách công nghiệp chế tạo của Trung Quốc thành công, tại các nước công nghiệp, tốc độ tăng trưởng GDP sẽ thấp hơn, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ giảm sản lượng công nghiệp sẽ tăng lên. Các quốc gia mà trong đó ngành công nghiệp công nghệ cao đóng góp một phần lớn vào sản lượng công nghiệp sẽ bị tác động nhiều nhất bởi MIC 2025 (hình 1)

Cộng hòa Séc, Đức, Ý, Hungary, Nhật và Hàn Quốc sẽ bị tổn thương nhiều nhất nếu MIC 2025 thành công bởi sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia này phụ thuộc rất lớn vào công nghiệp.

Các ngành công nghiệp công nghệ cao và trung bình được xác định trong MIC 2025 có tầm quan trọng chiến lược, đóng góp cho hơn 40% giá trị gia tăng công nghiệp. Chiến lược của TQ gây tác động lớn nhất đến ngành công nghiệp ô tô và chế tạo thiết bị. Chế tạo máy móc là ngành công nghiệp công nghệ cao quan trọng nhất của 9 quốc gia châu Âu, trong khi ngành công nghiệp ô tô là ngành công nghiệp công nghệ cao lớn nhất ở 7 quốc gia. Những ngành công nghiệp quan trọng khác, ví dụ như hóa chất, cũng sẽ chịu ảnh hưởng từ chiến lược. Đối với các nước có khả năng bị ảnh hưởng nhiều nhất, điều quan trọng nhất là cần phản ứng nhanh và phối hợp với chính sách công nghiệp chế tạo nằm trong khuôn khổ chiến lược. Phản ứng kịp thời vẫn có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của các biện pháp và giảm tác động tiêu cực đến các nước công nghiệp và các công ty của họ.

Hình 2: Mức độ tác động của chiến lược MIC 2025



Mức quan trọng của các ngành công nghiệp công nghệ cao

Tỷ trọng mức đóng góp của ngành CN công nghệ cao trong ngành chế tạo

II. CHIẾN LƯỢC VÀNH ĐAI VÀ CON ĐƯỜNG – BRI

2.1. Thay thế và đối trọng với vai trò đầu tàu của Mỹ

Khi Mỹ thay đổi phần lớn chính sách đối ngoại dưới thời tổng thống Donald Trump nhằm đề cao lợi ích quốc gia, tầm ảnh hưởng của Mỹ giảm đi rõ rệt trên cục diện toàn cầu với những động thái như rút khỏi TPP và UNESCO, thu hẹp các khoản tài trợ cho các tổ chức về khí hậu hay an ninh toàn cầu. Trong khi đó, Trung Quốc tận dụng điều này để tăng mức độ ảnh hưởng của mình trên toàn cầu qua BRI. Trung Quốc sẽ tham gia sâu hơn trong mối quan hệ chính phủ song phương với nhiều nước từ châu Âu cho tới Nam Mỹ, gia tăng tầm ảnh hưởng của Trung Quốc trong bản đồ chính trị toàn cầu khi Mỹ đang thu mình lại với mục tiêu phát triển kinh tế của tổng thống Donald Trump. Trong khi Mỹ muốn giảm vai trò của mình trong nền kinh tế toàn cầu và dựa vào các ngành công nghiệp cũ, Trung Quốc lại muốn mở rộng vai trò toàn cầu và chuyển đổi nền kinh tế sang các ngành công nghiệp mới. Do vậy, OBOR được cho là kế hoạch nhằm giúp Trung Quốc thay đổi vị thế, lấp vào chỗ trống mà Mỹ sẽ để lại trong cam kết phát triển kinh tế của Tổng thống Donald Trump.

2.2. Tăng mức độ phụ thuộc kinh tế

Việc tăng mức độ phụ thuộc về đầu tư hạ tầng dẫn đến tăng ảnh hưởng lên các chính sách đối ngoại ở các nước đang phát triển tham gia vào chiến lược này, đặc biệt là ASEAN. Trung Quốc khẳng định sẽ không đưa ra các yêu cầu chính trị trong các hỗ trợ xây dựng tuyến đường mà BRI đi qua. Tuy nhiên, khi các quốc gia nhận tiền đi vay từ Trung Quốc, việc phải tuân thủ các điều kiện mà Trung Quốc đưa ra là không tránh khỏi.

Tại Trung Á, việc thực hiện OBOR đã giúp tăng cường thu hút FDI từ Trung Quốc vào các ngành như xây dựng hạ tầng, công nghiệp và nông nghiệp, do vậy giúp đa dạng hóa nền kinh tế của các nước nhận đầu tư. Các công ty của Trung Quốc trước đây đã đầu tư một lượng vốn FDI lớn vào các ngành khai thác tại các nước như Kazakhstan và Turkmenistan. Tuy nhiên, các kế hoạch đầu tư mới của Trung Quốc trong khu vực này lại tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp. Ngoài ra, nông nghiệp và các doanh nghiệp liên quan cũng là mục tiêu đầu tư của Trung Quốc. Ví dụ, các công ty Trung Quốc đang đàm phán với các đối tác địa phương để đầu tư 1,9 tỷ USD vào ngành nông nghiệp của Kazakh, bao gồm một dự án để dịch chuyển các nhà máy chế biến cà chua từ Trung Quốc sang.

Nam Á cũng đang hưởng lợi nhờ một số dự án được thực hiện dọc theo Hành Lang kinh tế Trung Quốc – Pakistan. Điều này đã giúp tạo ra một lượng vốn FDI lớn trong các ngành phát triển hạ tầng, đặc biệt là sản xuất điện và giao thông. Ví dụ, Công ty Xây dựng Điện lực (Trung Quốc) và Công ty Al-Mirqab Capital (Qatar) đã cùng đầu tư vào nhà máy điện tại Port Qasim, cảng biển lớn thứ hai ở Pakistan. Thêm vào đó, Công ty Đầu tư Điện lực (Trung Quốc) và Công ty nội địa Hub Power Company đã bắt đầu xây dựng một nhà máy điện chạy than với giá trị 2 tỉ USD.

- EU thành lập Diễn đàn kết nối EU-Trung Quốc (ECCP) để trao đổi thông tin, chính sách. Nhìn chung các nước EU ủng hộ BRI do lợi ích về thương mại và xây dựng hạ tầng, đặc biệt Anh, Đức và các nước ở Trung và Đông Âu.

- Khu vực ASEAN giữ vị trí quan trọng trong BRI do tập trung nhiều Hoa kiều, cửa ngõ xuống phía Nam của Trung Quốc, nơi tranh giành ảnh hưởng với Mỹ và Nhật.

- ASEAN gồm Lào (tuyến đường sắt Vientiane-Côn Minh trị giá 7,2 tỉ USD), Malaysia (tiếp nhận nhiều dự án quy mô hàng tỉ USD xây hạ tầng, trong đó dự án Gateway Malacca), Thái Lan (đường sắt Bangkok-Nakhon trị giá 13,8 tỉ USD) và Myanmar tích cực tham gia, đã hình thành một số tuyến đường, các nước ASEAN khác tham gia có lựa chọn hoặc chỉ thận trọng quan sát, ví dụ Việt Nam.

- BRI là sáng kiến phát triển cơ sở hạ tầng quy mô toàn cầu lớn nhất. BRI đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của thế giới, thậm chí tạo ra sự cạnh tranh về phát triển hạ tầng. Do đó, nhiều nước tham gia, quy mô vốn rất lớn với hàng nghìn dự án, ví dụ Hành lang kinh tế Trung Quốc-Pakistan trị giá 46 tỉ USD.

- BRI cũng thúc đẩy các hoạt động kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tăng vốn FDI và gia tăng cung cấp tín dụng vay ưu đãi, gia tăng trao đổi thương mại. Gia tăng cơ hội cho các doanh nghiệp do tăng liên kết và hợp tác giữa các quốc gia. 70% dự án của BRI xây dựng thuộc về Trung Quốc nhưng cơ hội cho các nước khác vẫn rất lớn.

- BRI cũng là hình thức xuất khẩu dự án sang các quốc gia, tập trung vào các lĩnh vực: nhiệt điện, thủy điện, đường ống dẫn dầu-khí, điện mặt trời, xây dựng khu công nghiệp, đường cao tốc, cảng biển, đường sắt... đang diễn ra rất mạnh ở Pakistan, Malaysia, Lào, Sri Lanka, Indonesia, Campuchia.

- Trung Quốc đang thu tóm các cảng biển nhưng chưa phải là các cảng chiến lược, chủ yếu là cảng trung chuyển, thu gom hàng hóa.

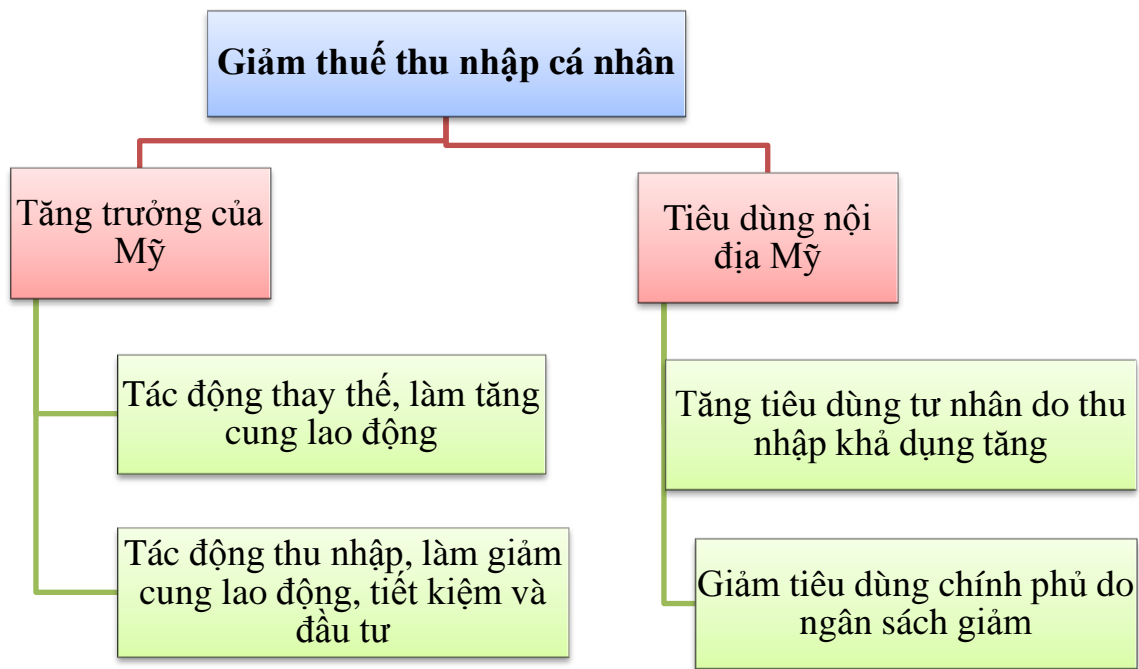
- Nhiều dự án hạ tầng của Trung Quốc bị từ chối hay hoãn: vấn đề môi trường, vấn đề xã hội, doanh nghiệp Trung Quốc thiếu minh bạch, thiếu niềm tin chính trị, an ninh quốc gia, lịch sử triển khai dự án kém hiệu quả, chuyển nợ của doanh nghiệp Trung Quốc thành nợ của nước tham gia BRI.

III. LUẬT THUẾ CẢI CÁCH THUẾ ĐẾN MỸ VÀ THẾ GIỚI

Luật thuế mới của Mỹ được dự tính không chỉ có tác động lớn tới nhiều khía cạnh của kinh tế xã hội Mỹ mà còn gây ra những tác động trực tiếp và gián tiếp tới các nền kinh tế khác, trong đó đặc biệt là những đối tác thương mại, đầu tư quan trọng của Mỹ.

Việc giảm thuế thu nhập cá nhân theo Luật thuế mới của Mỹ chủ yếu tác động trực tiếp tới tăng trưởng và tiêu dùng nội địa Mỹ. Về mặt lý thuyết, cắt giảm thuế thu nhập cá nhân sẽ có nhiều tác động tới quy mô kinh tế. Theo Gale G. và Samwick A. (2016), việc giảm thuế thu nhập tác động tới hành vi của các cá nhân và doanh nghiệp thông qua *tác động thu nhập* và *tác động thay thế*. Tác động tích cực của việc cắt giảm thuế tới quy mô của nền kinh tế tăng bởi vì mức thuế thấp hơn sẽ làm tăng lợi ích sau thuế của lao động, tiết kiệm và đầu tư. Điều này sẽ khuyến khích lao động, tiết kiệm và đầu tư thông qua *các tác động thay thế*. Đây chính là tác động “có chủ đích” của việc giảm thuế đối với quy mô của nền kinh tế. Nhưng giảm thuế cũng dẫn đến tác động là làm *tăng thu nhập* (hoặc tài sản), từ đó giảm động lực làm việc, tiết kiệm và đầu tư. Như vậy, việc giảm thuế sẽ có cả tác động tích cực và tiêu cực tới quy mô kinh tế.

Hình 3: Tác động của giảm thuế thu nhập cá nhân tới kinh tế Mỹ



Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

Ngoài ra, tác động ròng của việc giảm thuế đối với cung lao động là không rõ ràng. Cụ thể là giảm thuế giúp tăng lợi ích của việc quay lại làm việc, do vậy tăng cung lao động thông qua tác động thay thế. Tuy nhiên, giảm thuế cũng làm tăng thu nhập sau thuế, từ đó giảm cung lao động thông qua tác động về thu nhập.

Tiêu dùng của một quốc gia bao gồm tiêu dùng tư nhân và tiêu dùng chính phủ. Theo lý thuyết của Keynes, tiêu dùng tư nhân phụ thuộc vào thu nhập khả dụng⁷. Do vậy, việc giảm thuế thu nhập cá nhân sẽ làm tăng tiêu dùng tư nhân. Do tiêu dùng chiếm tới 2/3 tăng trưởng kinh tế Mỹ nên thu nhập của người lao động tăng sẽ kích thích tăng trưởng kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, đối với tiêu dùng chính phủ, cắt giảm thuế thu nhập cá nhân và thu nhập chính phủ sẽ dẫn đến giảm nguồn thu thuế. Do vậy, trong ngắn hạn khi việc giảm thuế chưa dẫn đến những tác động kích thích kinh tế để bù đắp lại nguồn thuế giảm, nhiều khả năng tiêu dùng chính phủ sẽ giảm do thu ngân sách giảm.

Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật thuế mới của Mỹ sẽ có tác động sâu rộng không chỉ tới kinh tế Mỹ mà cả các nền kinh tế khác trên thế giới, do đầu tư của các công ty Mỹ ở nước ngoài rất lớn và do Mỹ là đối tác

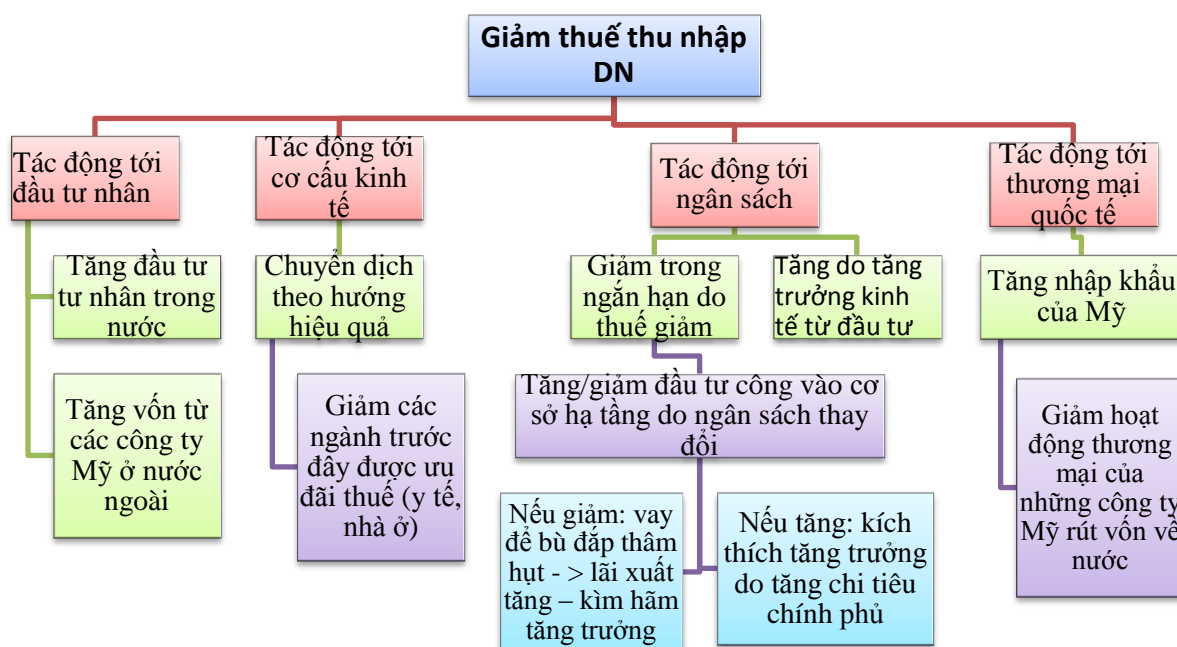
⁷ Hàm tiêu dùng: $C = a + MPC \cdot Y_d$, trong đó:

C: tiêu dùng; Y_d : thu nhập khả dụng, $Y_d = Y - T$; MPC: khuynh hướng tiêu dùng biên, tiêu dùng tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị.

thương mại lớn của nhiều quốc gia trên thế giới. Cụ thể, việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tại Mỹ sẽ có tác động tới: (1) Đầu tư tư nhân, (2) Ngân sách của Mỹ, (3) Cơ cấu kinh tế và (4) Thương mại quốc tế.

Đối với đầu tư tư nhân, tác động trước hết của Luật thuế mới là giảm chi phí cho các nhà đầu tư (được đo lường bằng chi phí kỳ vọng của doanh nghiệp đối với các khoản đầu tư mới) nhờ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và cho phép khấu trừ ngay khấu hao toàn bộ vốn tại thời điểm đầu tư (giảm chi phí so với trường hợp khấu hao trong nhiều năm. Chi phí sử dụng vốn và thuế thu nhập doanh nghiệp giảm sẽ giúp tăng lợi nhuận kỳ vọng của các nhà đầu tư, do vậy tạo động lực để kích thích đầu tư tư nhân.

Hình 4: Tác động của giảm thuế thu nhập doanh nghiệp



Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp.

Trong số các yếu tố tác động tới quyết định đầu tư (đặc biệt là FDI) của các nhà đầu tư, thuế là một yếu tố quan trọng (Fuest và cộng sự, 2005). Cụ thể, mức thuế suất áp dụng với thu nhập doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng vì nó tác động tới lợi nhuận sau thuế, từ đó thu hút được nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế cao cũng giúp các nhà đầu tư có hiệu suất kinh tế thấp hơn thực hiện được hoạt động đầu tư của mình. Do vậy, việc Mỹ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thể dẫn tới xu hướng các công ty đa quốc gia Mỹ chuyển hướng đầu tư từ nước ngoài về Mỹ. Trước khi áp dụng luật mới, mức thuế thu nhập doanh nghiệp của Mỹ là 35%, cao nhất trong số các nước phát triển thuộc OECD. Tuy

nhiên, Mỹ cho phép trì hoãn nộp thuế đối với lợi nhuận giữ lại ở nước ngoài, khoản thu nhập đó chỉ chịu thuế nếu quay trở về Mỹ (điển hình là dưới dạng lợi tức). Do vậy, nhiều công ty Mỹ đã giữ khoản tiền đó ở nước ngoài trong nhiều năm mà không chuyển về công ty mẹ ở Mỹ. Dự luật thuế vì vậy, được cho là sẽ khuyến khích các công ty Mỹ kinh doanh ở nước ngoài mang lợi nhuận về nước.

Việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ có hai tác động trái chiều tới ngân sách: (1) Trong ngắn hạn, ngân sách có thể sẽ giảm do thu ngân sách từ thuế thu nhập doanh nghiệp giảm, và (2) Trong dài hạn, ngân sách có thể sẽ tăng do tăng năng suất doanh nghiệp và quy mô của nền kinh tế do kích thích đầu tư. Theo JP Morgan (2018), tác động dài hạn của Luật thuế mới rất khó dự đoán do các tác động của việc kích thích tài khóa còn phụ thuộc vào những diễn biến của chu kỳ kinh doanh. Tuy nhiên, có lý do chính đáng để tin rằng cải cách thuế sẽ thúc đẩy tăng năng suất lao động, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Ngân sách thay đổi cũng sẽ tác động tới đầu tư vào cơ sở hạ tầng, do ở Mỹ, phần lớn đầu tư vào cơ sở hạ tầng (3/4 tiền vốn đầu tư cho vận hành, bảo dưỡng và cải thiện cơ sở hạ tầng) do chính quyền bang và địa phương thực hiện. Nguồn vốn này thường được tài trợ bởi thuế, tiền vay và thu phí người sử dụng. Trong ngắn hạn, việc giảm thuế sẽ khiến cho nguồn vốn tài trợ cho đầu tư hạ tầng giảm và chi phí đi vay để đầu tư hạ tầng tăng lên. Lãi suất tăng sẽ kìm hãm tăng trưởng. Tuy nhiên, trong dài hạn, nếu ngân sách tăng nhờ hoạt động đầu tư tư nhân tăng lên, đầu tư vào cơ sở hạ tầng có thể được cải thiện và nhờ đó kích thích tăng trưởng (do đầu tư công có tác động kích thích tăng trưởng từ cả phía cung và cầu của nền kinh tế).

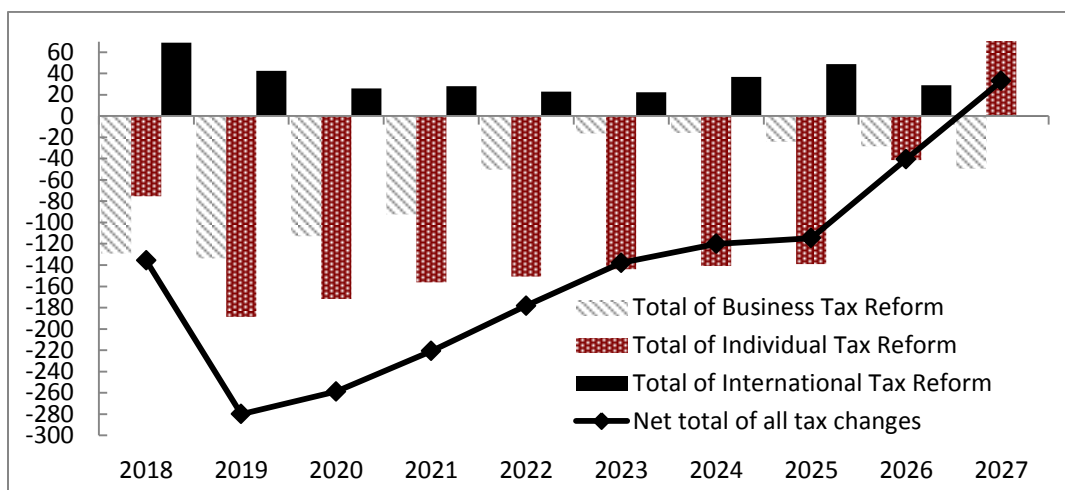
Một tác động tích cực khác của việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là giúp giảm những méo mó do thuế gây ra và tạo ra sự dịch chuyển về cơ cấu của các hoạt động kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả (ngay cả khi mức độ hoạt động kinh tế không thay đổi) và thu hẹp những ngành hiện được ưu đãi thuế, như ngành y tế và nhà ở. Do vậy, tăng trưởng kinh tế Mỹ có thể được cải thiện nhờ sự dịch chuyển này.

Kinh tế Mỹ tăng tốc nhờ giảm thuế có thể tác động tích cực tới thương mại thế giới do làm tăng nhu cầu nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và đầu tư từ nước ngoài. Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Mỹ giảm sẽ dẫn tới sự bùng nổ về đầu tư và tăng nhu cầu về hàng hóa, lao động và vốn (Australian Government's Treasury, 11/2017). Sự bùng nổ về đầu tư của Mỹ nhiều khả năng có thể chỉ được đáp ứng một phần từ nguồn trong nước và do vậy phát sinh nhu cầu vốn cũng như hàng hóa

từ các nước khác. Trong trường hợp này, các nước khác sẽ được lợi nhờ sự bùng nổ kinh tế Mỹ và những tác động tiêu cực do giảm thuế của Mỹ sẽ giảm. Nhưng ở chiều ngược lại, đầu tư của các công ty đa quốc gia Mỹ ở nước ngoài sụt giảm cũng có thể dẫn đến giảm các hoạt động thương mại quốc tế do các công ty này tạo nên.

Sau khi nghiên cứu các cơ chế tác động về mặt lý thuyết, phần này sẽ đánh giá tác động định tính của Luật thuế, tổng hợp kết quả của các nghiên cứu thực nghiệm trước đây, đồng thời thực hiện đánh giá định lượng bằng mô hình kinh tế lượng toàn cầu (NIGEM). Dựa trên số liệu của Văn phòng ngân sách quốc hội Mỹ (CBO)⁸ trong năm tài khoá 2018-2019, Nhóm nghiên cứu đã tính toán mức thay đổi nguồn thu ngân sách Mỹ từ thuế thu nhập cá nhân, doanh nghiệp và thuế quốc tế sau khi áp dụng Luật cải cách thuế (Biểu đồ 1), trên cơ sở đó, sử dụng NIGEM đánh giá tác động của Luật thuế đến thế giới, nền kinh tế Mỹ và các nước khác.

Hình 5: Thay đổi tổng thu của một số loại thuế



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu dựa vào số liệu ước tính của CBO⁹

3.1. Tác động tới tăng trưởng và thương mại thế giới

Luật cải cách thuế mới của Mỹ sẽ tác động tích cực tăng trưởng kinh tế thế giới trong ngắn hạn do kinh tế Mỹ được kích thích nhờ các biện pháp nới lỏng tài khóa (giảm thuế), từ đó kéo theo tăng trưởng kinh tế của các nước đối tác và kinh

⁸<https://www.cbo.gov/publication/53415>

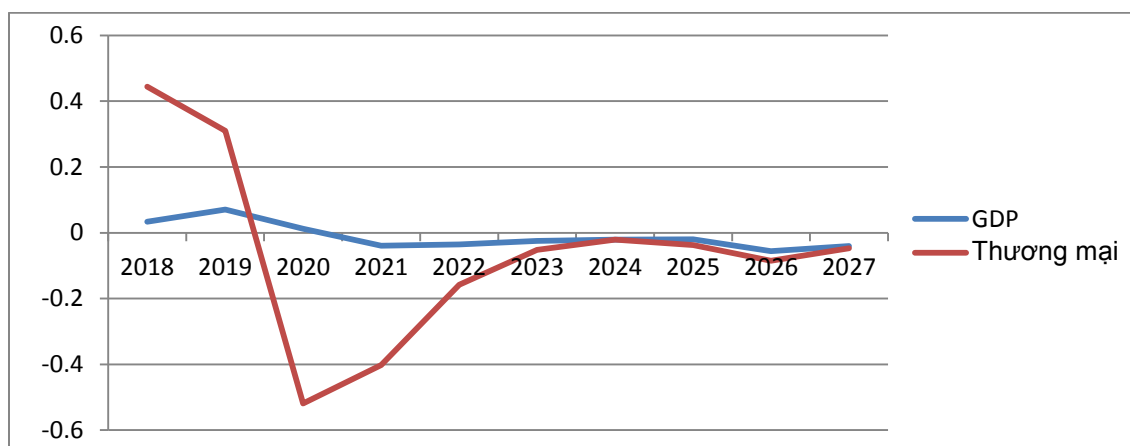
⁹Theo: <https://www.cbo.gov/system/files/115th-congress-2017-2018/costestimate/53415-hr1conferenceagreement.pdf>

tế thế giới, do Mỹ là nền kinh tế lớn nhất thế giới. IMF (7/2018) cho rằng kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,9% trong năm 2018 và 2019, cao hơn 0,2 điểm % so với dự báo đưa ra vào tháng 10/2017 do động lực tăng trưởng mới từ Mỹ. Tuy nhiên, tác động này sẽ giảm trong dài hạn do thâm hụt ngân sách tác động tiêu cực tới tăng trưởng. Hơn nữa, các điều khoản ưu đãi thuế thu nhập cá nhân sẽ hết hạn vào năm 2025, do vậy quy mô của gói kích thích tài khóa sẽ giảm dần. Đánh giá định lượng từ mô hình NIGEM cho thấy, tăng trưởng GDP của thế giới năm 2018 tăng thêm 0,03%, năm 2019 (0,07%). Tuy nhiên, tác động tích cực của Luật thuế đối với tăng trưởng GDP của thế giới sẽ giảm từ năm 2021, cụ thể tăng trưởng GDP thế giới sẽ giảm ở mức -0,03% vào năm 2021 và giảm tiếp ở những năm tiếp theo¹⁰.

Mặc dù có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế thế giới, chính sách cải cách thuế của Mỹ lại có thể gây ra những tác động tiêu cực tới tăng trưởng thương mại thế giới. Việc giảm mạnh thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân sẽ khiến cho nguồn thu thuế của Mỹ giảm. Để bù đắp sự sụt giảm này, Mỹ sẽ tìm cách tăng thu thuế từ các nguồn khác, và biện pháp tăng thuế nhập khẩu đã được Mỹ lựa chọn để vừa tăng thu thuế, vừa bảo hộ sản xuất trong nước. Những diễn biến mới về chiến tranh thương mại giữa Mỹ với Trung Quốc và các đối tác khác trong thời gian gần đây cũng có thể bắt nguồn từ chính sách cải cách thuế. Điều này sẽ hạn chế tốc độ lưu chuyển của thương mại toàn cầu và ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, tác động tiêu cực của chính sách cải cách thuế tới thương mại thế giới có thể được bù đắp phần nào nhờ nhu cầu nhập khẩu của Mỹ tăng khi dòng vốn FDI vào Mỹ tăng lên. Kết quả ứng dụng mô hình NIGEM cho thấy trong dài hạn, thương mại thế giới dưới tác động của Luật thuế có thể có xu hướng giảm, đặc biệt là vào năm 2020 (với mức giảm là 0,5%, % thay đổi so với phương án không có cải cách thuế).

¹⁰Theo IMF (1/2018), tác động tích cực của chính sách cải cách thuế tại Mỹ tới tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ giảm từ năm 2022.

Hình 6 : Tác động của Luật thuế đối với thế giới



Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu dựa trên mô hình Nigem

3.3. Tác động tới kinh tế Mỹ

Luật thuế mới được Tổng thống Donald Trump đề xuất nhằm kích thích tăng trưởng GDP, tạo ra nhiều việc làm hơn cho Mỹ dựa trên kỳ vọng kinh tế sẽ bùng nổ mạnh mẽ vì chi tiêu đầu tư kinh doanh và cá nhân. Dưới đây là một số ảnh hưởng cụ thể của việc giảm thuế tới kinh tế Mỹ.

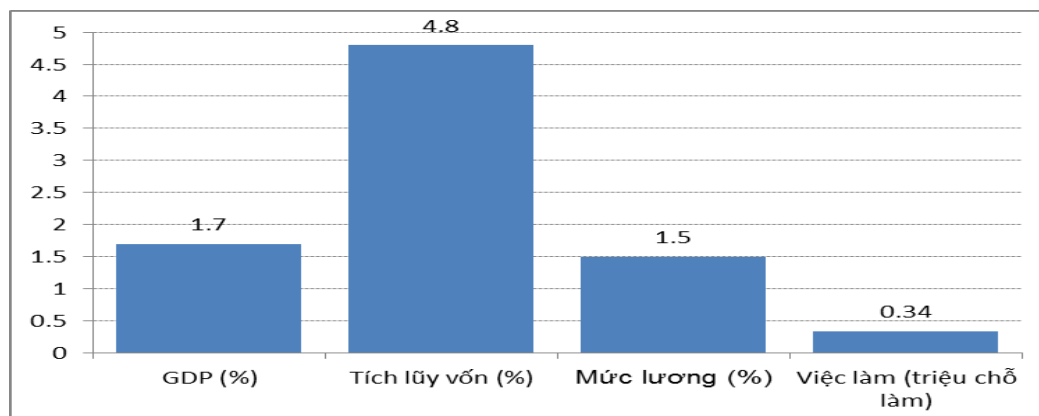
3.3.1. Ảnh hưởng tới tăng trưởng, tích lũy vốn, tiền lương và việc làm

Do bản chất của cải cách thuế tại Mỹ là kích thích tài khóa (giảm thuế), nên tác động trước tiên đối với kinh tế Mỹ sẽ là tác động kích thích tài khóa... Thuế thu nhập cá nhân giảm sẽ giúp tăng thu nhập khả dụng của hộ gia đình và nhờ đó thúc đẩy tiêu dùng, đặc biệt là các hộ gia đình có hạn chế về khả năng thanh khoản. Một phần của mức tăng thu nhập sau thuế cũng sẽ dẫn tới tăng tiết kiệm. Cuối cùng, cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và việc cho phép khấu trừ ngay khấu hao tài sản đầu tư cho 5 năm sẽ giúp giảm chi phí đầu tư sau thuế, từ đó tăng nhu cầu của doanh nghiệp do động lực kích thích đầu tư tăng.

Về dài hạn, tăng trưởng kinh tế cũng được thúc đẩy do năng lực sản xuất tăng và cung lao động tăng (do người lao động có động lực lớn hơn để quay lại thị trường lao động). Thuế thu nhập cá nhân giảm sẽ tạo động lực kích thích người lao động tham gia vào thị trường lao động do thu nhập sau thuế tăng. Hơn nữa, việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và cho phép khấu trừ ngay khấu hao tài sản đầu tư cũng sẽ thúc đẩy tăng hoạt động đầu tư và tích lũy vốn của nền kinh tế. Tích lũy vốn tăng sẽ giúp tăng sản lượng tiềm năng và thúc đẩy tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, việc đơn giản hóa luật thuế và loại bỏ những méo mó do thuế tạo ra

đối với chiến lược vốn của công ty cũng sẽ giúp tăng năng suất nhờ tái phân bổ vốn đầu tư vào những lĩnh vực hiệu quả hơn. Theo ước tính của Tax Foundation (2017)¹¹, việc cắt giảm thuế trong dài hạn sẽ giúp GDP của Mỹ tăng 1,7% GDP. Nền kinh tế được mở rộng sẽ dẫn tới tiền lương cao hơn 1,5%, việc làm tăng thêm 339.000 và tích lũy vốn tăng 4,8%. Kinh tế tăng trưởng và mức lương cao hơn chủ yếu là do chi phí vốn thấp hơn đáng kể, làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và đẩy nhanh tốc độ chi khấu hao vốn cho các tài sản có vòng đời ngắn.

Hình 7: Tác động dài hạn (2018-2027) của Luật thuế đối với kinh tế Mỹ

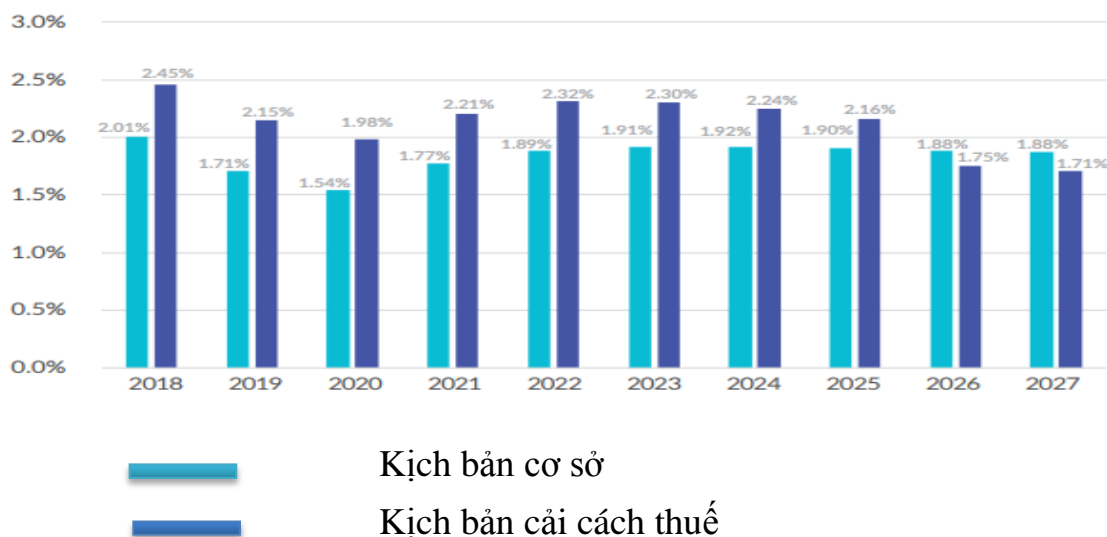


Nguồn: Tax Foundation Taxes and Growth Model, tháng 11/2017.

Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra thời gian kéo dài của những tác động này. Tax Foundation (2017) chỉ ra tác động tới tăng trưởng GDP không phải theo đường thẳng. Năm 2018, năm đầu tiên của chương trình cải cách thuế, tăng trưởng dự kiến sẽ tăng thêm 0,44% so với không có cải cách thuế. Tuy nhiên, sự tăng tốc về tăng trưởng trong giai đoạn 10 năm đầu giảm xuống trong giai đoạn sau đó và dần xuống dưới mức kích bản cơ sở do tính chất tạm thời của nhiều điều khoản mà luật quy định. Baumann và Dizioli (2018) cũng cho rằng tác động lớn nhất của Luật thuế đối với thu ngân sách sẽ diễn ra trong giai đoạn từ nay đến 2025, chủ yếu do phần lớn các điều khoản liên quan đến thuế thu nhập cá nhân sẽ hết hạn sau năm 2025. Tác động về thu ngân sách do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cũng sẽ giảm theo thời gian, một phần do ưu đãi về khấu hao tài sản đầu tư sẽ hết dần.

¹¹ Báo cáo đặc biệt, Tax Foundation, số 241, 12/2017
[<https://files.taxfoundation.org/20171220113959/TaxFoundation-SR241-TCJA-3.pdf>]

Hình 8: So sánh mức tăng trưởng theo kịch bản cơ sở và kịch bản cải cách thuế



Nguồn: Tax Foundation

Kết quả mô phỏng định lượng cú sốc thay đổi ngân sách từ các nguồn thu thuế của Mỹ sau khi áp dụng Luật thuế mới từ mô hình NIGEM đã cho thấy sự phù hợp hoàn toàn so với về cơ chế tác động về lý thuyết cũng như các kết quả từ các nghiên cứu thực nghiệm trước đó. Tác động giảm thuế đã kích thích vốn đầu tư tích lũy của Mỹ tăng trong ngắn hạn, cụ thể, tăng nhẹ ở mức 0,1% năm 2018; 0,6% năm 2019; và cao nhất vào năm 2020 (1%), sau đó giảm dần trong trung và dài hạn so với phương án cơ sở. Bên cạnh đó, việc đơn giản hóa luật thuế và loại bỏ những méo mó do thuế tạo ra đối với chiến lược vốn của công ty cũng sẽ giúp tăng năng suất nhờ tái phân bổ vốn đầu tư vào những lĩnh vực hiệu quả hơn, từ đó thúc đẩy tăng trưởng GDP. Dưới tác động của Luật thuế mới của Mỹ, GDP của Mỹ tăng trưởng thêm 0.6% năm 2018, và tăng tốc thêm 1% năm 2019 so với kịch bản gốc. Tuy nhiên, sự tăng tốc về tăng trưởng trong giai đoạn đầu của thập kỷ sẽ giảm xuống trong giai đoạn sau đó và dần xuống dưới mức kịch bản cơ sở do tính chất tạm thời của nhiều điều khoản mà Luật thuế quy định. Lương danh nghĩa và số việc làm của Mỹ tăng trong ngắn hạn (khoảng 4 năm sau khi thực hiện cú sốc) sau đó giảm trong dài hạn. Cụ thể, lương danh nghĩa tăng thêm 0.2% năm 2018; 0.8 % năm 2019; 0,7% năm 2020 và sau đó giảm xuống dưới mức cơ sở trong những năm tiếp theo. Số việc làm tăng lên hơn 314 ngàn vào năm 2018, đặc biệt tăng cao vào năm 2019 ở mức 967 ngàn và giảm trong các năm sau đó.

Bảng 2: Tác động của Luật thuế đến tăng trưởng kinh tế Mỹ

Năm	Tăng trưởng GDP (%)	Tăng trưởng vốn đầu tư tích lũy (%)	Lương danh nghĩa (%)	Tổng số việc làm (nghìn)
2018	0.6	0.1	0.2	314.6563
2019	1.3	0.6	0.8	967.125
2020	0.9	1.0	0.7	727.7969
2021	0.4	0.9	0.4	180.2031
2022	-0.1	0.7	0.0	-260
2023	-0.5	0.2	-0.3	-562.2344
2024	-0.6	-0.2	-0.5	-612.8594
2025	-0.5	-0.6	-0.5	-531.7188
2026	-0.4	-0.8	-0.3	-294.0625
2027	-0.2	-0.8	-0.2	-82

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu dựa trên mô hình Nige;; % thay đổi so với kịch bản gốc

3.3.2. Ảnh hưởng đối với ngân sách liên bang

Các tính toán dựa trên nghiên cứu định lượng gần đây của một số cơ quan nghiên cứu cho thấy, doanh thu từ thuế của Mỹ sẽ giảm trong ngắn hạn do giảm thuế, do vậy ảnh hưởng tới ngân sách. Nghiên cứu của CBO và JCT (2017)¹² cho rằng việc ban hành Luật thuế mới sẽ làm giảm thu ngân sách khoảng 1649 tỷ USD và giảm chi tiêu Chính phủ khoảng 194 tỷ USD trong giai đoạn 2018-2027. Do đó, Luật thuế này có thể sẽ làm tăng thâm hụt ngân sách Mỹ thêm 1,455 nghìn tỷ trong 10 năm tới, không tính tới các tác động về kinh tế vĩ mô. Tax Foundation (2017)¹³ chỉ ra tác động tiêu cực tới thu ngân sách của Mỹ: Theo mô hình tĩnh (chỉ so sánh có hay không có Luật thuế mới), Luật thuế mới sẽ làm giảm mức thu ngân sách liên bang xuống 1,47 nghìn tỷ USD. Theo mô hình động, Luật thuế mới này sẽ tạo thêm nguồn thu 600 tỷ USD trong 10 năm tiếp theo, do vậy giúp giảm thiệt hại do

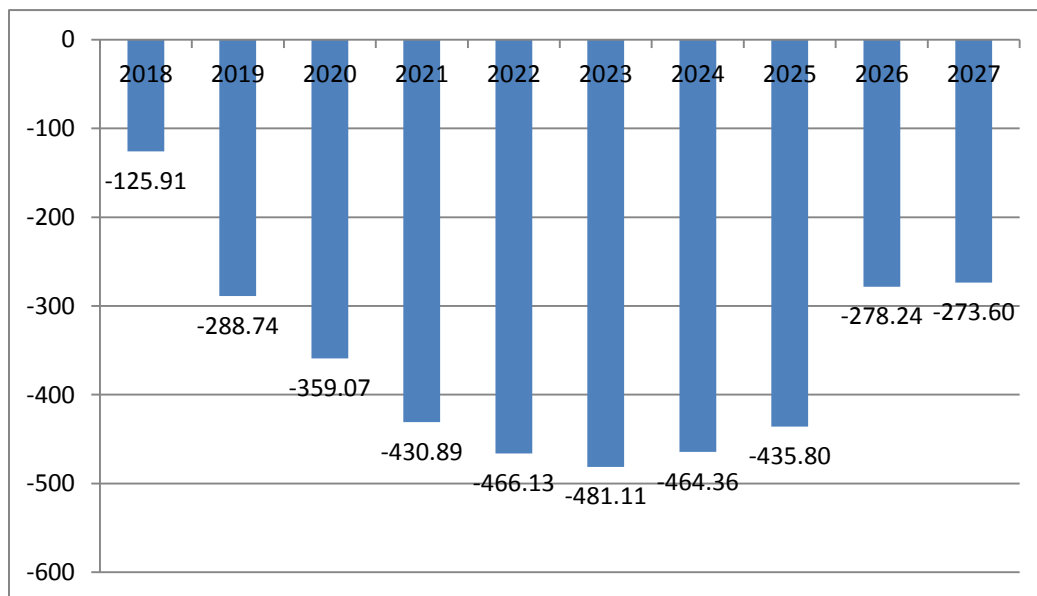
¹²Keith Hall, 2017 [<https://www.cbo.gov/system/files/115th-congress-2017-2018/costestimate/53415-hr1conferenceagreement.pdf>]

¹³Tax Foundation SPECIAL REPORT No. 241 Dec. 2017
<https://files.taxfoundation.org/20171220113959/TaxFoundation-SR241-TCJA-3.pdf>

thất thu từ thuế. Nền kinh tế được mở rộng sẽ dẫn tới tăng tiền lương và do đó mở rộng cơ sở tính thuế thu nhập và tiền lương. Nhờ đó, chính phủ liên bang sẽ phải chịu khoản thất thu thuế thu nhập cá nhân ở mức nhỏ hơn 494 tỷ USD. Việc cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cũng sẽ khiến thất thu ngân sách từ thuế giảm xuống mức 565 tỷ USD. Thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trong ngắn hạn cao chủ yếu do điều khoản quy định về chi khấu hao ngay đối với các tài sản có vòng đời ngắn. Điều khoản này nhằm khuyến khích tăng đầu tư vào giúp các doanh nghiệp thực hiện khấu hao vốn lớn hơn trong năm năm đầu của kế hoạch cải cách thuế. Nghiên cứu của Tax Foundation cũng cho thấy, đến năm 2024, mức thu ngân sách từ thuế nhờ cải cách thuế sẽ lớn hơn mức thu thuế theo kịch bản cơ sở. Vào năm 2026, doanh thu thuế sẽ lớn hơn so với kịch bản cơ sở, chủ yếu do nhiều điều khoản cụ thể sẽ hết hạn.

Kết quả đánh giá định lượng từ mô hình NIGEM cũng cho thấy sự phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trên. Cụ thể, thâm hụt ngân sách chính phủ Mỹ tăng mạnh trong 6 năm sau khi thực hiện Luật thuế so với phương án không thực hiện cú sốc: 125,9 tỷ USD năm 2018, 288,7 tỷ USD năm 2019; 359 tỷ USD năm 2030 và đỉnh điểm ở mức 481,1 tỷ USD năm 2023 và giảm dần nhẹ trong các năm sau đó.

Hình 9 : Tác động với ngân sách Mỹ



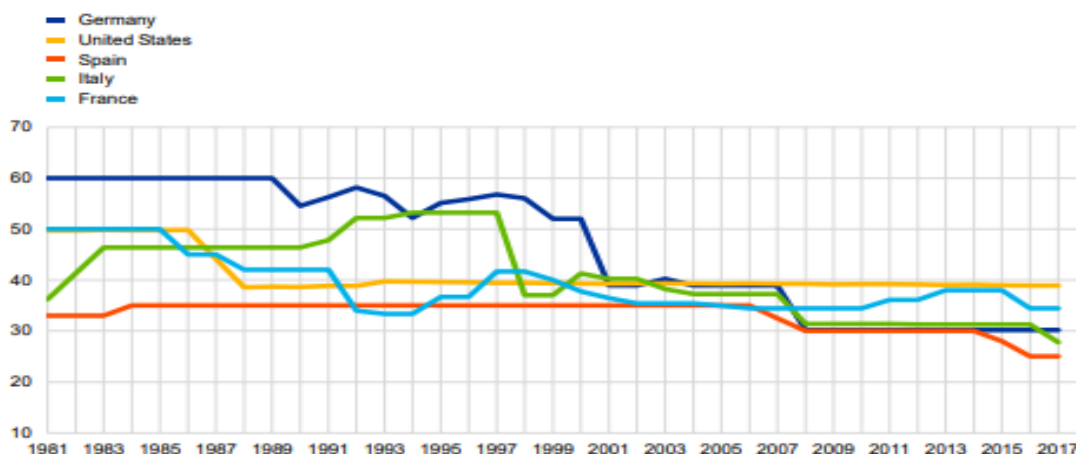
Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu dựa trên mô hình Nigem

3.3.3. Xu hướng dòng vốn đầu tư quay trở lại Mỹ

Các công ty Mỹ đã giữ một lượng tiền rất lớn dưới dạng lợi nhuận nước ngoài ở các nước khác để tránh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp rất lớn của Mỹ. UNCTAD (2/2018) ước tính giá trị lợi nhuận mà các công ty đa quốc gia Mỹ giữ lại ở nước ngoài hiện lên tới 3,2 nghìn tỉ USD. Tập đoàn tư vấn tiêu dùng Public Interest Research Group đã xác định có khoảng 50 “thiên đường” thuế trên thế giới hiện nay, từ Bermuda và Cayman Islands – là những nơi có nhiều thủ thuật về bảng cân đối tài sản - cho tới những nước có mức thuế rất thấp để thu hút kinh doanh như Ireland và Singapore. Báo cáo này cũng cho thấy có gần ba phần tư trong số các công ty niêm yết theo chỉ số chứng khoán Fortune 500 có các chi nhánh hoạt động tại các “thiên đường” thuế. Các công ty công nghệ của Mỹ giữ nhiều tiền ở nước ngoài nhất. Apple giữ khoảng 180 tỉ USD ở nước ngoài, General Electric khoảng 119 tỉ USD, và Microsoft giữ khoảng 108 tỉ USD.

Kế hoạch cắt giảm thuế mới của Tổng thống Donald Trump (đặc biệt là việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 35% hiện nay xuống còn 21%, đánh thuế 15,5% đối với hoạt động chuyển tiền về nước của các công ty Mỹ hoạt động ở nước ngoài) có thể dẫn đến làn sóng rút vốn lớn từ nước ngoài để quay trở lại Mỹ, do mức thuế thu nhập doanh nghiệp giảm mạnh khiến cho hoạt động đầu tư tại Mỹ sinh lời nhiều hơn. Trước khi giảm thuế, mức thuế thu nhập doanh nghiệp tại Mỹ cao hơn phần lớn các nước OECD khác. Tuy nhiên, sau khi giảm thuế, mức thuế suất tại Mỹ sẽ ngang bằng phần lớn các nước OECD khác. UNCTAD (2/2018) ước tính sẽ có khoảng 2 nghìn tỉ USD (hai phần ba) lợi nhuận của các công ty đa quốc gia Mỹ ở nước ngoài được chuyển về nước do tác động của Luật thuế mới. Các hãng công nghệ với giá trị lợi nhuận khổng lồ giữ ở nước ngoài sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ chính sách này. Financial Times ước tính rằng Luật thuế mới có thể giúp Apple ngay lập tức tiết kiệm được 47 tỉ USD nếu chuyển lợi nhuận về nước. Theo tính toán của Goldman Sachs, các công ty S&P 500 đang giữ khoảng 920 tỉ USD ở nước ngoài, và khoảng 250 tỉ USD có thể quay trở lại Mỹ do Luật thuế mới.

Hình 10: So sánh CIT của một số nước (%)



Nguồn: OECD và tính toán của ECB.

Hãng công nghệ Mỹ (Apple) gần đây (17/1/2018) đã tuyên bố sẽ chuyển dự trữ tiền mặt hàng trăm tỷ USD (phần lớn trong khoản 252 tỉ USD tiền mặt ở nước ngoài) về nước và dự kiến đóng thuế 38 tỷ USD cho số tiền này. Ngoài tuyên bố chuyển tiền về Mỹ và dự kiến sẽ đóng thuế khoảng 38 tỷ USD, Apple còn cho biết sẽ chi hàng chục tỷ USD để tạo việc làm, xây dựng cơ sở sản xuất và trung tâm dữ liệu trong nước trong những năm tới. Hãng dược phẩm khổng lồ Pfizer cũng lên kế hoạch sẽ mang hàng chục tỉ USD lợi nhuận ở nước ngoài về Mỹ sau khi được hưởng lợi từ việc cắt giảm thuế. Ngày 31/1/2018, Pfizer cho biết công ty sẽ trả 15 tỉ USD thuế chuyển tiền về nước trong vòng 8 năm tới, dù chưa công bố cụ thể số tiền sẽ chuyển về nước.

3.4. Tác động đến EU

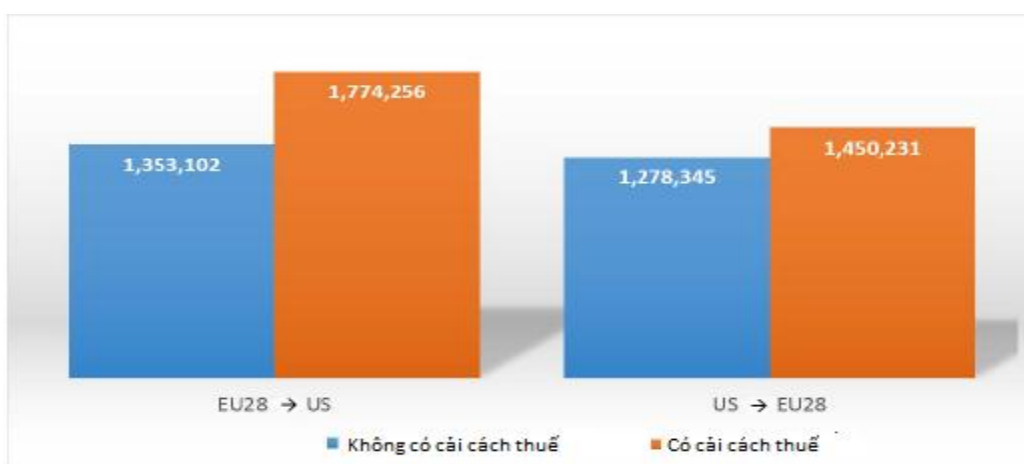
EU là đối tác đầu tư quan trọng của Mỹ. Giá trị tích lũy vốn FDI của các nước EU28 sang Mỹ trung bình giai đoạn 2008-2012 là 1,353 nghìn tỉ USD (chiếm 37.14% FDI ra nước ngoài của EU28), trong khi vốn FDI từ Mỹ sang EU28 là 1,278 nghìn tỉ USD.

Christoph Spengel và cộng sự (2017) đã nghiên cứu tác động của cải cách thuế ở Mỹ tới kinh tế EU và nước Đức nói riêng. Theo đó, cải cách thuế của Mỹ có tác động tới lợi nhuận ròng sau thuế đối với đầu tư nước ngoài vào Mỹ cũng như đầu tư của Mỹ ra nước ngoài. Thuế giảm sẽ giúp lợi nhuận sau thuế của các nhà đầu tư nước ngoài tại Mỹ tăng, dẫn tới tăng đầu tư FDI tại Mỹ. Bên cạnh đó, đối với các nhà đầu tư của Mỹ, các dự án đầu tư ở trong nước cũng như ở nước ngoài sẽ sinh lợi nhiều hơn, do vậy dẫn tới đầu tư của Mỹ ở nước ngoài tăng. Do vậy, cả

đầu tư FDI vào Mỹ và FDI của Mỹ ra nước ngoài dự kiến đều tăng do cải cách thuế.

Nghiên cứu này cũng đã chỉ ra mức giảm chi phí vốn của đầu tư FDI từ Mỹ vào EU và đầu tư của EU vào Mỹ nhờ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tại Mỹ. Theo đó, việc giảm thuế TNDN của Mỹ từ 35% xuống 21% làm giảm thuế suất trung bình có hiệu lực (EATR)¹⁴ trong nước của Mỹ xuống còn 25,2%, thấp hơn mức EATR của Đức là 28,2% theo các quy định hiện hành. Đồng thời chi phí vốn của Mỹ giảm từ 7,6% xuống 6,6%. Cùng với việc áp dụng thuế TNDN 20%, việc cho phép khấu hao ngay lập tức chi phí máy móc và tài sản vô hình sẽ làm giảm thêm chi phí vốn của Mỹ xuống chỉ còn 5,9% và EATR chỉ ở mức 22,7%. Khi đó EATR của Mỹ gần bằng mức trung bình của EU28 là 20,9% và chi phí sử dụng vốn của Mỹ thấp hơn mức trung bình của EU28 là 6%. Đối với đầu tư ra nước ngoài của Mỹ, cải cách thuế khiến mức thuế suất EATR của một lượng vốn đầu tư ra nước ngoài trung bình của Mỹ vào EU28 giảm từ 24,1% xuống còn 23% và chi phí vốn giảm từ 6,2% xuống 6,1%. Kết quả tính toán từ nghiên cứu này cũng cho thấy, cải cách thuế sẽ giúp tăng vốn FDI của EU28 vào Mỹ thêm 31,3%, tương đương từ 1,353 nghìn tỉ USD lên 1,774 nghìn tỉ USD. Trong khi đó, vốn FDI từ Mỹ vào EU28 sẽ tăng thêm 13,4%, từ 1,278 nghìn tỉ USD lên 1,450 nghìn tỉ USD. Như vậy, mặc dù FDI hai chiều đều tăng, Mỹ vẫn có lợi hơn so với EU28 nhờ cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Mỹ.

Hình 11: Tác động FDI của Luật thuế tới EU28 và Mỹ



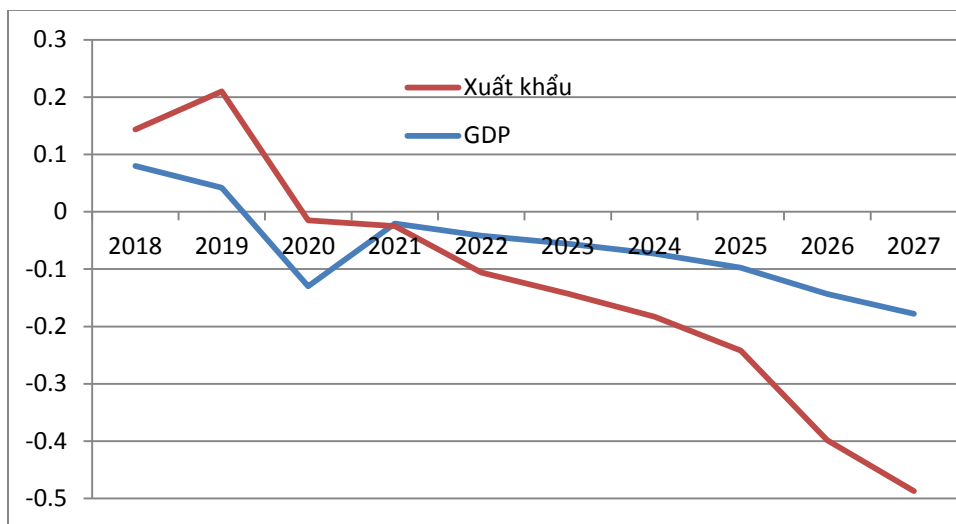
Nguồn: Christoph Spengel và cộng sự (2017); trung bình năm; vốn FDI tích lũy trong kịch bản không có cải cách thuế là số liệu FDI trung bình của giai đoạn 2008-2012.

¹⁴EATR (effective average tax rate) được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại ròng của một khoản đầu tư trước thuế và sau thuế

Kết quả đánh giá định lượng từ mô hình NIGEM cho thấy vốn đầu tư tích lũy của các nước thuộc khu vực Eurozone (cụ thể như Đức, Pháp) chưa chịu tác động trong năm đầu tiên áp dụng Luật thuế (điều này có thể do độ trễ của vốn đầu tư), tuy nhiên, vốn đầu tư của các nước này có thể giảm hai năm sau đó, nhưng với mức độ giảm không đáng kể. Cụ thể, vốn đầu tư tích lũy của Đức giảm 0.01% năm 2019 và tiếp tục giảm 0,06% năm 2020; vốn tích lũy của Pháp gần như không thay đổi trong năm 2018, 2019 và giảm nhẹ ở mức 0,04% năm 2020.

Nghiên cứu của Baumann và Dizioli (2018)¹⁵ cho thấy cải cách thuế cũng sẽ tác động tới kinh tế châu Âu thông qua tác động lan tỏa về kinh tế vĩ mô. Cụ thể, chính sách nới lỏng tài khóa của Mỹ sẽ thúc đẩy cầu trong nước của Mỹ, từ đó làm tăng cầu đối với hàng hóa và dịch vụ của khu vực Eurozone, song tác động này chỉ trong ngắn hạn. Kết quả mô phỏng tác động này từ mô hình NIGEM cho thấy, xuất khẩu của khu vực Eurozone tăng thêm 0,06% năm 2018, 0,16% năm 2019; 0,11% năm 2020 và giảm từ năm 2021 và những năm sau đó. GDP của khu vực Eurozone giảm nhẹ từ năm 2020 ở mức -0,13% và những năm sau đó.

Hình 12: Tác động đến khu vực Eurozone



Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu dựa trên mô hình Nigem

3.5. Tác động đến Nhật Bản

Chính sách cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của Mỹ có thể làm gia tăng sức ép cạnh tranh đối với Nhật Bản trong thu hút đầu tư nước ngoài. Tạp chí Global Finance (12/2017) nhận định, các công ty Nhật Bản sẽ phải đối mặt với áp

¹⁵Ursel Baumann và Allan Gloe Dizioli (2018), “The macroeconomic impact of US tax reform”, *ECB Economic Bulletin*, Issue 1 / 2018.

lực cạnh tranh lớn từ các nước phát triển khác trong đó có Mỹ khi những nước này giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm giúp các công ty nước họ tăng năng lực cạnh tranh dài hạn thông qua việc tăng thêm nguồn lực đầu tư vào R&D, đào tạo và phát triển. Gần đây, Chính phủ Nhật Bản cũng đã cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó mức thuế giảm xuống 25% với những công ty tăng lương thêm 3%, và giảm xuống 20% cho những công ty đầu tư vào công nghệ viễn thông và internet, và những chính sách này có hiệu lực từ tháng 4/2018.

Bên cạnh đó, việc Mỹ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cũng dẫn tới khả năng các công ty Mỹ đầu tư tại Nhật Bản rút tiền mặt để chuyển về Mỹ, khiến vốn đầu tư tích lũy của Nhật Bản giảm đi. Tuy nhiên, đối với các công ty Nhật Bản đầu tư tại Mỹ, theo nghiên cứu của tập đoàn Sumitomo Mitsui Banking Corporation (1/2018), việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giúp các công ty này tiết kiệm được chi phí¹⁶. Theo thống kê từ nghiên cứu trên, Nhật Bản có số lượng công ty thực hiện đầu tư tại Mỹ rất lớn. Tính đến tháng 10/2016, có tới 3.166 công ty Nhật Bản đang đầu tư vào lĩnh vực chế biến chế tạo của Mỹ, 1.547 công ty trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ 1.270 công ty trong lĩnh vực dịch vụ, 657 công ty trong lĩnh vực vận tải/viễn thông, 238 công ty trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, 83 công ty trong lĩnh vực bất động sản, 75 công ty trong lĩnh vực xây dựng và 1,386 công ty thuộc các lĩnh vực khác. Các công ty hoạt động trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ và dịch vụ cũng có thể được hưởng lợi nhờ tiêu dùng tại Mỹ tăng. Điều này có thể phần nào giảm bớt tác động tiêu cực của Luật thuế Mỹ đến nền kinh tế Nhật Bản. Kết quả đánh giá định lượng từ mô hình NIGEM cho thấy, trong số các nền kinh tế được nghiên cứu, Nhật Bản dường như là nước chịu tác động nhỏ hơn. GDP của Nhật Bản gần như không bị tác động bởi Luật thuế cải cách của Mỹ, đồng thời, vốn đầu tư tích lũy của Nhật Bản cũng bị tác động không đáng kể.

¹⁶ Nguồn: http://www.smbc.co.jp/hojin/report/investigationlecture/resources/pdf/3_00_CRSDReport055.pdf

Bảng 3: Tác động của Luật thuế Mỹ tới vốn tích lũy của các nước

Năm	Nhật Bản	Đức	Pháp	Trung Quốc
2018	0.0015	0.0031	0.0004	0.0003
2019	0.0053	-0.0048	0.0001	-0.0072
2020	0.0033	-0.067	-0.0074	-0.0505
2021	-0.0099	-0.1689	-0.0269	-0.1502
2022	-0.0312	-0.2783	-0.056	-0.293
2023	-0.0601	-0.3868	-0.0923	-0.4535
2024	-0.0995	-0.4932	-0.1357	-0.6109
2025	-0.1526	-0.5943	-0.1852	-0.7527
2026	-0.2211	-0.6807	-0.2392	-0.8737
2027	-0.2983	-0.748	-0.2939	-0.9657

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu dựa trên mô hình Nigem

3.6. Tác động đến Hàn Quốc

Luật thuế mới của Mỹ có thể đem lại cả ảnh hưởng tích cực và tiêu cực tới Hàn Quốc. Viện Nghiên cứu chính sách kinh tế Hàn Quốc (KIEP, 2018)¹² nhận định việc Mỹ giảm thuế TNDN có thể sẽ thúc đẩy xu hướng các công ty của Hàn Quốc, đặc biệt là các công ty công nghệ cao, đầu tư vào Mỹ. Xu hướng đầu tư của Hàn Quốc vào Mỹ đã tăng trong thời gian gần đây kể từ khi thiết lập FTA Hàn Quốc-Mỹ (KORUS FTA). Cụ thể, FDI của Hàn Quốc vào Mỹ đã tăng từ 4,8 tỉ USD năm 2011 lên 12,9 tỉ USD năm 2016. KIEP (2018) cũng dự báo các công ty Hàn Quốc cũng lên kế hoạch sẽ đầu tư thêm 17,3 tỉ USD vào Hàn Quốc trong vòng 5 năm tới và chính sách cải cách thuế sẽ góp phần tăng cường xu hướng này. Đầu tư của Hàn Quốc vào Mỹ trong thời gian gần đây chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực ô tô, chất bán dẫn, phần mềm và công nghệ thông tin. Đáng chú ý là các vụ mua lại của Samsung đối với các công ty của Mỹ sở hữu những công nghệ tiên tiến. Với sự phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0, loại hình đầu tư này của Hàn Quốc tại Mỹ có thể được tăng cường trong thời gian tới để tận dụng lợi thế công nghệ của Mỹ, nhờ đó tác động tích cực tới năng suất của các công ty Hàn Quốc.

Tuy nhiên, nhiều chuyên gia kinh tế của Hàn Quốc cho rằng chính sách giảm thuế của Mỹ sẽ tác động tiêu cực tới dòng vốn FDI vào Hàn Quốc, khi gần đây Hàn Quốc đã quyết định tăng mức thuế doanh nghiệp tối đa từ 22% lên 25% đối với các doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế vượt quá 300 tỷ won (277,3 triệu đô la Mỹ). Cải cách thuế của Mỹ, dự kiến sẽ thu hút các doanh nghiệp lớn vào Mỹ. Bên

cạnh đó, xu hướng tăng thuế của Hàn Quốc cũng đối lập với xu hướng giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của một số nước phát triển như Anh, Pháp và Nhật Bản. Nghiên cứu của Won (2017)¹⁷ nhận định các công ty nước ngoài khó có thể đầu tư vào Hàn Quốc trong bối cảnh xu hướng giảm thuế đang diễn ra trên toàn cầu. KIEP (2018) cho rằng sự đối lập về thay đổi mức thuế của hai nước sẽ làm GDP của Hàn Quốc hàng năm giảm trung bình 29 nghìn tỷ won (26,9 tỷ USD) trong thập kỷ tới. Đánh giá định lượng tác động từ mô hình NIGEM cho thấy dưới tác động của Luật thuế cải cách Mỹ, GDP của Hàn Quốc có thể chịu tác động tiêu cực, song ở mức độ nhẹ hơn và chỉ bắt đầu giảm với mức độ nhẹ, khoảng 0,05% từ năm 2020 và giảm tiếp ở mức 0,06% (khoảng 300 tỷ won) đến năm 2022, sau đó phục hồi trở lại trong dài hạn.

Bên cạnh đó, cải cách thuế có thể khiến cho đồng USD tăng giá và gia tăng thâm hụt thương mại giữa Mỹ và Hàn Quốc (KIEP, 2018). Thâm hụt thương mại của Mỹ với Hàn Quốc ngày càng tăng (năm 2010 là 10 tỷ \$ và năm 2016 là 27 tỷ \$) và chính sách thương mại của chính quyền Tổng thống Donald Trump hiện nay đang tập trung vào giảm thâm hụt thương mại với Hàn Quốc thông qua yêu cầu đòi đàm phán lại FTA. Đầu năm 2018, giữa hai nước đã có căng thẳng về thương mại khi Mỹ áp thuế mới đối với các máy giặt và pin mặt trời nhập khẩu. Trong khi pin mặt trời bị đánh 30% thuế; 1,2 triệu máy giặt dân dụng nhập khẩu sẽ có mức thuế 20% trong năm đầu tiên, và bất cứ mặt hàng nhập khẩu nào vượt quá hạn ngạch đó sẽ bị áp mức thuế 50%. Kết quả đánh giá từ mô hình NIGEM cho thấy, dưới tác động của Luật thuế, xuất khẩu của Hàn Quốc có dấu hiệu suy giảm từ năm 2020, ở mức -0,04%; tiếp tục giảm -0,07% vào năm 2021, -0,01% vào năm 2022 và phục hồi trong dài hạn.

3.7. Tác động đến Trung Quốc

Luật cải cách thuế của Mỹ sẽ có thể có tác động lớn tới đầu tư song phương giữa Trung Quốc và Mỹ do hai nước có quan hệ kinh tế và đầu tư chặt chẽ. Giá trị đầu tư song phương giữa Mỹ và Trung Quốc vượt mức 60 tỉ USD vào năm 2016, và là mức cao nhất từ trước tới nay.

Đối với đầu tư của Mỹ vào Trung Quốc, Luật thuế mới có thể tác động tới cách thức đầu tư hiện tại của Mỹ vào Trung Quốc cũng như việc chuyển lợi nhuận

¹⁷ Viện nghiên cứu Hyundai

về nước hơn là tổng mức đầu tư (Lee và cộng sự, 2018)¹⁸. Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hạ từ 35% xuống 21% không nhất thiết dẫn đến việc các công ty đa quốc gia của Mỹ chuyển hướng đầu tư khỏi Trung Quốc và quay trở lại Mỹ bởi vì một số lý do sau: (i) mặc dù mức thuế thu nhập doanh nghiệp mới 21% của Mỹ thấp hơn so với mức thuế 25% của Trung Quốc, nhưng sau khi cộng thêm mức thuế bang và địa phương, mức thuế tổng cộng của Mỹ có thể vẫn cao hơn so với Trung Quốc; (ii) thị trường đầu tư của Trung Quốc có nhiều điểm hấp dẫn như quy mô thị trường lớn, các chuỗi công nghiệp phát triển, lực lượng lao động được đào tạo tốt, chi phí rẻ hơn và cơ sở hạ tầng phát triển nhanh chóng. Những lợi ích này có thể giúp giữ chân các công ty đa quốc gia của Mỹ đặc biệt là những công ty có hoạt động sản xuất, chế tạo lớn tại Trung Quốc.

Tuy nhiên, Trung Quốc cũng phải chịu áp lực khá lớn khi Mỹ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bởi các chi phí liên quan đến thuế thực tế tại Trung Quốc cao nhất trong nhóm nước phát triển nếu tính cả đến các khoản mà doanh nghiệp Trung Quốc phải nộp cho quỹ hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm liên quan đến việc làm, trợ cấp nhà ở... (World Bank, 2017). Bên cạnh đó, đồng USD tăng giá, đồng NDT giảm giá do tác động của Luật thuế có thể đang và sẽ làm dòng vốn dịch chuyển từ nhiều nơi trên thế giới nói chung và Trung Quốc nói riêng vào Mỹ. Sau khi Mỹ thông qua Luật thuế mới, Trung Quốc đã tuyên bố những ảnh hưởng từ sự thay đổi chính sách thuế ở nền kinh tế lớn nhất thế giới là không thể xem nhẹ và họ đã thực hiện các biện pháp để chủ động đối phó với sự thay đổi đó. Cụ thể, từ 1/1/2018, Trung Quốc đã miễn thuế cho các doanh nghiệp nước ngoài tái đầu tư vào một số lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ như hạ tầng, công nghệ nông nghiệp. Trung Quốc cũng tuyên bố sẽ áp dụng biện pháp kiểm soát ngoại tệ nhằm hạn chế thoái vốn, rút vốn của các nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi nước này cũng như sẽ ban hành các chính sách phù hợp với các nước khác để thúc đẩy năng suất lao động và tăng thu nhập cho người dân. Một trong những biện pháp được cân nhắc đầu tiên của nước này là sẽ tiến hành cải cách thuế giá trị gia tăng (VAT) sau khi Mỹ cải cách thuế để khuyến khích cạnh tranh công bằng, đồng thời mở cửa thị trường hơn nữa và tiếp tục cải cách tài chính...

Đối với đầu tư của Trung Quốc tại Mỹ, Luật thuế mới có thể khiến các nhà đầu tư Trung Quốc cân nhắc lại việc chuyển lợi nhuận về nước. Lợi nhuận mà Trung Quốc thu được ở Mỹ vẫn chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp của Trung

¹⁸Alexander Lee và cộng sự (2018), "US Tax Reform Implications from a Chinese Perspective", Công ty luật quốc tế MWE, truy cập 12/5/2018, <https://www.mwe.com/en/thought-leadership/publications/2018/03/us-tax-reform-implications-chinese-perspective>.

Quốc là 25% (thuế CIT của Trung Quốc vẫn là hệ thống thuế thế giới), nhưng thuế thu nhập liên bang của Mỹ có thể khấu trừ khoản thuế CIT phải nộp cho Trung Quốc. Khi thuế thu nhập doanh nghiệp của Mỹ là 35%, so với mức thuế CIT của Trung Quốc là 25%, điều này không có vấn đề gì. Tuy nhiên, khi thuế của Mỹ đã hạ xuống 21%, các nhà đầu tư của Trung Quốc có thể cân nhắc việc có nên chuyển lợi nhuận về Trung Quốc hay không.

Các nhà sản xuất của Trung Quốc có thể tăng cường đầu tư vào Mỹ để tận dụng quy định về thu nhập vô hình có nguồn gốc từ nước ngoài (FDII) theo luật mới. Quy định này khuyến khích các nhà sản xuất thiết lập sự hiện diện tại Mỹ và thưởng cho các nhà sản xuất Mỹ nếu vượt một mức doanh thu nhất định từ nước ngoài bằng cách giảm thuế cho khoản doanh thu vượt trội đó. Quy định về FDII có thể giúp giảm mức thuế tổng thể xuống khoảng 13% và thấp hơn nhiều so với mức thuế thu nhập doanh nghiệp 25% tại Trung Quốc. Do vậy, một số nhà sản xuất, chế tạo của Trung Quốc như Fuyao Glass (công ty sản xuất kính ô tô) đã dịch chuyển hoặc đang xem xét việc dịch chuyển nhà máy sang Mỹ.

Trong khi đó, đối với thương mại, nghiên cứu của Sun Lijian (2017) cho rằng cắt giảm thuế có thể thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng và đầu tư tư nhân ở Mỹ, làm tăng nhu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước như Trung Quốc.

Đánh giá định lượng từ mô hình NIGEM cho thấy Luật thuế Mỹ có tác động tiêu cực rõ hơn đối với nền kinh tế Trung Quốc so với các nước được nghiên cứu. Vốn đầu tư tích lũy của Trung Quốc giảm nhẹ bắt đầu từ năm 2019, mức giảm có xu hướng tăng và kéo dài trong dài hạn, đỉnh điểm giảm thêm 0,8% vào năm 2026; -0,9% vào năm 2027. Đây có thể là lý do GDP của Trung Quốc bị tác động lớn hơn so với các nước khác bởi Luật thuế cải cách từ Mỹ, ở mức -0,2% từ năm 2021 và kéo dài trong dài hạn.

Bảng 4: Tác động đến GDP của Trung Quốc và các nước khác

	Eurozone	Nhật Bản	Trung Quốc	Hàn Quốc
2018	0.08	0.0883	0.08	0.019
2019	0.042	0.07	0.06	0.165
2020	-0.13	-0.09	-0.17	-0.0524
2021	-0.0205	-0.0259	-0.0414	-0.068
2022	-0.042	-0.0246	-0.084	-0.0638
2023	-0.0556	-0.015	-0.1046	0.0747
2024	-0.073	-0.037	-0.1145	0.087
2025	-0.0976	-0.1383	-0.1244	0.0897
2026	-0.1433	-0.2656	-0.1553	0.0626
2027	-0.1777	-0.361	-0.1781	0.0278

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu dựa trên mô hình Nigem

IV. TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI

4.1. Tác động tới toàn cầu

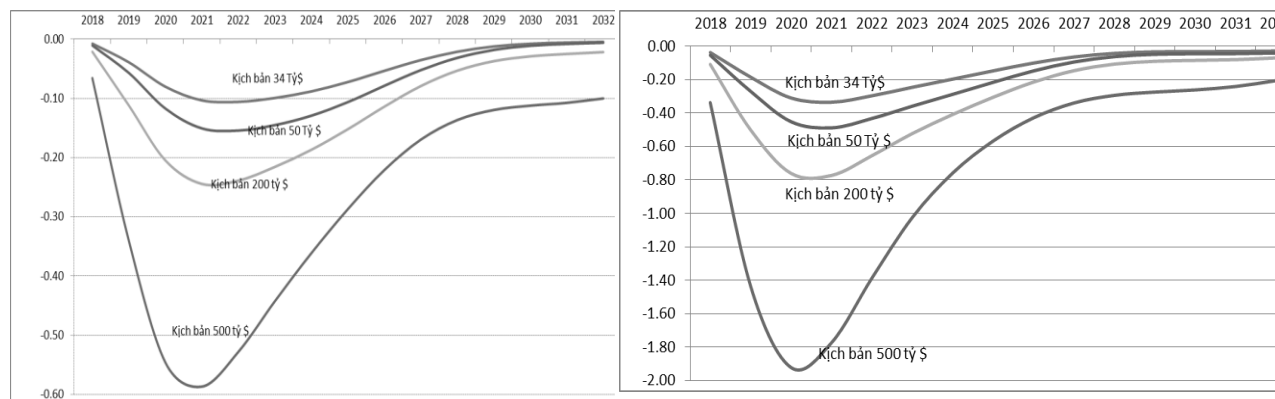
Theo tính toán, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế thế giới. Tác động tiêu cực sẽ lan tỏa dần từ thương mại sang sản xuất của các nước, và như vậy các năm sau đó sẽ có tác động lớn hơn. Theo đánh giá của nhóm nghiên cứu, đỉnh điểm của tác động tiêu cực là vào năm 2021 đến 2023, sau đó thị trường sẽ tự điều chỉnh, giảm dần tác động tiêu cực vào các năm tiếp theo.

Tác động tiêu cực sẽ khiến tăng trưởng kinh tế thế giới giảm 0,1% trong kịch bản 34 tỉ USD và 0,15% trong kịch bản 50 tỉ USD vào các năm 2021 và 2022 (hai năm chịu tác động lớn nhất). Nếu một cuộc chiến thương mại toàn diện xảy ra và Mỹ đánh thuế đối với cả 500 tỉ USD hàng hóa Trung Quốc (gần bằng tổng xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ năm 2017 là 505 tỉ USD) và Trung Quốc đáp trả bằng cách áp thuế tương ứng đối với toàn bộ hàng hóa từ Mỹ (nhưng tối đa sẽ chỉ tương đương 130 tỉ USD hàng nhập khẩu từ Mỹ năm 2017), quy mô nền kinh tế thế giới có thể giảm tới 0,55% vào năm 2020 và 0,59% vào năm 2021 (hai năm chịu tác động lớn nhất). GDP thế giới bị ảnh hưởng sẽ chủ yếu do tác động từ thương mại và đầu tư. Điểm chú ý là tùy vào các kịch bản khác nhau, chiến tranh thương mại càng leo thang thì mức độ tác động tiêu cực tới kinh tế thế giới càng lớn và càng xảy ra sớm hơn (hình 7).

Hình 13: Tác động tới kinh tế thế giới (% so với kịch bản gốc)

Tăng trưởng

Nhập khẩu



Nguồn: Dự báo của NCIF

Quỹ Tiền tệ Quốc tế cũng cho rằng cho rằng cuộc chiến thương mại “không chỉ làm tổn thương tăng trưởng toàn cầu mà sẽ không có quốc gia nào chiến thắng. IMF nhận định việc Mỹ - Trung trả đũa thương mại có thể khiến tăng trưởng toàn cầu mất 0,5% vào năm 2020. Các số liệu gần đây cho thấy tăng trưởng tại lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc đã chậm lại trong tháng 7. Niềm tin người tiêu dùng Mỹ cũng đi xuống do lo ngại thuế nhập khẩu. Theo Bloomberg, một cuộc chiến thương mại toàn diện có thể làm cho nền kinh tế toàn cầu thiệt hại 470 tỷ USD (hoặc khoảng 89,3% tổng nhập khẩu của Mỹ từ Trung Quốc vào năm 2017). Đồng quan điểm với những đánh giá trên, Morgan Stanley ước tính chiến tranh thương mại toàn diện sẽ khiến GDP toàn cầu mất 0,81%. Đây là kịch bản nếu Mỹ áp thuế nhập khẩu 25% lên toàn bộ hàng từ Trung Quốc và EU, rồi bị trả đũa tương tự. Những ảnh hưởng này có thể sẽ diễn ra vào năm tới, chủ yếu do chuỗi cung ứng nội địa và quốc tế bị gián đoạn. Lưu ý rằng cả Mỹ và Trung Quốc đều có mức độ ảnh hưởng từ thương mại đáng kể, với tổng số thương mại của Mỹ với Trung Quốc chiếm 16,9% tổng thương mại với phần còn lại của thế giới, ngược lại tổng thương mại của Trung Quốc với Mỹ là 14,3%.

Bên cạnh Mỹ và Trung Quốc là hai quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất (xem Mục 2), Hàn quốc, Singapore cũng chịu tác động tiêu cực khá lớn. Lý do là mức độ phụ thuộc lớn giữa các quốc gia này với cả Mỹ và Trung Quốc. Các quốc gia này nằm trong số các nhà xuất khẩu lớn nhất "hàng hóa trung gian" như chip bán dẫn và màn hình sang Trung Quốc, sau đó lắp ráp chúng thành các sản phẩm hoàn chỉnh để chuyển sang Mỹ. Trong số các nước ASEAN, Singapore là nước chịu ảnh hưởng tiêu cực nhất. Quy mô GDP của Singapore có thể bị giảm đi 0,558% vào

năm 2020, lớn hơn tác động tới Mỹ và Trung Quốc do Singapore là điểm trung chuyển thương mại và đầu tư của cả hai quốc gia này. GDP của Hàn Quốc có thể bị giảm 0,034% vào năm 2019, tăng dần qua các năm và đạt 0,2% vào năm 2022.

Trong khi đó Nhật Bản cũng là nước sẽ ngay lập tức chịu những tác động xấu khiến quy tốc độ tăng trưởng bị giảm 0,046% vào năm 2019 và giảm 0,086% vào năm 2021 chủ yếu thông qua tác động đến chuỗi cung ứng toàn cầu, nhưng nhanh chóng ổn định trong các năm sau đó (Hình 8). Mức thuế của Mỹ đối với thép Nhật Bản chỉ có thể ảnh hưởng đến một số công ty nhưng tác động ở cấp vĩ mô là không đáng kể. Xuất khẩu thép của Nhật Bản chỉ chiếm 0,6% GDP trong năm 2017. Thị phần thép của Nhật Bản được Mỹ nhập khẩu chỉ là 5%, hầu như không thay đổi so với năm 2013. Trong khi đó, xuất khẩu thép của Nhật Bản sang Thái Lan và Mexico tăng đáng kể đến 5% trong năm 2017 từ 2,5% trong năm 2013 (Bloomberg).

Bảng 4: Tác động tới GDP thế giới (% so với kịch bản gốc)

	T. quốc	N. bản	Mỹ	H. quốc	Sing	Eurozone	Việt Nam
2018	-0.015	-0.007	-0.037	0.003	-0.082	-0.007	-0.036
2019	-0.054	-0.046	-0.132	-0.034	-0.351	-0.041	-0.118
2020	-0.148	-0.082	-0.197	-0.115	-0.558	-0.071	-0.170
2021	-0.219	-0.086	-0.218	-0.176	-0.544	-0.076	-0.174
2022	-0.241	-0.075	-0.209	-0.197	-0.413	-0.067	-0.155
2023	-0.242	-0.065	-0.188	-0.196	-0.288	-0.055	-0.132
2024	-0.223	-0.059	-0.162	-0.188	-0.189	-0.045	-0.106
2025	-0.178	-0.053	-0.131	-0.173	-0.101	-0.037	-0.075
2026	-0.114	-0.045	-0.099	-0.154	-0.030	-0.030	-0.042
2027	-0.050	-0.038	-0.070	-0.134	0.011	-0.025	-0.015
2028	0.001	-0.033	-0.047	-0.117	0.022	-0.022	0.005
2029	0.033	-0.029	-0.029	-0.104	0.011	-0.020	0.015
2030	0.047	-0.027	-0.015	-0.095	-0.006	-0.018	0.017
2031	0.049	-0.023	-0.003	-0.089	-0.019	-0.015	0.015
2032	0.046	-0.019	0.008	-0.083	-0.021	-0.011	0.013

Nguồn: Dự báo của NCIF, trường hợp áp thuế 50 tỷ \$ của Mỹ

Một tác động khác là cuộc chiến thương mại sẽ làm cho thị trường hàng hóa và giá cả của một số hàng hóa nhất định trở nên xáo trộn. Ví dụ như mức thuế quan đáp trả của Trung Quốc đối với sản phẩm đậu nành của Mỹ đang khiến sản phẩm này mất giá nhanh chóng và kéo theo một làn sóng thu mua ồ ạt từ các nước khác nhằm tận dụng nguồn cung đậu nành giá rẻ. Mức giá thấp đã khiến các nhà nhập khẩu từ Mexico tới Pakistan hay Thái Lan chạy đua để mua vào đậu nành của Mỹ. Nó dẫn đến đơn đặt hàng tháng 6 cho vụ mùa đậu nành sắp tới của Mỹ cao hơn 27% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 8 triệu tấn. Brazil, nước xuất khẩu đậu nành

lớn nhất thế giới, cũng đang chuẩn bị cho một đơn hàng lớn đặt mua đậu nành Mỹ để cung cấp cho các nhà máy chế biến trong nước trong khi bán đậu nành nội địa cho Trung Quốc với mức giá cao hơn mức giá thông thường.

Ngoài ra, cuộc chiến cũng gây ra những tác động tiềm tàng đối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngân hàng Thế giới cho rằng chủ nghĩa bảo hộ có thể “phá vỡ chuỗi cung ứng trên toàn thế giới và ảnh hưởng đến năng suất lâu dài”. Nếu các công ty Mỹ không thể kết thúc chiến tranh, họ sẽ tổ chức lại chuỗi cung ứng và định vị sản xuất chi phí thấp ở các nước khác như Việt Nam, Malaysia, Indonesia, Mexico và Peru. Họ sẽ không chuyển nhiều sản xuất trở lại Mỹ. Tương tự, các công ty Trung Quốc mua đầu vào công nghiệp công nghệ cao từ Mỹ sẽ chuyển một số sản phẩm sang các nước khác như Hàn Quốc, Canada và Úc. Nhưng chính phủ Trung Quốc cũng sẽ mạnh mẽ khuyến khích các công ty Trung Quốc sản xuất nhiều nguyên liệu đầu vào này tại nước nhà, mặc dù chi phí sẽ cao hơn nhiều.

4.2. Đánh giá tác động đến kinh tế Mỹ

Trung tâm Thông tin và dự báo KTXH quốc gia (NCIF) nhận định cả Mỹ và Trung Quốc đều bị thiệt hại về tăng trưởng, trong đó Mỹ bị thiệt hại nhiều hơn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Mỹ có thể giảm 0,034% vào năm 2018. Năm 2021 và 2022, GDP của Mỹ giảm với các mức tương ứng là: 0,22 % và 0,21 %. Các chỉ số về thương mại, thu ngân sách của Mỹ đều giảm đi.

Về mặt thị trường và tiềm năng thị trường: Trung Quốc đang là thị trường lớn của Mỹ. Cuộc chiến thương mại sẽ làm Mỹ mất nhiều cơ hội khai thác thị trường tiềm năng của Trung Quốc, trong bối cảnh sự phụ thuộc của kinh tế Trung Quốc vào kinh tế Mỹ ngày càng giảm, và thị trường tiêu dùng của Trung Quốc ngày càng tăng trưởng nhanh. Theo một số đánh giá, mặc dù thị trường Mỹ cách đây vài thập kỷ rất hấp dẫn, nhưng hiện nay thị trường nước này đã tương đối bão hòa, và những thị trường đang nổi khác đang ngày càng thu hút sự quan tâm của Trung Quốc. Thực tế, những thị trường có mức tăng trưởng về tiêu thụ lớn nhất đối với những hàng hóa do Trung Quốc sản xuất như máy tính xách tay và điện thoại di động lại là những nước đang phát triển như Ấn Độ, châu Mỹ Latinh và châu Phi. Ngược lại, Trung Quốc cũng là một thị trường mà Mỹ không thể bỏ qua. Vào cuối năm 2015, người tiêu dùng Trung Quốc đã mua tới 131 triệu chiếc iPhone. Trong khi đó, tổng doanh số bán iPhone cho người tiêu dùng Mỹ trong cùng thời điểm chỉ ở mức 110 triệu. Hãng máy bay Boeings (sử dụng tới 150.000 lao động tại Mỹ) cũng ước tính rằng Trung Quốc sẽ mua tới 6.810 chiếc máy bay trong vòng 20 năm tới, và riêng thị trường này sẽ đáng giá tới hơn 1 nghìn tỉ USD.

Trong vòng 30 năm qua, chính sách kinh tế của Mỹ đã khuyến khích các công ty của Mỹ đưa hoạt động chế tác sử dụng nhiều lao động ra nước ngoài tới Trung Quốc và các nước châu Á khác, trong khi vẫn giữ lại những hoạt động có giá trị nhất ở lại nước Mỹ như hoạt động đổi mới sáng tạo, công nghệ và thương hiệu. Trung Quốc đã tham gia vào quá trình toàn cầu hóa do Mỹ dẫn dắt bởi vì đây cũng là con đường phát triển tốt nhất cho một nền kinh tế đang nổi như Trung Quốc. Để nâng cao mức sống cho 1,3 tỉ dân, chính phủ Trung Quốc đã khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài và xây dựng nền kinh tế dựa trên lực lượng lao động lớn và có kỹ năng của mình. Do vậy, Trung Quốc đã trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới và có mức thặng dư thương mại lớn. Người tiêu dùng Mỹ cũng được hưởng lợi nhờ giá hàng hóa thấp và các công ty của Mỹ cũng thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ. Với mối quan hệ cộng sinh giữa Mỹ và Trung Quốc này, nước Mỹ đã trở thành nước dẫn đầu và công nghệ, và thương hiệu của Mỹ đã trở nên nổi tiếng trên toàn thế giới. Trung Quốc cũng đã cải thiện mức sống của người dân với mức tăng GDP bình quân đầu người lên 10 lần trong vòng hai thập kỷ qua. Do vậy việc chính quyền Mỹ khuấy động chiến tranh thương mại vào thời điểm mà thị trường tiêu dùng lớn nhất thế giới đang mở cửa cho thấy nước Mỹ đang từ bỏ cơ hội của mình trong việc khai thác thị trường tiêu dùng đầy tiềm năng của Trung Quốc.

Thiệt hại đối với các nhà sản xuất và người tiêu dùng Mỹ: Nhiều chuyên gia cho rằng, việc Mỹ khuấy động chiến tranh thương mại sẽ thúc đẩy các biện pháp trả đũa từ Trung Quốc và dẫn đến những thiệt hại lớn đối với các nhà sản xuất của Mỹ. Cụ thể, nông dân Mỹ cũng bị ảnh hưởng lớn từ cuộc tranh chấp thương mại. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất về đậu tương của Mỹ, với giá trị 14 tỉ USD mỗi năm và chiếm tới 65% thị phần xuất khẩu đậu tương của cả nước Mỹ. Do vậy, việc Trung Quốc tăng thuế đối với các nông sản như đậu tương sẽ gây thiệt hại lớn cho Mỹ. Mặc dù Bộ Nông nghiệp Mỹ đang chuẩn bị một kế hoạch hỗ trợ khẩn cấp bao gồm trợ cấp trực tiếp và các khoản cứu trợ tạm thời cho nông dân, tuy nhiên trong dài hạn khu vực nông nghiệp của Mỹ chắc chắn sẽ bị thiệt hại.

Việc Mỹ tăng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm thép giúp các nhà sản xuất thép của Mỹ hưởng lợi nhờ giá tăng, nhưng sẽ gây thiệt hại cho một số lượng lớn lao động làm trong ngành chế tác sử dụng thép làm đầu vào, và gây thiệt hại cho các doanh nghiệp do chi phí đầu vào tăng. Những công ty đầu tiên bị ảnh hưởng có thể kể đến Ford và General Motors khi hai công ty này đã hạ dự báo lợi nhuận năm 2018, do giá nhôm, thép cao vì thuế nhập khẩu mới của Mỹ. Fiat Chrysler cũng hạ

triển vọng doanh thu 2018 do doanh số tại Trung Quốc sụt giảm. Nguyên nhân là khách hàng hoãn mua để chờ thuế nhập khẩu xe giảm xuống. Tháng 5, Trung Quốc thông báo sẽ giảm thuế nhập khẩu xe từ 25% xuống 15%, bắt đầu từ ngày 1/7, nhằm hạ nhiệt căng thẳng thương mại với Mỹ. Nhưng ngay sau đó, ngày 6/7, thuế nhập khẩu với xe Mỹ đã được tăng lên 40% để trả đũa việc Mỹ áp thuế lên 34 tỷ USD hàng Trung Quốc. Các hãng công nghệ của Mỹ cũng sẽ gặp bất lợi do sức ép cạnh tranh từ các đối thủ khác tại thị trường Trung Quốc ngày càng tăng. Sản phẩm iPhone của hãng Apple tại Trung Quốc đang phải cạnh tranh với các nhà sản xuất nội địa Trung Quốc, và hãng Samsung của Hàn Quốc cũng sẵn sàng đáp ứng những sản phẩm mà thị trường Trung Quốc còn thiếu. Tương tự, Trung Quốc cũng sẽ sẵn sàng chuyển hướng nhập khẩu mặt hàng máy bay từ Boeing sang Airbus của Châu Âu. Đối với ngành ô tô, các sản phẩm của Mỹ cũng sẽ bất lợi thế hơn trong cạnh tranh đối với các hãng ô tô từ các nước khác như Mercedes hay BMW tại thị trường Trung Quốc.

Theo một số tính toán của chính các tổ chức của Mỹ (Tax Foundation) việc áp thuế 25% đối với 150 tỉ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc hàng năm sẽ tương đương với việc tăng gần 38 tỉ USD thuế đối với các doanh nghiệp và người tiêu dùng Mỹ trong năm 2018. Đáng chú ý là, chi phí này còn lớn hơn cả chi phí do tăng thuế đối với nhôm, thép cũng như máy giặt và pin mặt trời mà chính quyền của Tổng thống Trump đã thực hiện trong năm nay.

Rủi ro đối với thị trường tài chính Mỹ: Rủi ro này bắt nguồn từ việc hiện tại, Trung Quốc và 10 nền kinh tế châu Á đang nắm giữ tới hơn 3 nghìn tỉ USD trái phiếu kho bạc Mỹ - gần 15% tổng nợ quốc gia của Mỹ. Việc Trung Quốc hạn chế dần mua nợ của chính phủ Mỹ có thể ảnh hưởng đến sự ổn định trong thị trường tài chính Mỹ. Các nhà phân tích cho rằng có tới 60% thâm hụt của Mỹ được tài trợ bởi nước ngoài. Các nước mà Mỹ đang phát động chiến tranh thương mại như Trung Quốc và châu Âu cũng chính là những nước mà Mỹ đang phụ thuộc để tài trợ vốn cho thâm hụt ngân sách của mình. Do vậy, trong bối cảnh Mỹ đang thâm hụt kép, các biện pháp trả đũa từ các nước khác do chiến tranh thương mại có thể sẽ thúc đẩy tình trạng rút vốn ra khỏi nước Mỹ.

4.3. Tác động đối với kinh tế Trung Quốc

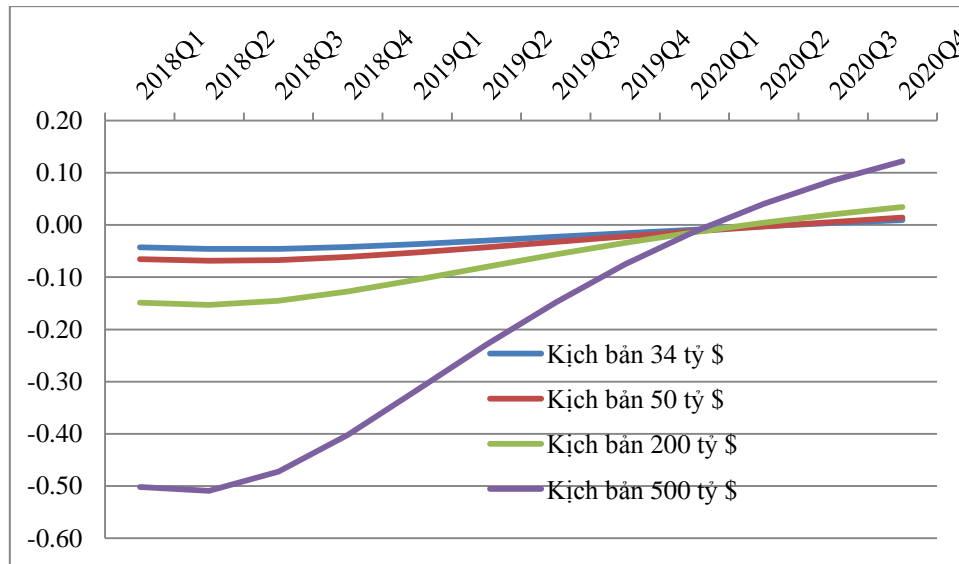
Nếu cuộc chiến thương mại leo thang, Trung Quốc sẽ chịu khá nhiều tổn thất. Trong khi xuất khẩu hàng hóa từ Mỹ sang Trung Quốc chỉ chiếm chưa đầy 1% GDP và 8% tổng xuất khẩu của Mỹ, xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ chiếm

gần 4% GDP và 20% xuất khẩu của quốc gia này. Giá trị gia tăng từ xuất khẩu sang Mỹ chiếm 3% GDP của Trung Quốc. Mặc dù nhiều công ty Mỹ đang đầu tư ở Trung Quốc nhưng nếu các căng thẳng thương mại không được giải quyết, Trung Quốc sẽ chịu tác động kinh tế trực tiếp lớn hơn Mỹ. Dự báo NCIF cho thấy, tùy theo các kịch bản khác nhau tác động tới kinh tế Trung Quốc là khá lớn và sâu. Theo đó GDP của Trung Quốc có thể giảm 0,24% vào năm 2022 với kịch bản Mỹ áp thuế 50 tỷ \$.

Điểm đáng chú ý là với tốc độ tăng lương cao, và chậm cải thiện về môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, trước khi chiến tranh thương mại xảy ra, đã có làn sóng di chuyển FDI ra khỏi Trung Quốc, vì vậy mức độ tác động tiêu cực có thể sâu hơn. Hiện nay, không chỉ doanh nghiệp Mỹ mà nhiều doanh nghiệp châu Âu đều bày tỏ sự bất bình về việc môi trường kinh doanh tại Trung Quốc ngày càng khó khăn liên quan đến việc vi phạm sở hữu trí tuệ, bị buộc chuyển giao công nghệ hoặc các ưu đãi công khai quá mức của Chính phủ Trung Quốc dành cho doanh nghiệp bản địa. Vì thế, cộng thêm nguy cơ về một cuộc chiến thương mại với Mỹ, nhiều công ty nước ngoài sẽ muốn rút khỏi Trung Quốc. Trong bối cảnh cuộc chiến về thuế quan ngày càng căng thẳng, nhiều công ty đã và sẽ có ý định di chuyển tới các dây chuyền sản xuất ở Ấn Độ, Bangladesh, Philippines và Mexico nơi giá nhân công có phần rẻ hơn Trung Quốc. Không chỉ các công ty nhỏ mà cả những tập đoàn lớn như Kerry Logistics Network cũng đã chuyển một phần dây chuyền sản xuất ra khỏi Trung Quốc để tránh thuế suất cao.

Mỹ có lợi thế là vai trò của đồng USD trong thương mại quốc tế hiện nay. Trong kho dự trữ ngoại tệ của các chính phủ trên thế giới, chỉ có 1,1% là đồng NDT so với mức 64% của đồng USD. Khi IMF đưa đồng NDT vào giỏ tiền tệ làm cơ sở cho Quyền Rút vốn Đặc biệt (SDR), nhiều người tin rằng sự thống trị của đồng USD Mỹ đang giảm đi. Trong thực tế tỷ lệ của đồng NDT trong thanh toán quốc tế đã suy giảm kể từ sau đó. Một đồng tiền dự trữ đáng tin cậy phụ thuộc vào thị trường vốn sâu rộng, chính phủ trung thực, và nền pháp quyền. Không yếu tố nào trong số này có khả năng được hình thành tại Trung Quốc trong tương lai gần. Chiến tranh thương mại xảy ra có thể dẫn đến đồng NDT bị phá giá so với đồng USD và càng ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn đến khả năng trở thành đồng tiền trao đổi trong thương mại quốc tế (Hình 14)

Hình 14: Tác động của chiến tranh thương mại tới tỉ giá CNY/USD
(% so với kịch bản gốc)



Nguồn: tính toán của nhóm nghiên cứu

Một yếu tố bất lợi nữa đó là các biện pháp phi thuế quan và các biện pháp trừng phạt về công nghệ (không được tính đến trong mô hình dự báo). Rõ nhất hiện nay là từ tập đoàn viễn thông ZTE của Trung Quốc. ZTE đã phải chấp nhận nộp phạt 892,4 triệu USD cho các cơ quan chính phủ Mỹ do bị tuyên bố vi phạm kiểm soát xuất khẩu và các cấm vận khi vận chuyển những chuyến hàng có nguồn gốc từ Mỹ đến Iran và Triều Tiên. Ngoài ra, cùng trong nỗ lực ngăn chặn những phi vụ hợp tác với Trung Quốc, Ủy ban Truyền thông Liên bang Mỹ (FCC) vào tháng 1/2018 đã buộc tập đoàn AT&T phải từ bỏ một hợp đồng lớn với Huawei, một trong những "ông lớn" về sản xuất điện thoại thông minh của Trung Quốc. Trước đó, kể từ năm 2012, Huawei đã bị cấm bán thiết bị mạng lưới cho các công ty Mỹ. Do vậy, quyết định mới nhất của FCC tiếp tục là một đòn giáng mạnh với ông trùm viễn thông Trung Quốc. Một trường hợp khác mới đây là việc Ant Financial- công ty quản lý tài chính của Alibaba, bị Ủy ban Đầu tư Nước ngoài tại Mỹ (CFIUS) cấm đoán trong thương vụ mua lại công ty chuyển tiền MoneyGram với lý do là lo ngại an ninh quốc gia, lo ngại mức độ bảo mật dữ liệu có thể dễ dàng bị lợi dụng để xác định danh tính công dân Mỹ, bao gồm một tỷ lệ không nhỏ khách hàng trong quân đội.

PHẦN III

TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NGỤ Ý CHÍNH SÁCH

I. BR và tác động đến Việt Nam

Trung Quốc định hình một mạng lưới cơ sở hạ tầng từ tỉnh Vân Nam-Trung Quốc qua Lào, Campuchia, xuống Thái Lan, Malaysia, Singapore khiến mạng lưới CSHT mà Việt Nam đang đầu tư theo trục Bắc – Nam có thể sẽ không phát huy được tối đa hiệu quả khi không có kết nối theo hướng Đông – Tây. Bên cạnh đó, các khoản đầu tư lớn của Trung Quốc vào cảng biển của Campuchia và Thái Lan có thể khiến các cảng biển quan trọng của Việt Nam mất đi lợi thế trong tương lai. Thông qua hạ tầng giao thông tại các quốc gia láng giềng, Trung Quốc kết nối các điểm quan trọng tạo thành trọng tâm kinh tế khu vực. Như vậy nếu không tham gia kết nối này, Việt Nam sẽ dần nằm ngoài các kết nối CSHT đang định hình ở khu vực, dẫn đến việc chiến lược đầu tư cho CSHT của Việt Nam đã và đang thực hiện sẽ mất đi hiệu quả hoặc phần nào trở nên vô nghĩa.

Một rủi ro khác đó là từ chính việc xây dựng các công trình tại khu vực biển Đông với tiêu chuẩn môi trường thấp, cụ thể, trong cuộc Hội thảo thường niên tại Viện Walker, ĐH South Carolina, Mỹ, tháng 11/2016, các học giả đã phân tích, đánh giá, dẫn chứng chứng minh thông qua hoạt động nạo vét đáy biển một cách có chủ ý và xây dựng đảo nhân tạo, Trung Quốc đã hủy hoại môi trường sinh thái và các rạn san hô một cách nghiêm trọng. Điển hình là các hoạt động tôn tạo, xây dựng trái phép của Trung Quốc tại đá Chữ Thập (trên quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam), những hoạt động này đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo đá Chữ Thập, đồng thời biến nó từ một đảo tự nhiên thành đảo nhân tạo, làm hủy hoại hệ sinh thái tại đây. Trên thực tế, ngư dân Trung Quốc đã sử dụng các “tàu cắt” để khai thác loài trai khổng lồ tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam nhằm lấy vỏ chế tác thành các đồ trang sức đắt tiền. Phương pháp khai thác của họ là sử dụng các “tàu cắt” để nạo vét lớp đáy biển. Những lớp nạo vét sau đó được gom lại thành những núi lớn phục vụ cho việc bồi đắp, xây dựng các đảo nhân tạo. Hoạt động này cũng đã gây thiệt hại không thể khắc phục cho các rạn san hô và môi trường sinh thái xung quanh.

Theo ước tính, các hoạt động của Trung Quốc tại Biển Đông đã gây thiệt hại cho khoảng 159/162 km² san hô tại vùng biển này. Trong đó hoạt động tôn tạo, gia cố đảo của Trung Quốc gây thiệt hại khoảng 14/15 km²; hoạt động nạo vét của Trung Quốc gây thiệt hại khoảng 39/40 km²; hoạt động nạo vét làm bển đổ, kênh

ạch cho tàu thuyền đi lại của Trung Quốc gây thiệt hại khoảng 2/3 km²; hoạt động khai thác trai khổng lồ của Trung Quốc gây thiệt hại khoảng 104/104 km². Điều này làm nảy sinh quan ngại cho rằng, Trung Quốc sẽ tiếp tục bất chấp dư luận, tiến hành các hoạt động nạo vét, xây dựng đảo nhân tạo tại Scarborough nhằm hình thành miếng ghép cuối cùng của “tam giác chiến lược” gồm đảo Phú Lâm (Hoàng Sa, mà Trung Quốc đang chiếm đóng trái phép của Việt Nam)-đá Chữ Thập (Trường Sa) và bãi Scarborough và thông qua đó kiểm soát toàn bộ Biển Đông.

Rủi ro tiếp theo đó là Trung Quốc vốn là quốc gia có những động thái bành trướng lãnh thổ và thường gây mất ổn định trên Biển Đông. Như sự kiện giàn khoan HD981, bồi đắp đảo nhân tạo trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Trong khi đó, BRI là một chiến lược không chỉ kết nối kinh tế thông qua những con đường bộ mà còn qua cả hàng hải thì sự thống nhất của ASEAN và khả năng phản ứng lại sự hung hăng trên biển của Trung Quốc có thể bị ảnh hưởng và điều này bất lợi đối với Việt Nam. Một mặt khác, khi cạnh tranh với nhau để giành các khoản vay BRI, các nước trong khu vực có thể sẽ phải ký các thỏa thuận song phương với Trung Quốc nằm bên ngoài các cơ chế của ASEAN. Nếu lặp đi lặp lại, cách làm này có thể làm suy yếu vai trò của ASEAN đối với các nước thành viên, cũng như với các vấn đề khu vực. Một khi lợi ích của các quốc gia chông chéo nhau thì khả năng thực thi dự án để giúp cải thiện hạ tầng cho Việt Nam là khó xảy ra.

Trung Quốc không có cam kết thường niên về ODA cho Việt Nam như các nhà tài trợ khác, chỉ cam kết viện trợ không hoàn lại và vốn ODA theo các hiệp định cụ thể, dự án cụ thể. Tổng vốn ODA của Trung Quốc đã tài trợ khoảng 800 triệu USD, cam kết tín dụng khoảng 1,3 tỉ USD.

Tín dụng cho vay của AIIB có lãi suất cao, thời gian trả nợ ngắn có thể chưa phù hợp với khả năng của Việt Nam (các nguồn vay khác ưu đãi hơn, nợ công đang cao).

Việt Nam có vị trí quan trọng trong BRI. Việt Nam đã ký MOU với Trung Quốc về nghiên cứu kết nối BRI vào tháng 11/2017 nhưng hiện trạng tham gia hết sức hạn chế. Nếu hiệu quả của MOU Việt Nam - Trung Quốc thấp, BRI cũng có thể đi qua Lào, Campuchia và Thái Lan. Trung Quốc đang đẩy mạnh xây dựng tuyến Côn Minh-Lào-Thái Lan-Malaysia-Singapore, dự kiến tuyến Nam Ninh-Việt Nam-Lào-Singapore.

Mức độ kết nối kinh tế Việt Nam - Trung Quốc sẽ tăng lên nhưng chủ yếu là kết nối về du lịch, thể chế, khả năng kết nối hạ tầng không nhiều. Nhiều yếu tố tác động tiêu cực đến tăng cường kết nối như vấn đề chủ quyền biển Đông, ảnh

hưởng của các nước lớn, gia tăng phụ thuộc Trung Quốc, nợ công và thâm hụt ngân sách Việt Nam đang rất cao, các kết nối khác như FTA đang rất hiệu quả,...

II. Mic 2025 và ảnh hưởng đến Việt Nam

Chiến lược “Made in China 2025” của Trung Quốc ảnh hưởng chủ yếu đến các nước phát triển. Việt Nam cạnh tranh ở các sản phẩm công nghệ thấp và trung bình nhưng sẽ khó khăn hơn khi muốn vượt lên các phân khúc cao hơn hoặc khó khăn hơn để tham gia vào các công đoạn chế tạo thông minh trên thế giới do Trung Quốc đã chiếm lĩnh các công đoạn này.

Những ảnh hưởng về dài hạn do chiến lược “Made in China 2025” là tiêu cực, đặc biệt khi Việt Nam mong muốn xây dựng nền kinh tế dựa trên đổi mới, sáng tạo.

Mở ra cơ hội tham gia sâu hơn vào các phân đoạn của GVC và mạng sản xuất trong khu vực và trên thế giới do các doanh nghiệp Trung Quốc đang tiến lên các nấc thang cao hơn.

Khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào sản xuất thông minh ở Việt Nam để tận dụng sự dịch chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

Việt Nam có nguy cơ nhập khẩu các công nghệ rẻ nhưng lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường từ Trung Quốc do Trung Quốc đã bước vào giai đoạn đào thải các công nghệ này để chuyển sang các công nghệ cao cấp.

Mặc dù các doanh nghiệp Trung Quốc chiếm vai trò chủ yếu trong các dự án chế tạo thông minh nhưng xu hướng này đang mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia được một số dự án này do Việt Nam có khả năng nhất định trong lĩnh vực phần mềm và chế tạo.

Việt Nam có thể học hỏi Trung Quốc về chiến lược và chính sách phát triển nền sản xuất thông minh, lấy sáng tạo làm trung tâm.

Việt Nam nhập khẩu nhiều máy móc, thiết bị, công nghệ từ Trung Quốc, dẫn đến Việt Nam có thể tận dụng xu hướng Trung Quốc tiến hành Chiến lược “Made in China 2025” để nâng cấp công nghệ sản xuất.

Cần phân tích sâu trình độ công nghệ của các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc.

III. Luật thuế của Mỹ và ảnh hưởng đến Việt Nam

Điều chỉnh Luật thuế của Mỹ có thể ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam chủ yếu trên hai kênh tác động trực tiếp là thương mại và đầu tư. Về đầu tư, theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), đầu tư của Mỹ tại Việt Nam có xu hướng tăng trong vài năm gần đây. Cụ thể năm 2015, vốn đăng ký của Mỹ là 224,4 triệu USD; năm 2016 là 430,4 triệu USD (tăng 91,8%) và năm 2017 đạt 874,4 triệu USD (tăng hơn 2 lần so với năm 2016). Tính lũy tiến đến tháng 5/2018, Mỹ có 879 dự án, vốn đăng ký là 9,59 tỷ USD. Kể từ ngày 22/12/2017 đến hết tháng 3/2018, (sau khi Mỹ có thay đổi chính sách thuế), Mỹ có thêm 17 dự án mới với tổng số đầu tư là 90,82 triệu USD và 4 dự án tăng vốn với tổng số vốn tăng thêm là 1,733 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2017, vẫn thể hiện sự gia tăng nếu tính theo giá trị vốn: 3 tháng đầu năm 2017, số dự án mới của Mỹ vào Việt Nam cũng là 17 dự án, song tổng số vốn đầu tư đăng ký cấp mới chỉ là 5,2 triệu USD và 3 dự án tăng vốn với tổng số vốn là 23,98 triệu USD¹⁹.

Mặc dù đầu tư FDI của Mỹ vào Việt Nam còn khá khiêm tốn so với các đối tác đầu tư lớn của Việt Nam như Hàn Quốc (57,66 tỷ USD, năm 2017), Nhật Bản (49,46 tỷ USD chiếm 15,5% tổng vốn đầu tư), Mỹ đã đứng thứ 9 trong danh sách 10 quốc gia đầu tư trực tiếp nhiều nhất vào Việt Nam.

Luật thuế mới của Mỹ có thể có tác động đến đầu tư của Mỹ tại Việt Nam trên một số góc độ sau: *Thứ nhất*, với mức thuế thu nhập doanh nghiệp giảm mạnh xuống 21% và áp thuế với khoản lợi nhuận phát sinh từ nước ngoài, các công ty Mỹ đang đầu tư tại Việt Nam có thể xem xét lại các chiến lược đầu tư ở Việt Nam hoặc có thể rút lợi nhuận từ Việt Nam để chuyển hoạt động về Mỹ, thay vì tiếp tục mở rộng đầu tư tại Việt Nam. *Thứ hai*, xu hướng giảm thuế của Mỹ có thể gây ra làn sóng giảm thuế của một số nước khác hoặc các ưu đãi khác nhằm giữ doanh nghiệp Mỹ ở lại, từ đó làm cho sức cạnh tranh của môi trường đầu tư của Việt Nam bị giảm đi tương đối. Tuy nhiên, nếu sự chuyển hướng đầu tư xảy ra, tác động lớn sẽ tập trung vào dòng FDI đang tận dụng lợi thế chi phí rẻ của Việt Nam hơn là dòng FDI đầu tư vào các tài sản chiến lược hoặc đầu tư với mục tiêu chiếm lĩnh thị trường. Cơ cấu đầu tư của Mỹ ở Việt Nam tập trung nhiều hơn vào nhóm thứ nhất hơn, vì thế có thể tác động trực tiếp sẽ là không lớn.

Bảng 5: Cơ cấu đầu tư của một số nước vào Việt Nam

	Nhật Bản	Mỹ	Hàn Quốc	Chung
--	----------	----	----------	-------

¹⁹ Số liệu của Cục đầu tư nước ngoài

Nông nghiệp, khai khoáng	0.53	0.13	0.13	0.44
Chế tác	79.63	18.65	70.88	56.87
Bất động sản	6.12	12.99	13.94	19.72
Dịch vụ	13.72	68.23	15.06	22.97

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài

Ngoài ra, Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình ký kết các hiệp định thương mại tự do đa phương, nổi bật là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), tín hiệu tích cực cho thấy triển vọng thu hút đầu tư của Việt Nam từ các nước khác.

Sử dụng mô hình NIGEM để đánh giá tác động cho thấy dòng vốn FDI vào Việt Nam có thể bị ảnh hưởng tiêu cực trong ngắn hạn, song tác động là không đáng kể. Dự báo những thay đổi về thuế của Mỹ sẽ làm tổng vốn FDI của Việt Nam giảm nhẹ ở mức 0.62 tỷ VNĐ (tương đương giảm gần 28 ngàn USD) vào năm 2018, 2,59 tỷ VNĐ (tương đương giảm 114.096 USD) năm 2019, và phục hồi trở lại vào năm 2020. Ngoài ra, tác động tích cực từ các FTA và tiến trình cải cách kinh tế của Việt Nam sẽ tiếp tục thu hút FDI vào Việt Nam bù đắp cho tác động tiêu cực trên. Tuy nhiên đây chỉ là tác động trực tiếp từ việc Mỹ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tác động gián tiếp khác như việc các quốc gia khác sẽ hạ thuế hoặc có các cải thiện về môi trường đầu tư chưa được tính đến.

Đối với thương mại, theo số liệu của Tổng cục Hải quan, Mỹ là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong những năm qua. Trong giai đoạn từ năm 2000- 2017, thương mại hàng hóa Việt Nam - Mỹ tăng hơn 40 lần. Trong đó, tốc độ tăng xuất khẩu trong giai đoạn từ năm 2000-2017 bình quân đạt khoảng 28%/năm, từ 732 triệu USD năm 2000 lên 41,6 tỉ USD năm 2017. Nổi bật nhất là năm 2002 với mức tăng 127,3%, năm 2003 tăng 62,7%, năm 2006 tăng 32%. Việt Nam luôn xuất siêu sang Mỹ với giá trị ngày càng lớn. Trong năm 2017, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa trị giá 41,6 tỉ đô la Mỹ sang thị trường Mỹ, tăng 8,2% so với cùng kỳ. Xuất khẩu sang Mỹ chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Ngược lại, lượng hàng hóa nhập khẩu Mỹ chỉ đạt 9,2 tỉ đô la Mỹ, tăng 5,8% so với cùng kỳ. Nhờ vậy, Mỹ đã trở thành thị trường lớn nhất mà Việt Nam xuất siêu trong năm 2017, đạt 32,4 tỉ đô la Mỹ.

Theo cơ cấu mặt hàng, Mỹ là thị trường nhập khẩu các hàng dệt may, da giày lớn nhất của Việt Nam. Trong đó, xuất khẩu dệt may sang Mỹ năm 2017 đạt 12,28 tỉ đô la Mỹ (tăng 7,3%), chiếm 47% tổng giá trị xuất khẩu dệt may cả nước;

xuất khẩu giày dép đạt 5,11 tỉ đô la Mỹ (tăng 14%). Ngoài ra, Việt Nam còn có thể mạnh xuất khẩu nông - lâm - thủy sản sang thị trường này với các mặt hàng như hạt điều đạt 1,22 tỉ đô la Mỹ (tăng 25,7%); thủy sản đạt 1,4 tỉ đô la Mỹ (giảm 2%), gỗ và một số sản phẩm từ gỗ đạt 3,27 tỉ đô la Mỹ (tăng 15,7%).

Kết quả cho thấy áp dụng Luật thuế có tác động tích cực tới Việt Nam cả trên góc độ xuất khẩu và nhập khẩu. Cụ thể, đóng góp cho 0.3% tăng trưởng xuất khẩu/năm và cũng làm tăng ở mức 0.2% tốc độ nhập khẩu. Những tác động này có thể phần lớn do cầu nhập khẩu hàng hoá vào Mỹ tăng.

Sự bùng nổ về đầu tư của Mỹ do áp dụng Luật thuế mới nhiều khả năng có thể chỉ được đáp ứng một phần từ nguồn trong nước và do vậy phát sinh nhu cầu vốn cũng như hàng hóa từ các nước khác, đặc biệt các nước là đối tác thương mại hàng đầu của Mỹ như Việt Nam. Do đầu tư của Mỹ vào Việt Nam không thay đổi nhiều (như phân tích ở trên) nên cũng không có ảnh hưởng lớn tới thương mại qua kênh đầu tư. Kết quả phân tích định lượng thông qua mô hình NIGEM cho thấy việc thực hiện Luật cải cách thuế gần như không có tác động đáng kể đến thương mại Việt Nam trong năm đầu tiên khi Mỹ thực hiện Luật thuế, tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu trong năm tiếp theo (2019) có giảm nhẹ nhưng mức độ không đáng kể. Năm 2020 bắt đầu có sự phục hồi trở lại.

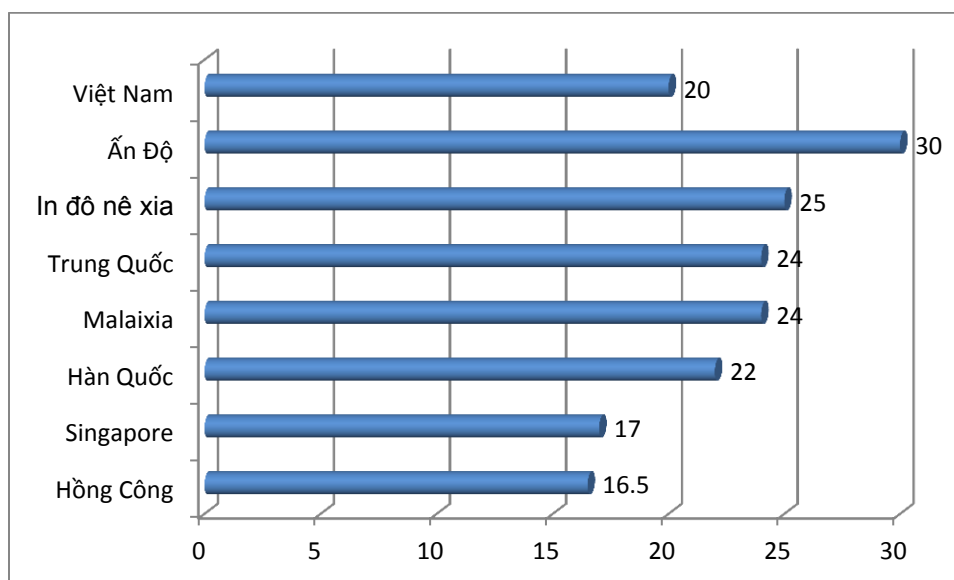
Bảng 6: Đánh giá tác động đến nền kinh tế Việt Nam

Năm	Tăng trưởng GDP (%)	Vốn FDI vào trong nước (tỷ đồng)	Tăng trưởng xuất khẩu (%)	Tăng trưởng nhập khẩu (%)
2018	0.165	-0.625	0.36	0.2277
2019	0.0568	-2.5938	0.2291	0.2006
2020	0.2729	0.6875	0.3585	0.2906

Nguồn: Tính toán của dựa trên mô hình Nigem; % thay đổi so với kịch bản gốc

Tuy vậy, việc thực hiện Luật thuế này là thời điểm buộc các nền kinh tế châu Á, trong đó có Việt Nam cần rà soát về các chính sách thuế hiện hành và chú trọng việc cải thiện năng lực cạnh tranh của mình khi xu hướng giảm thuế của Mỹ có thể gây ra làn sóng giảm thuế hoặc các ưu đãi khác của một số nước, đặc biệt là các nước trong khu vực nhằm giữ doanh nghiệp Mỹ ở lại.

Hình 15: Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp của các nước châu Á (%)



Nguồn: KPMG

Kể từ ngày 01/01/2016, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông của Việt Nam là 20%. So với các nền kinh tế châu Á, mức thuế suất này của Việt Nam vẫn đang được đánh giá là mức thuế suất khá cạnh tranh. Bộ Tài chính đang chủ trì việc xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế TNDN, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Thuế tài nguyên để trình Chính phủ và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2018. Đối với Luật Thuế TNDN, Dự án Luật đề xuất giảm thuế suất thuế TNDN với DNNVV để đáp ứng và tương thích với Luật Hỗ trợ DNNVV mới ban hành. Cụ thể, DN siêu nhỏ (doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm) được áp dụng thuế suất 15%. DNNVV (số lao động bình quân không quá 200 người, tổng doanh thu từ 3 - 50 tỷ đồng/năm) được áp dụng thuế suất 17%.

Về ưu đãi thuế (thuế suất và thời gian miễn giảm thuế):

+ Chính sách ưu đãi thuế : Qua các lần sửa đổi bổ sung, Luật thuế TNDN đã mở rộng diện ưu đãi và điều chỉnh mức độ miễn giảm và ưu đãi thuế đối với các ngành, lĩnh vực cần thu hút đầu tư, các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn,...

+ Từ năm 2014, Luật thuế TNDN số 32/2013/QH3 cũng bổ sung quy định doanh nghiệp đang hoạt động có dự án đầu tư mở rộng vào lĩnh vực và địa bàn ưu đãi thuế nếu đáp ứng tiêu chí quy định của Luật sẽ được lựa chọn hưởng ưu đãi

thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại. Thời gian miễn, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại bằng với thời gian miễn giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế TNDN.

Nhìn chung, ưu đãi thuế (theo địa bản và lĩnh vực ưu đãi, bao gồm cả ưu đãi đầu tư mở rộng) theo quy định pháp luật thuế hiện hành của Việt Nam đang được đánh giá là rộng. Ngoài ra, do Việt Nam là thành viên của nhiều cam kết hội nhập quốc tế, trong đó có điều khoản “tối huệ quốc”, do vậy, việc áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi thuế cần đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa các nhà đầu tư các nước (không chỉ nhà đầu tư Hoa Kỳ). Việc dành ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế riêng (nếu có) cho nhà đầu tư Hoa Kỳ có thể dẫn đến yêu cầu mở rộng ưu đãi đầu tư cho nhà đầu tư ở các quốc gia khác.

Điều đáng nói là, trong thời gian tới có thể các nền kinh tế sẽ thực hiện việc giảm thuế và đặc biệt là áp dụng các ưu đãi thuế khác nhằm gia tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế thì Việt Nam có thể gặp phải sức ép khá lớn. So với các nước trong khu vực, năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam (tính theo \$PPP), mặc dù đã được cải thiện và thu hẹp khoảng cách, song vẫn còn rất lớn. Năm 2015, NSLĐ Việt Nam thấp hơn NSLĐ của Singapore 17 lần, thấp hơn NSLĐ của Nhật Bản 11 lần, thấp hơn NSLĐ của Hàn Quốc 10 lần, bằng 1/5 NSLĐ của Malaixia và 2/5 NSLĐ của Thái Lan²⁰. Điều đáng nói là, NSLĐ của các nước kém phát triển hơn đang dần bắt kịp NSLĐ của Việt Nam cho thấy năng lực cạnh tranh của Việt Nam còn yếu và nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế là khá rõ.

Trên cơ sở đánh giá trên, một số hàm ý chính sách được Nhóm nghiên cứu rút ra:

- Tiếp tục theo dõi sát sao phản ứng chính sách của các nước trên thế giới sau khi Mỹ thực hiện Luật cải cách thuế mới, đánh giá tác động đến Việt Nam để kịp thời có phản ứng thích hợp;
- Rà soát số liệu tái đầu tư vốn của các doanh nghiệp Mỹ tại Việt Nam trong thời gian qua và nắm tình hình đầu tư của các doanh nghiệp này, khi cần có thể chuẩn bị linh hoạt các chính sách ứng phó, chẳng hạn như

²⁰ Nguồn: “Chất lượng nguồn nhân lực và vấn đề nâng cao năng suất lao động của Việt Nam”, PGS. TS Nguyễn Lan Hương (2017)

chính sách khuyến khích tái đầu tư như Trung Quốc đã làm. Về lâu dài, cần có sự nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi các chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với hoạt động tái đầu tư.

- Huy động mọi nguồn lực đẩy nhanh quá trình thực hiện chiến lược phát triển đất nước, chú trọng đặc biệt đến việc tăng cường sức cạnh tranh, thu hẹp khoảng cách về năng suất lao động.
- Tạo được một môi trường đầu tư minh bạch hơn nữa, hoàn thiện thể chế, cung cấp nhiều sản phẩm đầu tư hấp dẫn và bảo đảm được quyền tài sản của các nhà đầu tư để tận dụng cơ hội thu hút đầu tư từ Mỹ
- Về mặt tài chính tiền tệ, cần áp dụng biện pháp kiểm soát ngoại tệ nhằm đề phòng hiện tượng thoái vốn, chuyển vốn các nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi Việt Nam. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng cần có những chuẩn bị về chính sách để ứng phó với xu hướng đồng USD tăng giá, và chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ có xu hướng gia tăng.

Theo tính toán, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế thế giới. Tác động tiêu cực sẽ lan toả dần từ thương mại sang sản xuất của các nước, và như vậy các năm sau đó sẽ có tác động lớn hơn. Sử dụng mô hình kinh tế lượng toà cầu (NiGEM), Trung tâm thông tin và dự báo KTXH quốc gia dự báo đỉnh điểm của tác động tiêu cực là vào năm 2021 đến 2023, sau đó thị trường sẽ tự điều chỉnh, giảm dần tác động tiêu cực vào các năm tiếp theo.

Tác động tiêu cực sẽ khiến tăng trưởng kinh tế thế giới giảm 0,53 điểm % và 0,52 điểm % vào các năm 2021 và 2022 trong kịch bản 250 tỉ USD so với tình huống không có chiến tranh thương mại. Kinh tế Trung Quốc giảm 0,87% và 0,82% tương ứng với 182,1 tỉ USD và 188 tỉ USD vào các năm 2022 và 2023. Trong khi đó kinh tế Mỹ giảm 0,87% và 0,82% tương ứng với 177 tỉ USD và 163 tỉ USD vào các năm 2021 và 2022. Bên cạnh Mỹ và Trung Quốc là hai quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất, Hàn quốc, Singapore cũng chịu tác động tiêu cực khá lớn. Lý do là mức độ phụ thuộc lớn giữa các quốc gia này với cả Mỹ và Trung Quốc. Các quốc gia này nằm trong số các nhà xuất khẩu lớn nhất "hàng hóa trung gian" như chip bán dẫn và màn hình sang Trung Quốc, sau đó lắp ráp chúng thành các sản phẩm hoàn chỉnh để chuyển sang Mỹ. Trong số các nước ASEAN, Singapore là nước chịu ảnh hưởng tiêu cực nhất. Tăng trưởng của Singapore có thể bị giảm đi 1,73% và 1,67% vào năm 2020 và 2021, lớn hơn tác động tới Mỹ và Trung Quốc do Singapore là điểm trung chuyển thương mại và đầu tư của cả hai quốc gia này. Tăng trưởng GDP của Hàn Quốc cũng có thể bị giảm 0,62% vào năm 2022.

IV. Tác động của chiến tranh thương mại tới Việt Nam

Đối với Việt Nam, tác động có thể chịu là tác động hai chiều. Tác động tích cực là cơ hội mở rộng thị trường ở Mỹ nếu hàng xuất khẩu Trung Quốc bị hạn chế. Tác động với kịch bản 50 tỷ USD là không lớn, nhưng với kịch bản 250 tỷ USD là khá lớn do đã bao gồm rất nhiều nhóm hàng chủ lực của Việt Nam. Khối doanh nghiệp FDI có thể hưởng lợi nhiều hơn, đặc biệt nhóm ngành điện tử, điện máy gia dụng. Tác dụng mở rộng thị trường ở Trung Quốc, mặc dù vậy, không nhiều do hàng hóa của Mỹ xuất sang Trung Quốc đều không phải thế mạnh của Việt Nam. Ngoài ra cả Trung Quốc hay Mỹ đều có thể lựa chọn chuyển hướng đầu tư, sau đó xuất khẩu hàng hóa từ các nước trung gian như Việt Nam sang nước kia để không phải chịu mức áp thuế cao.

Ngược lại Việt Nam có thể chịu tác động tiêu cực do tốc độ tăng trưởng chung toàn cầu bị giảm đi kéo theo cầu về hàng xuất khẩu của Việt Nam giảm. Ngoại trừ EU, các đối tác thương mại lớn của Việt Nam đều bị ảnh hưởng tiêu cực. Ở một góc độ khác, khi hàng Trung Quốc xuất khẩu vào Mỹ bị áp thuế, để giảm phụ thuộc vào Mỹ, duy trì năng suất, Trung Quốc có thể có những chính sách phá giá, đẩy hàng hóa sang các nước xung quanh, trong đó có Việt Nam. Điều này tạo ra sức ép cho doanh nghiệp nội địa.

Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và dự báo KTXH quốc gia:

- Tăng trưởng GDP: Tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung của Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực, mức ảnh hưởng tăng dần và đạt cao nhất ở mức -0,55 điểm % và -0,52 điểm % vào năm 2020 và 2021.

- Xuất khẩu của Việt Nam sẽ giảm 1,36 điểm % vào năm 2021. Nhập khẩu sẽ giảm 1,59%/năm trong giai đoạn 2022-2023. Điều này cho thấy, sản xuất của các doanh nghiệp đặc biệt khu vực FDI (nhập khẩu nhiều nguyên liệu) sẽ bị ảnh hưởng.

- FDI vào Việt Nam: Tác động tích cực cũng có thể từ dòng vốn FDI tăng thêm, trong điều kiện các nước sẽ dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam. Tuy nhiên, tính toán cho thấy tác động này không đáng kể, thậm chí FDI vào Việt Nam còn có xu hướng giảm xuống. Điều này có thể do tác động của thương mại bị ảnh hưởng làm cho tình hình sản xuất của khu vực FDI bị ảnh hưởng vì vậy sẽ hạn chế dòng đầu tư. Tuy nhiên cần chú ý là tác động này không quá lớn.

Cần chú ý thêm về tác động tỷ giá, với nền kinh tế Mỹ, tác động tiêu cực từ chiến tranh thương mại diễn ra đồng thời với tác động tích cực của việc cải cách thuế của Mỹ. Theo một số dự báo đồng \$ vẫn giữ được giá trị vì thế có thể không ảnh hưởng nhiều đến tỷ giá với VNĐ mặc dù trong thời gian gần đây có xu hướng

tăng một chút. Tuy nhiên cần chú ý về tỷ giá với NDT. Đồng tiền này đã giảm giá liên tục và dự báo sẽ giảm giá sâu hơn, được coi như là phản ứng của Trung quốc với sức ép của Mỹ. Trung quốc cũng đã hạn chế lượng đầu tư vào Mỹ cũng như mua trái phiếu chính phủ Mỹ đến hạn chế tác động tiêu cực của việc đồng NDT giảm giá. Và vì vậy động thái tiếp tục cho giảm giá sâu có thể xảy ra để bù đắp thiệt hại về thuế. Tỷ giá chung của VNĐ so với USD đã tăng nhẹ trong thời gian vừa qua (có một phần do yếu tố tâm lý), vì vậy chính sách tỷ giá trong thời gian tới cần tiếp tục linh hoạt và thận trọng nhằm tránh xáo trộn lớn ảnh hưởng tới xuất nhập khẩu và ổn định kinh tế vĩ mô.

Thâm hụt thương mại với Trung Quốc có thể sẽ tăng lên. Do vị trí địa lý nên lượng hàng dư thừa Trung Quốc sẽ dễ dàng chuyển hướng sang các khu vực lân cận khác, trong đó có Việt Nam. Lợi thế cạnh tranh về giá khiến các sản phẩm từ Trung Quốc sẽ tiếp tục gây sức ép cực lớn đến thị trường hàng hoá trong nước. Mặt khác, cuộc chiến thương mại do Mỹ phát động với mục tiêu đánh vào ngành sản xuất công nghiệp của Trung Quốc. Hiện tại, thâm hụt thương mại của Việt Nam với Trung Quốc lại chủ yếu đến từ các sản phẩm công nghiệp. Trong quá khứ chúng ta cũng từng chịu những khó khăn tương tự như vào năm 2015, thép Trung Quốc tràn sang Việt Nam với giá nhập chỉ bằng 60 - 70% so với giá xuất kho của doanh nghiệp sản xuất trong nước. Như vậy, nếu cuộc chiến thương mại xảy ra, khả năng Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ việc chuyển hướng các sản phẩm công nghiệp từ Trung Quốc đổ sang.

Đánh giá chung, có thể có một số cơ hội với các doanh nghiệp xuất hàng sang Mỹ cũng như có cơ hội để các nhà sản xuất Việt Nam nhập khẩu đầu vào rẻ hơn từ Trung quốc, tuy nhiên, với tốc độ giảm về tăng trưởng và thương mại toàn cầu cũng như tác động về mặt tỷ giá và thị trường tài chính, tác động của cuộc chiến thương mại là tiêu cực với Việt Nam. Chính vì vậy trong thời gian tới cần đặc biệt chú ý một số vấn đề sau:

Xu hướng chuyển hướng thương mại của Trung Quốc tới các nước xung quanh có thể tăng lên, sức ép cho thâm hụt với Trung Quốc tăng

Xu hướng thị trường của Mỹ đặc biệt là tốc độ nhập khẩu hàng từ Trung Quốc vào Mỹ có thể không giảm (thực tế Quý 3 xuất khẩu của TQ sang Mỹ vẫn tăng)

Xu hướng dịch chuyển của các nhà sản xuất FDI tại Trung Quốc trong trường hợp sản xuất và thị trường bất ổn.

Xu hướng tỷ giá của các đồng tiền USD và NDT

Cần chú ý trường hợp các doanh nghiệp Trung Quốc xuất hàng sang Việt Nam và sơ chế rồi xuất sang Mỹ nhằm tránh thuế. Trường hợp này đã xảy ra trước

đây với một số doanh nghiệp và làm tăng nguy cơ bị Mỹ áp thuế đối với toàn bộ ngành sản phẩm.

Dự báo trong thời gian tới chiến tranh thương mại sẽ tiếp tục căng thẳng. Sức ép của Mỹ lên Trung quốc sẽ gia tăng, đồng thời cũng gia tăng với các đối tác thương mại khác của Mỹ. Hiện nay sức ép này đã tăng lên thông qua thoả thuận NAFTA mới và FTA của Mỹ với Hàn quốc đã được sửa đổi theo hướng có lợi cho Mỹ. Trong NAFTA mới TRUMP đã đưa điều khoản về việc Mexico và Canada sẽ phải tham vấn với Mỹ khi ký kết FTA với các nền kinh tế phi thị trường. Điều này có ngụ ý ngăn chặn Trung Quốc sử dụng Bắc Mỹ để xuất khẩu vào Mỹ, tuy nhiên cũng có ngụ ý với Việt Nam liên quan đến phê chuẩn CPTPP. Chính phủ cần thúc đẩy quá trình phê chuẩn CPTPP để giảm các rủi ro nếu hiệp định này không được thông qua